

# VĂN HÓA

P HẬT GIÁO



**... Cúng cháo**

Tr. 34

**Phương pháp  
hành thiền cơ bản**

Tr. 13

*Về dâu hời người?* Tr. 16



# ĐỒNG VỌNG PHÁP

Sắp ra mắt vào tháng 05/2018



## Kỳ I: PHẬT DẠY “SỐNG PHẢI CÓ NIỀM VUI”

ĐD. THÍCH QUẢNG TÁNH giảng luận theo Kinh tạng Nikàya và Kinh A Hàm

Câu chuyện

### Bên tách trà

Mạn đàm xoay quanh những đề tài thú vị trong cuộc sống theo quan điểm và góc nhìn của Đạo Phật.



Được tổ chức định kỳ hàng tháng tại  
**NHÀ HÀNG VIỆT CHAY**  
290/21A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3

Miễn phí tham dự. Hotline: 0906 951 089



## BUỔI TRÒ CHUYỆN DÀNH CHO “NGƯỜI BẠN RỘNG” CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG QUALITY OF LIFE



BUỔI TRÒ CHUYỆN DÀNH CHO “NGƯỜI BẠN RỘNG”

### CHẤT LƯỢNG CUỘC SỐNG QUALITY OF LIFE

Sẽ có buổi trò chuyện dành cho “Người bạn rộng”

VỚI ĐỀ TÀI:  
**Cách Dạy Con**  
dành cho người bạn rộng

Vào lúc 13h00, Thứ 7, ngày 21/4/2018  
tại nhà hàng chay Mandala  
số 110 Sương Nguyệt Ánh, Q.1, TP.HCM

DIỄN GIẢ: **TRẦN VIỆT QUÂN**

Liên hệ đặt chỗ:  
0933 756 504 (Mr. Dũng) - 0906 951 089 (Ngọc Thanh)

[www.facebook.com/thegioiphatgiaovn](http://www.facebook.com/thegioiphatgiaovn)



Được tổ chức định kỳ hàng tháng tại  
**NHÀ HÀNG CHAY MANDALA**  
110 Sương Nguyệt Ánh, Q.1, TP.HCM

Miễn phí tham dự. Hotline: 0906 951 089

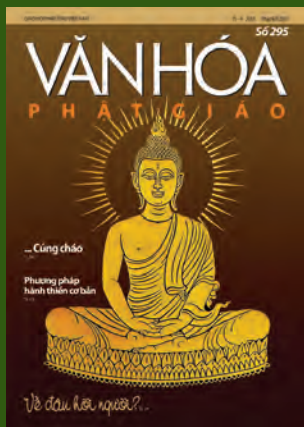


### CÔNG TY TRUYỀN THÔNG PHẬT GIÁO MANI:

Thiết kế và thực hiện các chương trình, sự kiện Phật giáo, sản xuất phim ảnh Phật giáo (Phóng sự, ký sự, tài liệu...), nhận quay film, livestream các buổi giảng Pháp tại chùa.

Mọi chi tiết xin vui lòng liên hệ: 0906 951 089 (Tâm Anh)





# Trong số này

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM  
TẠP CHÍ VĂN HÓA PHẬT GIÁO  
Phát hành vào đầu và giữa tháng

Tổng Biên tập  
THÍCH TRUNG HẬU

Phó Tổng Biên tập Thường trực  
kèm Thư ký Tòa soạn  
TRẦN TUẤN MẮN

Phó Tổng Biên tập  
THÍCH MINH HIẾN

Trị sự  
NGUYỄN BÔNG

Trình bày  
MAI PHƯƠNG NAM

Phòng Phát hành  
Trụ sở Tòa soạn VHPG  
ĐT: (84-28) 3 8484 335  
Ngô Văn Thông, ĐD: 0906 934 252

Quảng cáo  
Pháp Tuệ, Dương Đạt

Tòa soạn  
294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,  
Quận 3, TP. Hồ Chí Minh  
ĐT: (84-28) 38484 335 - 38484 576  
Fax: (84-28) 35265 569

Email: toasoanvhp@gmail.com  
Tên tài khoản:  
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo  
Số tài khoản:  
0071001053555 Ngân hàng Vietcombank,  
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của  
Bộ Thông tin và Truyền thông  
Số 1878/GP. BTTTT  
Ghi bán & in tại Nhà in Trần Phú  
Q.1, TP. Hồ Chí Minh

Sương mai	3
Lại nói về chuyện tử tế (Nguyễn Cần)	4
Phật giáo thời Đinh và Tiền Lê kế thừa, hội tụ, phát triển (Thích Thiện Nhơn)	8
Phương pháp hành thiền cơ bản (Thích Trung Định)	13
Về đầu hồi người? (Cao Huy Hóa)	16
Mọi sự đều thay đổi (K. Shi Dhammananda; Nguyễn Văn Nhật dịch)	19
Như chiếc chuông bị bể (Diệu Hảo)	20
Chuyển lại nguồn cội (Nguyễn Thế Đăng)	24
Nghĩ quanh khi đọc "người khuôn đá" (Đỗ Hồng Ngọc)	26
Giới thiệu sách mới của HT.Thích Trung Hậu (Cao Huy Thuần)	28
Tim hiểu thêm về "Hải ngoại kỷ sự" (Tôn Thất Thọ)	30
Một người Việt ở đầu thế kỷ XX là Viện sĩ Viện Hàn lâm nước Pháp (Cao Văn Thúc)	32
Tản mạn về Cúng cháo (Thích Nguyên Tạng)	34
Trông người ngẫm ở ta mà buồn... (Nguyễn Thị Loan)	37
Phố cổ Huế, làm sao phục hồi? (Nguyễn Văn Toàn)	38
Sống nhanh sống chậm (Nguyễn Hữu Đức)	40
Vợ chồng điện máy (Đăng Trung Thành)	42
Hội An... hội nhập (Võ Văn Lâm)	44
Nhớ gió... (Trần Thanh Thoa)	47
Chúng tôi bảy người (Trương Văn Dân)	48
Cọ muối ngày xưa (Trịnh Chu)	50
Thơ (Đoàn Văn Sáng, Phạm Ánh, Miên Đức Thắng, Phan Thành Minh, Trà Kim Long, Thanh Pháp, Nguyễn Hoài Ân, Tịnh Bình, Ái Thi Nhân)	52
Tim cha (Trần Thị Linh Chi)	54
Cha con và sách (Thu Đình)	57
Bông cà na quê nhà (Trần Bảo Định)	58

**Bìa 1: Thiên Tứ niệm xứ. Nguồn: volcanoartcenter.org**

# Thư tòa soạn

Kính thưa quý độc giả,

Trong tuần lễ vừa qua, có một số thân hữu đến thăm tòa soạn. Trong câu chuyện, các vị có đưa đề nghị, rằng mỗi số báo, Văn Hoá Phật Giáo nên để dành chừng một hai trăm bản in để tặng cho quần chúng, những người chưa biết đến tạp chí, như một hình thức giới thiệu. Chúng tôi cũng hứa là sẽ suy nghĩ kỹ hơn về vấn đề này.

Ngẫm kỹ, chúng tôi thấy mình lại trở về với nỗi buồn đã có từ lâu. Hiện nay, trên cả nước, số lượng chùa chiền hoặc các cơ sở thờ tự Phật giáo khác lên tới khoảng trên 15.000 ngôi; bên cạnh đó, số lượng Tăng Ni đang hành đạo xấp xỉ 46.000 vị. Đã nhiều lần, chúng tôi liên hệ với các tự viện và các cơ quan Phật giáo. Tại từng nơi đó, chúng tôi đã gửi tặng vài số báo liên tiếp, mỗi số một vài bản; tiếp đó, đề nghị mỗi nơi vui lòng đặt báo dài hạn mỗi số chỉ cần một tờ thôi. Rất tiếc, cho đến nay, số lượng các chùa đáp ứng đề nghị của chúng tôi có thể đếm trên đầu ngón tay; mặc dù có nơi đặt báo không chỉ một mà nhiều tờ mỗi kỳ. Thực tế này cho chúng tôi nhận định rằng ai có nhu cầu đọc báo thì đã đặt báo; còn lại, đa số chư Tăng Ni và các Phật tử đến chùa ít khi đọc bất kỳ tờ báo Phật giáo nào mặc dù chư vị đã biết đến sự hiện diện của những tờ báo này từ lâu. Từ đó, chúng tôi nghĩ rằng việc tặng báo cho quần chúng chưa biết đến Văn Hoá Phật Giáo cũng sẽ là việc làm không có hiệu quả.


Cũng trong thời gian vừa qua, chúng tôi nhận được nhiều lời thăm hỏi về sức khoẻ của Hoà thượng Tổng Biên tập khi biết rằng Hoà thượng đang nằm bệnh viện để được điều trị. Chúng tôi xin cảm ơn sự lưu tâm ấy và xin thưa chung rằng chính chúng tôi cũng không được các bác sĩ chuyên trị cho biết cụ thể về bệnh tình của Hoà thượng, chỉ biết là rất khó chữa trị.

Kính chúc quý vị thân tâm an lạc.

Văn Hoá Phật Giáo







**Nhẫn nhục, lời hòa nhã,  
Yết kiến các Sa-môn,  
Đúng thời, đàm luận Pháp,  
Là điềm lành tối thượng.  
*(Kinh Phật tự thuyết)***





# Lại nói về chuyện tử tế

NGUYỄN CÂN

## Những câu hỏi sau một vụ hỏa hoạn

Vụ hỏa hoạn xảy ra ở chung cư Carina bộc phát vào rạng sáng 23/3/2018 đã để lại hậu quả hết sức bi đát: 13 người chết, hơn 60 người bị thương và nhiều gia đình mất mát tài sản. Cho đến hôm nay, dư chấn từ cuộc hỏa hoạn ấy vẫn còn để lại những nỗi đau, những hoang mang trong lòng người. Sau đám cháy vài ngày, chúng tôi có dịp cùng đi với một vị Hòa thượng trụ trì một chùa lớn ở quận 4 đến thăm cư dân nơi đó. Rất nhiều người dân thành phố, tự phát hoặc qua các đoàn thể, đình, chùa... cùng với quần áo từ thiện, nước,

cơm... đã có mặt để giúp đỡ bà con. Đó là những con người mộc mạc, phóng khoáng, sẵn lòng tương trợ đồng bào lâm nạn đang gặp khó khăn một cách vô tư, nhiệt thành. Đây là những phẩm chất của con người Việt Nam nói chung, của người Nam Bộ hay người Sài Gòn nói riêng, giữ gìn từ nhiều thế kỷ. Trong khi kể lại những câu chuyện thương tâm, có người nhận xét: Phải chi Ban Quản lý hay những người có trách nhiệm *làm ăn tử tế* thì đâu đến nỗi! Nghe đến hai chữ "tử tế", chúng tôi liền tưởng ngay đến những câu hỏi đến nay còn lơ lửng, chưa có lời đáp:



- Tại sao chuông báo cháy không kêu?
- Tại sao hệ thống cửa ngăn cháy bị kê chặn ở tất cả các tầng, không được đóng lại khiến khí độc và hơi nóng từ tầng hầm bốc lên tới tận tầng 14?
- Tại sao đèn tín hiệu báo lối thoát hiểm không bật sáng?
- Tại sao hệ thống chữa cháy tự động không hoạt động?
- Tại sao lực lượng chữa cháy tại chỗ không có?
- Tại sao những người có trách nhiệm vẫn không dám đối thoại trực diện với dân?

Trên tất cả những cái "tại sao" ấy là tại sao họ không phản ứng dù đã nghe dân cư phản ánh nhiều lần; cụ thể, chỉ 7 tiếng đồng hồ trước khi xảy ra hỏa hoạn, đã có cuộc đối thoại giữa cư dân và Ban quản lý chung cư. Người dân nêu lên nhiều vấn đề chưa được giải quyết: từ việc trẻ con bị kẹt trong thang máy, gọi cứu hộ không ai nghe, hotline không hoạt động, nút bấm khẩn tắt ngúm. Rồi nguy cơ rò điện trong cabin thang máy. Thậm chí, cả tình trạng bảo vệ hút thuốc trong hầm giữ xe, nguy cơ cháy nổ rất cao...

Nói về diễn biến vụ cháy, ông Nguyễn Minh Thông, Phó Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.HCM cho rằng nếu trong thời gian hơn 3 phút khi chiếc xe máy phát ra tia lửa điện được phát hiện thì chỉ cần một bình chữa cháy nhỏ thôi cũng dập tắt được và đã không có vụ hỏa hoạn thương tâm xảy ra. Theo ông Thông, khi khám nghiệm hiện trường, các cửa thoát hiểm đều mở. Ông nhận định: "Nếu các cửa này đều đóng thì chỉ cháy tầng hầm, sẽ không ảnh hưởng gì ở trên".

Nghĩa là rất nhiều cái "lẽ ra thì" có thể nêu ra, nhưng tiếc thay những người có trách nhiệm đã không cẩn thận, không quan tâm; nói cách khác, đã làm ăn "không tử tế" trong vai trò Chủ đầu tư hay quản lý tòa nhà.

### Đi tìm chân dung "người tử tế"

Bây giờ thì người ta trách móc nhau và nêu lên nào là đã kiểm tra phòng cháy chữa cháy (PCCC) cách đây 6 tháng, đã xem xét, đã nghiệm thu và đã... đã... Nhưng về thực chất, sự tử tế đã vắng bóng ở đây! Câu hỏi của chính Chủ tịch Ủy ban Nhân dân TP.HCM Nguyễn Thành Phong: "Người dân nói không nghe tiếng chuông báo cháy mà do dân tự động báo cho nhau. Trong khi cảnh sát PCCC quận 8 báo cáo với tôi kiểm tra hai lần mỗi năm. Vì sao kiểm tra mà không phát hiện hệ thống báo cháy không hoạt động?".

Người chịu trách nhiệm cho việc "không tử tế" ấy là ai? Ban Quản lý chung cư, hay chủ đầu tư, hay những đơn vị quản lý PCCC trên địa bàn? Chắc chắn đã có sự thiếu sót trách nhiệm; hoặc nói một cách chuyên nghiệp, ở đây người ta đã buông lỏng đạo đức công vụ hay thiếu lương tâm chức nghiệp.

Người tử tế trước hết phải là người có trách nhiệm với công việc được giao phó trong phạm vi thẩm quyền và khả năng của mình. Người đó phải là người biết nghĩ đến người khác trong mối quan hệ cộng đồng, cộng sinh, cộng tồn. Một ông tài xế ngồi sau vô-lăng phải biết thương những người giao phó số phận của họ trong xe mình. Cũng như người phụ trách cả một tòa nhà hay khu tập thể phải ý thức đến an nguy của tất cả những cư dân trong đó, bao nhiêu con người đang sống và sinh hoạt trong ấy vì không thể nào bù đắp nỗi mạng sống kẻ khác khi sự tắc trách đã gây ra tai họa.

Ăn năn ư, rút kinh nghiệm ư? Tất cả đã quá trễ! Nói theo ngôn ngữ triết học, đó là người có năng lực khai phóng (khai minh và giải phóng) và khai tâm. Theo Immanuel Kant "Khai minh là việc con người đi ra khỏi sự không trưởng thành do chính mình tự chuốc lấy" (bản dịch của Bùi Văn Nam Sơn).

Con người phải tư duy khác, thoát khỏi trạng thái "không trưởng thành" do chính mình gây ra, nhận thức lại những vấn đề quan trọng nhất ở đời. "Khai tâm là ta phải có một trái tim có hồn, một trái tim biết rung lên trước cái hay cái đẹp... biết thổn thức trước nỗi đau, biết phẫn nộ trước cái sai, cái xấu và cái ác" (Giản Tư Trung - *Đúng việc*). Chính thái độ "tử tế" làm cho chúng ta phân biệt trí thức với những thú trí như có người gọi là "trí ngữ", "trí nô"; vì "... trí thức là người quan tâm đến những việc không phải chỉ riêng cá nhân mình" (Jean Paul Sartre).

Trong một bài viết trước đây về đạo đức kinh doanh, khi bàn đến ý niệm "tử tế", chúng tôi đã nêu ý rằng vẫn còn rất nhiều người, làm ăn chộp giựt, xử sự vô trách nhiệm, thậm chí thiếu nhân đạo vì nếu đặt tình yêu công việc và con người vào trong hành động, họ sẽ phải hành xử ngay chứ không chần chừ, trốn tránh. Sự tử tế ấy cũng là một mặt của tinh thần doanh nghiệp mà nền móng của nó là đạo đức kinh doanh. Văn hóa doanh nghiệp là bộ mặt công ty. Nhưng phần chìm chính là đạo đức, vì một doanh nghiệp (DN) thiếu đạo đức thì có nghĩa cũng vô văn hóa! Giới kinh doanh ngày nay phải đối diện thường xuyên vấn đề đạo đức. Người ta đã thống kê các hình thức vi phạm phổ biến nhất, trong trường hợp chung cư Carina là: vi phạm quy định an ninh quốc gia; không tuân thủ quy trình an toàn trong lao động và trong PCCC khi xây dựng và quản lý.

Câu chuyện hay sự cố này là một tai nạn có nhiều nạn nhân hay là tai họa cho giới kinh doanh địa ốc vì ai biết được thị trường căn hộ sẽ đi về đâu nếu tâm lý người mua trở nên dao động? Tại phiên giải trình trước Hội đồng Nhân dân TP.HCM năm ngoái, Sở Cảnh sát PCCC TP.HCM cho biết, toàn TP có hơn 1.000 nhà cao từ 5 tầng trở lên, trong đó có 605 nhà cao trên 10 tầng. Trong khi đó, rất nhiều chung cư chưa hề được nghiệm



thu PCCC nhưng vẫn đưa dân vào ở. Có tác giả từng viết: "... muốn có được một cách lâu dài những mức lợi nhuận mong muốn, DN cần phải được nhìn nhận bởi người tiêu dùng như những tổ chức "có tính nhân và tình người" chứ không phải chỉ là những cỗ máy vô hồn và vô tâm, lạnh lùng chỉ biết điều đầu tiên và duy nhất là "tiền đầu", nghĩa là không chỉ hoạt động duy nhất vì lợi nhuận mà còn được thúc đẩy bởi một động lực mang tính thể thái nhân tình".

(Tôn Thất Nguyễn Thiêm, *Lãnh đạo và nhân đạo - Dẫn đường và mở hướng*, Nxb Trẻ, 2018)

Ở phần cuối sách, tác giả này viết: "... doanh nghiệp vẫn vụ lợi để sống, đương nhiên. Nhưng vì lợi mà bạc ác bất nhân thì DN không thể sống lâu dài được, cũng đương nhiên. Do vậy mà có một hệ luận tất nhiên vô phương chối cãi: muốn đạt được sự bền vững trong các hoạt động vị lợi thì DN phải biết vị nhân, vì tất cả mọi đối tác của DN đều là con người cả, chứ chẳng phải là con gì... khác!... Điều hành DN mà không quan tâm đúng mức đến chuyện thực thi nhân luân và hoàn thiện nhân cách thông qua việc thiết chế những tính chất về kỷ cương, tận tâm và chính trực trong kết cấu nội thân của tổ chức, thì chẳng khác gì làm rệu rã, phá rối toàn hệ thống" (sđd).

Điều này giúp ta phân biệt doanh nhân và con buôn do cách kiếm tiền hay sử dụng đồng tiền ấy. Anh đóng góp sản phẩm cho xã hội hay anh làm tổn hại bá tánh với hàng kém phẩm chất. Ở đây chúng ta chưa vội nói đến chữ Nhân bao trùm trong công việc; vì muốn tử tế, anh phải biết nghĩ đến người khác, đến quyền lợi - và quan trọng hơn - đến sinh mạng người khác. Theo nhà Phật, sự thiếu sót của chúng ta đối với kỷ cương gây tổn hại đến sinh mạng là tạo nên ác nghiệp, dù là vô tình hay cố ý.

Hạnh phúc không chỉ là khi anh có tiền nhưng là khi anh được mọi người quý trọng và không làm gì trái với đạo lý hay đạo sống của mình.

Công ty phải quan tâm những nghĩa vụ của mình theo thứ tự ưu tiên: kinh tế, pháp lý, đạo lý và nhân văn. Nghĩa là không chỉ xây dựng tòa nhà mà phải đảm bảo mọi hoạt động của nó diễn ra an toàn trong mọi tình huống bất ngờ và thường kỳ. Còn DN khi hoàn tất xây dựng công trình cũng không thể "vô tu" cho rằng mình đã bàn giao cho người khác!

Ví dụ một DN gây ô nhiễm môi trường, DN ấy vi phạm toàn bộ những nghĩa vụ khác kể cả kinh tế vì anh đã xử lý công việc theo hướng phạm pháp nhằm tiết kiệm chi phí, vi phạm an toàn môi sinh, gây tai họa cho cộng đồng và chắc chắn là vô nhân đạo. Tương tự, một DN buông lỏng quản lý PCCC gây hậu quả hết sức nghiêm trọng đến sinh mệnh và tài sản đồng bào mình thì có nghĩa anh đã vi phạm toàn bộ các nghĩa vụ.

Trong năm nhóm biện pháp đưa ra trong Hội nghị

Doanh nhân nhằm xây dựng văn hóa doanh nghiệp, có nhóm thứ hai về "xây dựng và phát triển nền tảng văn hoá doanh nghiệp Việt Nam gắn với những giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc", và nhóm thứ ba là "... đẩy lùi tiêu cực trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Từng doanh nhân và mỗi doanh nghiệp kiên quyết nói không với hành vi vi phạm pháp luật và đạo đức kinh doanh, gây tổn hại cho xã hội". Chúng ta hiểu "Hoàn hảo hóa một sản phẩm có nghĩa chia sẻ niềm vui đến với người mua. Chính trong quá trình này, hạnh phúc của người kinh doanh là niềm hỷ lạc cung ứng một sản phẩm tốt đẹp trên thị trường hay trong công xưởng. Niềm vui này không phải là niềm vui có được vật chất, sở hữu của cải, nó là một viễn ảnh (vision) hướng dẫn người kinh doanh hoàn tất công việc trước khi công việc đem đến kết quả. Niềm vui này nối kết với trí tuệ chính là hạnh từ bi trong công việc".

(Thái Kim Lan, *Vài suy nghĩ về đạo đức kinh tế*, tạp chí Văn Hóa Phật Giáo số 97)

Chúng ta nhớ câu chuyện Socrates được hỏi kẻ làm sai có nên trừng trị không. Ông trả lời rằng cần phải trừng trị đúng mực, nếu không, thoát lưới pháp luật, làm sao ăn ngon ngủ yên nếu lương tâm cắn rứt. Nhưng liệu lương tâm những người có trách nhiệm trong tai họa này còn đủ sự xấu hổ để cắn rứt không? Những biện pháp giám sát đã lỏng lẻo, chưa hiệu quả thì làm sao chúng ta có thể hy vọng vào việc họ làm chuyện tử tế vì muốn làm chứ không vì sợ ai đó đánh giá hay vì sự giám sát của người khác; như dừng xe trước đèn đỏ là vì tôn trọng luật chứ không phải vì có ông công an. Tôi từ chối nhận phong bì vì tôi không chấp nhận việc ấy theo suy nghĩ của tôi về ý nghĩa của phục vụ, hay vì tôi không muốn phạm giới "ăn cắp" theo giới cấm nhà Phật.

Có lần nói về văn hóa biết xấu hổ, chúng tôi đã nhận định: "... chúng ta đang đối diện với sự tha hóa tâm hồn".

Peter Drucker nói thế này: "Nguy cơ có trở thành nguy hiểm hay không và ở mức độ nào tùy vào cách ta phản ứng với nó".

Như vậy, nếu chúng ta không phản ứng thì chắc chắn nó sẽ trở thành nguy hiểm. Một người khác, Elisabeth Leseur nói "Chúng ta phạm lỗi về những điều ác mà chúng ta làm, mà cả về những điều thiện mà chúng ta không làm", hệt như Tứ chánh cần của nhà Phật:

1. Vì muốn đoạn trừ những việc ác đã sinh, mà siêng năng tinh tấn.

2. Vì muốn khiến cho những việc ác chưa sinh không cho phát sinh, mà siêng năng tinh tấn.

3. Vì muốn khiến cho những điều thiện chưa phát sinh có thể phát sinh, mà siêng năng tinh tấn.

4. Vì muốn khiến cho những điều thiện đã phát sinh có thể tăng trưởng hơn lên, mà siêng năng tinh tấn.





Làm được những điều ấy, chúng ta trở thành tử tế, hay nói cách khác, là những người nhân hậu, mà có người chiết tự, gọi là ánh sáng vì vừa có người (Nhân) mà có cả mai sau (hậu) thì thế nào không rạng rỡ được. Trong một bài viết trước đây trên VHPG, “*Sức mạnh của sự tử tế*”, chúng tôi đã phân tích dựa theo một nghiên cứu của Đại học Toronto rằng:

1. Nhân hậu sẽ được hạnh phúc hơn trong tình yêu.
2. Nhân hậu sẽ làm ra nhiều tiền hơn: Riêng phần này cần nói lại, người ta tính chỉ số EQ và thấy rằng nó tương ứng với khả năng tăng thu nhập của công ty. Theo Giáo sư Daniel Goleman thì trạng thái tinh thần hứng khởi và hỗ trợ lẫn nhau của nhân viên cứ tăng 2% thì thu nhập tăng 1% (cách tính được ghi lại bởi các nghiên cứu trong tác phẩm Tổng quan về lãnh đạo). Và chúng ta cần nói thêm, giả như những người chủ đầu tư chung cư Carina làm ăn tử tế hơn, nghĩa là “nhân hậu” thì họ đã không để cư dân rơi vào thảm họa vừa rồi, họ sẽ còn bán nhiều công trình căn hộ nữa, mà không phải thuyết phục hoặc làm lại các chiến dịch marketing để trấn an dân cư mới, sẽ rất tốn kém mà hiệu quả thì chưa rõ! Một báo cáo của HOREA (Hiệp hội Bất động sản TP.HCM) cho biết, có tới 316 tòa nhà ở TP.HCM chưa hề được nghiệm thu hệ thống PCCC. Vậy là cháy nhà ra mặt... chủ đầu tư!
3. Nhân hậu sẽ ít phải ra tòa: Điều này không cần

nhắc lại, chỉ biết rằng hiện nay công an đã khởi tố vụ hỏa hoạn này, kết quả chưa công bố.

Tứ nghiệp pháp của Phật giáo từng nhấn mạnh: “Này Gia chủ tử, có năm cách vị thiện nam tử đối với bạn bè như phượng Bắc: Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, không lường gạt. Này Gia chủ tử, được vị thiện nam tử đối xử như phượng Bắc theo năm cách như vậy, bạn bè có lòng thương kính vị thiện nam tử theo năm cách: Che chở nếu vị thiện nam tử phóng túng, bảo trì tài sản của vị thiện nam tử nếu vị này phóng túng; trở thành chỗ nương tựa khi vị thiện nam tử gặp nguy hiểm; không tránh xa khi vị thiện nam tử gặp khó khăn; kính trọng gia đình của vị thiện nam tử”.

(*Trường bộ*, kinh Giáo thọ Thi-ca-la-việt)

Đây chính là lúc mà các DN nói chung và những công ty địa ốc nói riêng cần xem lại nguyên tắc ứng xử và hành động của mình. Cần phải nghiêm túc hơn, quan tâm hơn đến hậu mãi, đến người sử dụng, đến sinh mạng và tài sản của họ, xem như của chính mình. Thử hỏi có bao giờ họ dám đưa gia đình và người thân của họ vào những tòa nhà bất an, nguy cơ rình rập vậy không? Hỏi tức là trả lời. Vậy hãy làm ăn tử tế, đàng hoàng trong tinh thần trách nhiệm cao nhất.

Hãy như thế trước khi tự hào là người nhân hậu! ■





## Phật giáo thời Đinh và Tiền Lê kế thừa, hội tụ, phát triển

THÍCH THIỆN NHƠN

**Đ**ạo Phật truyền vào Việt Nam từ đầu kỷ nguyên thứ nhất; trải qua bao cuộc thăng trầm của đất nước, nhất là hơn 1.000 năm Bắc thuộc, lúc nào Phật giáo Việt Nam cũng đồng hành cùng dân tộc, góp phần giữ vững bờ cõi, hòa bình, độc lập dân tộc và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam thân yêu. Đạo Phật trở thành mạch sống của dân tộc, ảnh hưởng không nhỏ trong các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, xã hội, chính trị và ngoại giao.

Bằng tinh thần nhập thế tích cực, vô ngã, vị tha, từ bi cứu khổ của Đạo Phật, các thiền sư, danh tăng, Tăng, Ni, Phật tử Việt Nam đã tích cực ủng hộ các triều đại, những minh quân, những nhà lãnh đạo đất nước chân chính, nhằm góp phần giúp nước, giúp dân, đưa ra những kế sách có lợi cho công cuộc xây dựng, bảo vệ tổ quốc, phát triển đất nước, xã hội phồn vinh, văn minh tiến bộ qua mọi thời kỳ khác nhau của lịch sử và xã hội. Cụ thể như các thời Đinh, Lê, Lý Trần... là thời cực thịnh của Phật giáo, đạo Phật được xem là quốc đạo.

Từ những khái niệm trên, thử giới hạn vấn đề lịch sử là: Phật giáo thời Đinh và Tiền Lê kế thừa, hội tụ và phát triển trong dòng chảy lịch sử dân tộc và Phật giáo Việt Nam hơn 2.000 năm qua.

Như lịch sử cho thấy, xuất phát từ Phật Quang Đại sư, Khương Tăng Hội, Mậu Bác, Chi-cương-lương-tiếp, Phương Đình, Duy Giám, Vân Kỳ, Khuy Xung, Đại Thừa Đăng, Đạo Thanh, Đàm Hoàng, Huệ Thắng, Đạo Thiên... đã đặt nền móng cơ bản cho Phật giáo Việt Nam trong những thế kỷ đầu. Nhất là Thiên học Việt Nam ở thế kỷ thứ III (251), Đạo Thiên (527) là kết thúc giai đoạn lịch sử, với các kinh điển được lưu hành: kinh *Lục Độ tập*, kinh *Thí dụ*, kinh *Cựu Tập thí dụ*, kinh *Tứ thập nhị chương*, kinh *Pháp cú*, kinh *Niết-bàn*, kinh *Pháp Hoa tam-muội*, kinh *Vô lượng thọ*, kinh *Kim cương*, kinh *An-ban thủ ý*... với cơ sở Quỳnh Viên - Cửa Sốt - huyện Kỳ Anh - tỉnh Hà Tĩnh, chùa Tiên Sơn-Phật Tích-Bắc Ninh ngày nay... Đặc biệt, Thiền sư Đàm Hoàng từ Trung Hoa đến hành đạo tại chùa Tiên Sơn (Phật Tích - Bắc



Ninh) vào năm 425, ngài thọ trì kinh *Vô lượng thọ* và kinh *Thập lục quán*. Ngài viên tịch vào năm 455 bằng cách tự thiêu thân tại chùa Tiên Sơn-Bắc Ninh.

Đến thời Lý Nam Đế, đánh đuổi Tiêu Tư quân nhà Lương về nước, giành độc lập dân tộc, đất nước đặt quốc hiệu Vạn Xuân, đóng đô ở Long Biên năm 544, nhà vua liền xây chùa Khai Quốc (chùa Mở Nước) bắt đầu thời kỳ dựng nước, phát triển đất nước và Phật giáo. Các nhà lãnh đạo kế tiếp như Triệu Việt Vương, Lý Phật Tử, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng (Bố Cái Đại Vương 779), Ngô Quyền (938)... đều là những Phật tử hộ trì Phật giáo trong tinh thần đoàn kết, hòa hợp và phát triển lâu dài.

Trong bối cảnh Phật giáo Việt Nam thế ấy, một dòng Thiền xuất hiện - dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi - sáng lập bởi ngài Tỳ-ni-đa-lưu-chi, người Thiên Trúc, thờ tổ Tăng Xán làm thầy. Lúc đầu ngài ở chùa Chế Chỉ - Quảng Châu, dịch kinh *Tượng đầu Tinh xá, Nghiệp báo sai biệt*. Năm 580 ngài đến hoàng hóa ở phương Nam tại chùa Pháp Vân (chùa Dầu), do Thiền sư Quán Duyên trụ trì. Trong thời gian lưu lại chùa Pháp Vân, Thuận Thành, Bắc Ninh - Trung tâm Phật giáo Luy Lâu, ngài dịch thêm bộ kinh *Đại Tổng trì Đà-la-ni* và độ cho đệ tử người Việt Nam là Pháp Hiền.

Trong tư trào ấy, một dòng Thiền thứ hai xuất hiện, sáng lập bởi Thiền sư Vô Ngôn Thông, vốn người Quảng Châu, thờ tổ Bách Trượng làm thầy. Ngài qua phương Nam hoàng hóa, đến chùa Kiến Sơ làng Phù Đổng, Gia Lâm năm 820, do Đức Lập trụ trì; về sau Đức Lập được Thiền sư cảm hóa, đổi tên là Cảm Thành.

Qua đó, chúng ta thấy Phật giáo thời Tiền Lý, với hai dòng Thiền mang tính bản địa, bình dân, phù hợp với sinh hoạt tín ngưỡng dân gian, đồng thời cũng mang tính tích cực, triết lý và nhân bản, đã tạo thành những con người ưu tú cho Phật giáo Việt Nam, đất nước Việt Nam trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, xã hội: Vạn Xuân, Đại Cổ Việt không ai khác hơn là Khuông Việt Thái sư (Tể tướng), Pháp Thuận, Vạn Hạnh, Đa Bảo Đại sư... Về mặt đạo - Tăng thống Khuông Việt Pháp sư, Tăng lục Pháp sư Trương Ma Ni, cố vấn Đại sư Pháp Thuận, Vạn Hạnh, Thiền sư Đa Bảo, Trú Trì, Định Huệ, Ma-ha... tạo thành một Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất cho cả nước Đại Việt và Phật giáo xem là quốc đạo thời bấy giờ.

Dẫn đi từ khái niệm ấy, để chúng ta nhận thấy được điểm hội tụ, sự tập hợp các nguồn năng lực nhân tài và trí tuệ, những nhà tư tưởng, chính trị gia lỗi lạc, những nhà kinh tế, chính sách đương đại và những nhà tu hành chứng ngộ của Phật giáo, nhân bản, nhân văn của dân tộc Việt Nam và Phật giáo Việt Nam đã tạo thành sức mạnh tổng hợp, ngăn chặn và đánh tan mọi âm mưu xâm lược từ phương Bắc. Tạo cho Việt Nam một thể đứng vững mạnh, độc lập tự chủ và hùng cường trong sự phát triển chung của thế giới, trong đó đạo Phật Việt Nam là dòng chủ lưu.

Cụ thể là, năm 968, sau khi đánh dẹp loạn 12 sứ quân, đất nước qui về một mối, vua Đinh Tiên Hoàng lên ngôi đóng đô ở Hoa Lư - Ninh Bình, đặt tên nước là Đại Cổ Việt. Ngài đã phong Pháp sư Ngô Chân Lưu làm Tăng thống, lãnh đạo Phật giáo cả nước năm 969, phong Pháp sư Trương Ma Ni làm Tăng lục và danh từ Tăng thống được tiếp tục sử dụng qua các triều Lý, Trần, Lê đến đời Nguyễn vua đổi thành Tăng cang. Năm 971, lại phong thêm Ngô Chân Lưu chức Khuông Việt Thái sư (Tể tướng) để giúp đỡ và phát triển đất nước Đại Cổ Việt và tôn trọng cung kính các Đại sư khác như Pháp Thuận, Vạn Hạnh, Ma-ha, Đa Bảo, Trú Trì, Định Huệ, Vân Phong, Phò Trì... trong Giáo hội Phật giáo Việt Nam cả nước thời đó.

Chính Khuông Việt Đại sư, xuất thân từ Thiền phái Vô Ngôn Thông, sinh năm 930, xuất gia tu học tại chùa Phật Đà, hậu duệ của Ngô Thuận đế, lớn lên đến tu học tại chùa Khai Quốc (thời Tiên Lý, Đinh, Tiền Lê; đổi tên là An Quốc thời Lý Trần, gọi là Trấn Quốc thời Nguyễn), cầu pháp với Đại sư Vân Phong và thụ giới tại đây. Năm 40 tuổi, tiếng tăm vang dội, vua Đinh Tiên Hoàng mời vào cung hỏi đạo, ngài đối đáp hợp lý, được vua sắc phong làm Tăng thống (969). Năm 971, phong làm Khuông Việt Thái sư. Đồng thời, cũng được vua Lê Đại Hành cung kính, mời vào cung tham vấn về quân sự, quốc sự. Năm 973, ngài lập đền thờ Tỳ-sa-môn Thiên vương tại núi Vệ Linh, hóa thân Phù Đổng Thiên Vương Việt Nam.

Trong thời gian làm Tăng thống và Quốc sư, Ngài ủng hộ, hướng dẫn Đinh Tiên Hoàng, Nam Việt vương Đinh Liễn và cả gia đình cũng như triều đình tu theo Phật giáo, lấy đức trị dân, hướng dẫn theo chánh pháp, theo đạo đức, nhân bản và hộ trì Phật pháp. Nhất là ủng hộ Đinh Liễn khắc các tràng kinh Tổng Trì Đà-la-ni và chú Lăng Nghiêm lên các trụ kinh vào các năm 973 và 979 là minh chứng hùng hồn cho sự hoàng hóa đạo Phật của Khuông Việt và việc xây dựng chùa chiền, khắc kinh, tạo tượng tôn thờ, với các tràng kinh đã khắc để làm tài liệu nghiên cứu, học tập tu dưỡng cho Tăng-già, Phật tử Việt Nam thời ấy và có ảnh hưởng liên đới với nền văn hoá dân tộc Việt Nam ngày nay vẫn còn có giá trị thực tiễn không thể phủ nhận.

Đến thời Lê Đại Hành. Sau khi Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn bị thái giám Đỗ Thích ám sát năm 979, ngài đã cùng Pháp sư Pháp Thuận, Vạn Hạnh Thiền sư thuộc dòng Tỳ-ni-đa-lưu-chi trừ tính kế hoạch đưa Thập đạo Tướng quân Lê Hoàn lên ngôi, lấy hiệu Lê Đại Hành, năm 980.

Năm Thiên Phúc thứ 1 thời Tiền Lê (981), Tống Thái tổ sai Hầu Nhân Bảo đem quân sang xâm chiếm Đại Cổ Việt. Vua Lê Đại Hành đã mời Vạn Hạnh Thiền sư bàn kế sách để đánh giặc Tống, bàn luận về tương quan cán cân lực lượng của hai bên. Vua hỏi trận đánh này thắng bại thế nào?, Vạn Hạnh Thiền sư đáp: "Chỉ trong





**Chùa Du Hằng (đời Tiên Lê).** Nguồn: daophatngaynay.com

ba, bảy hôm là giặc rút lui". Quả thực, ba, bảy hôm sau giặc Tống rút lui về nước, trả lại sự an bình cho Tổ quốc, quân Tống không còn ý đồ tấn công nước Đại Cồ Việt, đất nước tiếp tục độc lập tự chủ, hùng cường phát triển cho đến 1076 thời Lý. Đồng thời, vua đã lệnh cho Thiên sư Khuông Việt đến đền thờ Tỳ-sa-môn Thiên vương núi Vệ Linh hóa thân Phù Đổng Thiên vương - Việt Nam, khẩn nguyện kết quả như ý.

Nhất là bài thơ Thần Nước Nam, năm Thiên Phúc thứ I (981) vua Tống Thái Tổ sai Hầu Nhân Bảo, Tôn Hoàng Hưng đem quân đến sông Đại Than tấn công Đại Cồ Việt, vua Lê Đại Hành và Phạm Cự Lượng đem quân đến trấn ở bên này sông Đổ Lỗ (Phù Lỗ sông Đuống). Ban đêm nhà vua nghe một vị thần đọc bài thơ:

南國山河南帝居，  
截然定分在天書。  
如何逆虜來侵犯，  
汝等行看取敗虛。

Âm Hán Việt:

Nam quốc sơn hà Nam đế cư  
Tiệt nhiên dĩ định tại thiên thư  
Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm  
Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.

Nghĩa:

Đất nước Việt Nam do vua Nam ở  
Việc này đã phận định tại sách trời  
Tại sao người dám đến đây xâm phạm  
Cuối cùng chắc lấy thảm bại thôi.

Thấy hai đạo quân từ sông Bình Giang (sông Lục Nam) đổ xuống, sông Như Nguyệt (sông Cầu) tiến lên đánh úp vào đoàn quân nhà Tống.

Quân Tống nghe bài thơ trên trong đêm vắng, giữa quang cảnh mưa sấm nổ rầm rầm, hoảng sợ thối lui, tan hàng rã ngũ. Quân Tống đại bại, Vua Lê Đại Hành rút quân về, mừng thắng trận.

Trên cơ sở đó, bài thơ được ghi lại thành văn phải là do Quốc sư Pháp Thuận chấp bút, vì ngài là cố vấn cho nhà vua trong tất cả văn bản về ngoại giao và chính trị thời bấy giờ. Và qua đó, bài thơ Thần Nước Nam được xem là Tuyên ngôn độc lập của nước Nam xưa (981). Và từ đó, trở thành bản Tuyên ngôn Độc lập dưới thời Lý Thường Kiệt năm 1076 (khi đánh quân Tống lần thứ 2).

Năm Thiên Phúc thứ 7 (986), ngài được vua Lê Đại Hành chỉ định giả làm anh lái đò đưa sứ Tống là Lý Giác. Trong quá trình đón tiếp trên sông Nam Sách - Hải Dương về Hoa Lư, Lý Giác khi thấy hai con ngỗng bèn xuất khẩu thành thơ:

"Song song ngỗng một đôi  
Ngửa mặt hướng chân trời".

Ngài lập tức phụ thêm hai câu cuối:

"Lông trắng phơi dòng biếc  
Nước xanh chân hồng bơi".

Nhà ngoại giao Lý Giác vô cùng kính phục dân Nam, khi về đến Sứ quán có làm thơ bài tặng cho vua Nam.

Vua Lê Đại Hành cho mời Khuông Việt Quốc sư đến để hỏi về nghĩa bài thơ:

贈法順禪師  
幸遇明時贊盛猶，  
一身二度使交州。  
東都兩別心尤戀，  
南越千重望未休。  
馬踏煙雲穿浪石，  
車辭青嶂泛長流。  
天外有天應遠照，  
溪潭波靜見蟾秋。

Âm Hán Việt:

Hạnh ngộ minh thời tán thịnh du  
Nhất thân nhị độ sứ Giao Châu  
Đông đô lưỡng biệt tâm vuu luyến  
Nam Việt thiên trùng vọng vị hưu  
Mã đạp yên vân xuyên lãng thạch  
Xe từ thanh chướng phiếm trường lưu  
Thiên ngoại hữu thiên ưng viễn chiếu  
Khê đàm ba tịnh kiến thiêm thu.

Nghĩa:

May gặp thời minh giúp được mưu  
Một thân hai lượt sứ Giao châu  
Đông đô đôi biệt lòng thêm luyến  
Nam Việt muôn trùng mắt dõi theo  
Ngựa đạp mây mù qua sông đá  
Xe rời núi biếc thả dòng đưa  
Ngoài trời còn có trời soi sáng  
Sóng lặng khe đầm ngấm nguyệt thu.

Quốc sư nói: Câu thứ bảy "... Ngoài trời còn có trời soi sáng..." có ý "trân trọng vua Nam như là vua Tống". Vua Lê Đại Hành vô cùng hoan hỷ và nhờ Đại sư làm bài từ để cảm ơn Lý Giác trước khi sứ thần trở về nước.



Nội dung:

*Trời lành, gió thuận cánh bướm giương  
Thần tiên về đế hương  
Muôn trùng vạn dặm vượt trùng dương  
Đường về thăm chín tầng  
Tinh lưu luyến, chén lên đường  
Bị rịn sứt tình lang  
Nguyện đem thâm ý vì Nam bang  
Phân minh tấu Thánh hoàng.*

Và được xem như văn bản văn học ngoại giao đặc biệt của dân tộc Việt Nam do một vị Thiền sư Việt Nam sáng tác.

Đối với Khuông Việt Thái sư, Pháp Thuận Đại sư đã quá rõ, công tác phò vua giúp nước của các Thiền sư đã đóng góp không nhỏ cho vấn đề ngoại giao vừa tế nhị, vừa mềm dẻo và tự chủ, nhưng cũng có trường hợp cương quyết và rõ ràng, như trường hợp Vạn Hạnh Thiền sư. Đó là năm Thiên Phúc thứ 2 (982), Vua Lê cử đoàn ngoại giao sang sứ nước Chiêm Thành, do Từ Mục làm Trưởng đoàn, nhưng bị vua Chiêm Thành bắt giữ. Nhà vua rất tức giận, chuẩn bị cất quân sang đánh, nhưng còn do dự. Vua Lê hỏi ý kiến Vạn Hạnh Thiền sư. Ngài đáp: Nên cất quân sang đánh tức thì, nếu không không còn kịp và sẽ bỏ lỡ cơ hội. Quả thực, khi vua Lê đánh Chiêm Thành, thì thu được nhiều thắng lợi, bắt được vua Chiêm là Bê Mi Thuế (Paramesvaravanam) và các tùy tướng, quân thần khác.

Sau khi vua Đinh Tiên Hoàng và Nam Việt vương Đinh Liễn bị ám sát, quân nhà Tống đang lăm le xấm chiếm nước Đại Cồ Việt, trước vận nước như thế, vua Lê Đại Hành hỏi Pháp sư Pháp Thuận: Vận nước lâu dài như thế nào? Ngài đáp:

國祚  
國祚如藤絡，  
南天裏太平。  
無為居殿閣，  
處處息刀兵

Âm Hán Việt:

*Quốc tộ như đằng lạc  
Nam thiên lý thái bình  
Vô vi cư điện các  
Xứ xứ tức đao binh.*

Nghĩa:

Vận nước như mây quấn  
Trời Nam ôm thái bình  
Vô vi ngự trong điện  
Xứ xứ hết đao binh.

Trong bài thơ ngầm chỉ ba ý: Thứ nhất, người lãnh đạo đất nước là phải tạo được sự đoàn kết toàn dân. Vì nhà nước là của dân, và người thừa hành là vì dân. Do đó, sự đoàn kết, hòa hợp trong toàn dân sẽ tạo thành một sức mạnh tổng hợp, vừa chống ngoại xâm

bảo vệ tổ quốc, vừa phát triển đất nước và phù hợp lòng người. Như Bác Hồ nói: “Để trăm lần không dân cũng chịu. Khó vạn lần dân liệu cũng xong”. Đó là một chân lý muôn đời. Ý thứ hai, người lãnh đạo phải tôn trọng luật pháp, thực hành và có đạo đức, không thực hiện những điều trái đạo đức. Như Đức Phật, nhà lãnh đạo phải có đủ 10 pháp (kinh *Tăng nhất A-hàm*) thì đất nước thanh bình, dân chúng an cư lạc nghiệp và thịnh vượng. Ý thứ ba là phải có trí tuệ và trình độ lãnh đạo, biết quán xuyến việc nước, thực hiện đúng các kế hoạch, đưa ra những chính sách khả thi và phù hợp luật pháp, lòng người và thời cuộc, cũng như tình trạng xã hội... Như kinh *Trường bộ*, Đức Phật dạy: Trong nước dân còn nghèo đói, thì không được đánh thuế hay tăng thuế, trái lại, cần giảm thuế và hỗ trợ cho những gia đình, thành phần khó khăn... Đó là việc làm của người thức thời, biết thời cuộc và quản lý đất nước. Và bài thơ ấy cũng là những qui tắc muôn đời của những nhà lãnh đạo đất nước, không phải dành riêng cho vua Lê Đại hành.

Được sự hướng dẫn của Pháp sư Pháp Thuận, vua Lê Đại Hành đã cho xây dựng chùa Nhất Trụ để tôn thờ trụ kinh khắc Phật Đảnh Tôn Thắng Đà-la-ni và Tâm Chú Lăng Nghiêm tại Hoa Lư năm 995 để cầu nguyện cho đất nước thanh bình, dân chúng an cư lạc nghiệp và thể hiện niềm tin của nhà vua đối với Phật pháp. Nhất là công tác thỉnh Đại tạng kinh năm 1007, vua Lê Long Đĩnh đã sai em là Lê Minh Xướng cùng Hoàng Thành Nhã sang nước Tống thỉnh Đại tạng kinh đem về nước. Đây cũng là lần đầu tiên nước ta có một bộ Đại tạng kinh làm tài liệu nghiên cứu, học tập cho giới xuất gia và Phật tử Việt Nam thời bấy giờ, góp phần vào kho tàng văn hóa bản địa một cách cụ thể, hữu ích và vẫn còn giá trị thực tiễn qua các triều đại Lý Trần, Lê Nguyễn và cho đến ngày nay.

Từ những ý niệm trên cho thấy, trong thời Đinh và Tiền Lê, Phật giáo đã đóng góp rất nhiều công sức trong sự phát triển đất nước, bảo vệ hòa bình, độc lập dân tộc, phát triển đạo Phật vươn đến tầm cao của thời đại và tạo cho Phật giáo trở thành quốc đạo vào thế kỷ thứ X và các triều đại kế tiếp, nhất là thời Lý các Thiền sư dòng Thiền Tỳ-ni-đa-lưu-chi như Pháp Thuận, Vạn Hạnh, Huệ Sinh, Chơn Không, Sùng Phạm, Viên Thông, Minh Không...; các Thiền sư dòng Thiền Vô Ngôn Thông như Khuông Việt, Đa Bảo, Không Lộ, Viên Chiếu, Mãn Giác, Thông Biện, Giác Hải... đã chứng minh cho tinh thần đoàn kết, hòa hợp có kế thừa và vận dụng qua mỗi thời đại của Phật giáo Việt Nam, trong quá trình phát triển chung của đất nước và dân tộc Đại Việt - Việt Nam. Như Toàn Nhật Quang Đài (thời Nguyễn) nói: “Xưa nay việc nước việc nhà - Cứu dân giúp nước sau mà chẳng nên - Luật rằng, phượng tiện xảo quyền - Từ bi lợi vật pháp truyền xưa nay”.

(Hứa sử truyện)





**Chùa Vinh Khánh (đời Đinh).** Nguồn: [vuonhoaphatgiao.com](http://vuonhoaphatgiao.com)

Kế thừa và phát huy tư tưởng Bồ-đề tâm hay Phật tánh sẵn có của chúng sinh là vô tướng cần tu tập thể nhập, cho đến thân chú Đà-la-ni là điều kiện thể hiện Tâm Mật tương ứng, tức Thân thành Phật của Tỳ-ni-đa-lưu-chi, bài thơ vận nước của Quốc sư Pháp Thuận. Nhất là tư tưởng của Thiền sư Vô Ngôn Thông: Ta là Phật, Phật là Ta. Cõi Phật ở đây, chính đây là cõi Phật, các Pháp xưa nay vẫn là như thế. Ba đời Chư Phật đều nói như vậy. Phật ở khắp mọi nơi của Thiền sư Cảm Thành. Tư tưởng nhận thức đúng về chân lý của Khuông Việt Đại Sư được xem là đặt chân lý. Vì chân lý là nhận thức đúng, nên được an lạc hạnh phúc và trên cơ sở ấy mà nỗ lực hành động, dẫn thân làm việc lợi Đạo ích Đời, nhưng vẫn an lạc, tu tập giải thoát tại trần gian và cuộc đời này. Đây là sợi chỉ vàng xuyên suốt của tư tưởng đạo Phật. Quả thực như cụ Xuân Thủy nói: "Phật ở đâu xa, Phật ở lòng. Cõi lòng thanh tịnh tự hư không. Tỏa sen phảng phất hương thơm ngát. Ất cả bùn nhơ ất bụi hồng".

Về Pháp môn tu tập, kế thừa tư tưởng Đà-la-ni, Như Lai Mật ngôn của Tỳ-ni-đa-lưu-chi trong kinh Đại Tổng Trì Đà-la-ni, Phật Đánh Tôn Thắng Đà-la-ni, Đại Bi Tâm Chú của các tràng kinh do Đinh Liễn, được sự hướng dẫn chọn lọc của Khuông Việt Quốc sư. Cũng như Đà-la-ni Quán Thế Âm của tác phẩm Bồ-tát hiệu Sám hối văn của Pháp Thuận Đại sư, Ma-ha đã tu tập, vẫn tiếp tục phát huy tu tập của các hành giả triều Lý như Vạn Hạnh Thiền sư (1025) chuyên tu tập pháp môn Tổng Trì Tam-ma-địa; Viên Chiếu Thiền sư (1010) thấu rõ Tam-muội, diễn thuyết lưu loát (văn tự, ngữ ngôn Đà-la-ni); Đạo Hạnh Thiền sư (1117) chuyên tụng chú Đại bi tâm Đà-la-ni; Đại Xã Thiền sư (1180) thường trì tụng thân chú Diệu Môn Phổ Hiền của Hoa Nghiêm; Nguyên Học Thiền sư (1181) thường trì tụng Hương Hải Đại bi Đà-la-ni; vua Trần Anh Tông (1318) cho dịch Bạch Tấn Thân Chú kinh; Thiền sư Pháp Loa (1284 - 1330) trì tụng Kim Cương Trường Đà-la-ni chú; Đại sư Phổ Am với chú Phổ Am (đời Nguyễn); Hoà thượng Thiền Tâm và Hoà

thượng. Viên Đức thời hiện đại với Phật đánh Tôn thắng Đà-la-ni và Đại bi tâm Đà-la-ni, Chuẩn-đề thân chú...

Qua bài văn Bồ-tát hiệu Sám hối của Pháp Thuận Đại sư, mà trước đó Pháp sư Ma-ha do tu tập quán pháp sám văn này mà được Đức Quán Thế Âm Bồ-tát gia hộ, rưới nước cam lồ, làm cho đôi mắt bị mù sáng lại như xưa là một chứng minh hùng hồn cho tín ngưỡng và sự hộ trì của Đức Quán Thế Âm đã hình thành và Phật tử Việt Nam đã thực hành tu tập từ hơn 1.000 năm qua. Tuy đến thời Trần, thì Trần Thái Tông chủ trương không cầu đối tượng Phật, Bồ-tát làm sám pháp, mà chỉ tự cầu, tự sám qua sáu căn đối với sáu trần trình bày thứ lớp trong *Khóa Hư lục*. Song, từ đời Lê - Nguyễn cho đến ngày nay, thì pháp Sám hối theo văn đối tượng của Pháp Thuận vẫn có tác dụng và phát triển phong phú thêm như: Được Sư Sám pháp, Từ bi Thủy sám, Lương Hoàng sám, Tịnh độ sám nghi, Pháp Hoa sám pháp, Hồng danh Bửu sám pháp... trở thành những thời khóa tu tập của đại đa số Tăng Ni, Phật tử Việt Nam ngày nay.

Tóm lại, Phật giáo thời Đinh và Tiền Lê là điểm son, là nền tảng cho sự thống nhất Phật giáo, là ý thức cao độ của tinh thần đoàn kết hòa hợp, củng cố hòa bình, xây dựng đất nước phồn vinh, văn minh tiến bộ trong thời đại tự chủ, hòa bình, độc lập, thống nhất tổ quốc từ thế kỷ thứ X cho đến nay. Qua đó, Phật giáo cũng tự khẳng định vị trí của mình trong cộng đồng dân tộc, ngoài sự phát huy Đạo pháp cũng không quên nỗ lực hộ quốc an dân, làm tốt đời đẹp đạo, ủng hộ các triều đại hợp lòng dân, những nhà lãnh đạo chân chính, biết lo cho dân và vì dân. Do đó, Phật giáo đã phát huy được tiếng nói của mình trong các thời đại và các lĩnh vực khác nhau: Văn hóa, xã hội, giáo dục, chính trị và ngoại giao, góp phần mang lại hòa bình, độc lập thống nhất đất nước, thống nhất Phật giáo Việt Nam xưa cũng như nay.

Và trên tinh thần đoàn kết, hòa hợp, là sức mạnh tổng hợp của dân tộc, mà Phật giáo Việt Nam là chất liệu keo sơn để gắn kết các thành phần khác nhau, tôn giáo khác nhau trong xã hội, tạo thành một xã hội đa tôn giáo, nhưng đoàn kết, vững mạnh và vì mục đích chung: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh kết hợp lý tưởng Tam giáo Phật, Nho, Lão cùng hoạt động của thời đại Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê của Việt Nam xưa cũng như xã hội đa tôn giáo thời đại ngày nay. Quả thật: "Hoa đời hoa đạo đua nhau nở - Mãi mãi ngàn sau vẫn ngát hương". ■

#### **Sách tham khảo:**

- *Phật giáo Việt Nam* (Trần Văn Giáp).
- *Việt Nam Phật giáo sử lược* (TT.Mật Thể).
- *Việt Nam Phật giáo sử luận* (GS.Nguyễn Lang).
- *Lược sử Phật giáo Việt Nam* (GS.Lê Mạnh Thát).
- *Việt Nam sử lược* (GS.Trần Trọng Kim).
- *Nghiên cứu Thiền uyển tập anh* (GS.Lê Mạnh Thát).
- *Thiền sư Việt Nam* (HT.Thích Thanh Từ).
- *Ninh Bình Một vùng Sơn thủy hữu tình...* (Lã Đăng Bật).



# Phương pháp hành thiền cơ bản

THÍCH TRUNG ĐỊNH

**T**hiền là pháp môn cơ bản mà bất cứ ai cũng có thể thực hành được. Hành thiền không chỉ mang lại sự an định nội tâm, đưa đến niềm vui hỷ lạc, mà còn mang lại cho người thực hành sức khỏe lành mạnh về thể chất cũng như tinh thần. Hành giả nếu áp dụng thực hành thiền đều đặn hàng ngày thì sẽ đem lại nhiều lợi ích thiết thực trong cuộc sống.

Để thực hành thiền đúng và có kết quả, hành giả phải thực hành theo các phương pháp cơ bản. Đầu tiên, chọn một thời gian và một nơi mà bạn sẽ không bị quấy rầy trong suốt quá trình hành thiền. Một thời gian tốt để bắt đầu thực hành ngồi thiền của bạn là vào sáng sớm, trước khi bạn bắt đầu các hoạt động trong ngày của mình, hoặc chiều tối trước khi đi ngủ. Một nơi yên tĩnh là thích hợp hơn, có thể ở trong một căn phòng mát mẻ, dưới tán cây hoặc trong rừng ... Xác định ngay từ đầu bạn sẽ thiền định bao lâu. Nếu bạn chưa bao giờ hành thiền, hãy bắt đầu khoảng 20 phút. Sau đó bạn có thể dần dần tăng thời gian ngồi thiền lên. Thời lượng khóa hành thiền phụ thuộc vào số giờ bạn có và khoảng bao lâu bạn có thể ngồi mà không bị đau tê chân<sup>[1]</sup>. Quá trình thực hành thiền sẽ tuần tự qua các bước như sau:

## Điều phục thân (controlling body)

Trước hết hành giả tiến hành điều phục thân. Điều phục thân nghĩa là làm cho thân ngồi yên, ngay ngắn. Tốt nhất nhưng khó nhất là thể ngồi hoa sen (*full-lotus*) hay kiết-già. Tréo hai chân, đặt bàn chân phải lên trên đùi trái và ngược lại, lòng bàn chân hướng lên trên. Hai bàn tay chồng lên nhau, đặt dưới rốn, tựa trên đùi, nâng đỡ thân trên. Sống lưng thẳng, đốt sống này chồng lên đốt kia như những khâu đồng xu. Cằm ngẩng lên. Nếu không thể ngồi theo thể hoa sen, thì ngồi bán già (*half-lotus*). Đặt bàn chân phải qua đùi trái (hay ngược lại), đầu gối chạm sàn. Rồi cúi người về phía trước, đẩy gối vào phía sau. Nếu đầu gối khó chạm sàn thì đặt một đùi lên chỗ gập đầu gối của chân kia. Bạn cũng có thể ngồi đặt chân này trước chân kia. Hay, ngồi trên một ghế đầu nhỏ. Nếu tất cả đều quá khó, bạn có thể ngồi trên ghế bình thường. Tất nhiên thể ngồi kiết-già dù hơi khó, nhưng nếu thực tập được thì tư thế này sẽ giúp hành giả ngồi lâu hơn, yên ổn bất động nên dễ đi vào trạng thái định. Trong khi các thể ngồi khác tuy dễ nhưng không thể ngồi lâu, do đó tâm khó yên trong thiền định.



Sau khi đã chọn một trong những thể ngồi này, hãy thẳng lưng lên để giúp ngực căng dễ dàng khi bạn hít thở. Tư thế của bạn phải tự nhiên, mềm dẻo, không gồng cứng. Hai mắt không mở to cũng không nhắm mà khép hờ. Đầu hơi nghiêng về phía trước. Chiều chóp mũi ngay đầu ngón tay cái, hai trái tai đối xứng với bả vai. Miệng ngậm răng kể răng, co lưỡi lên nhẹ chạm chân nướu răng của hàm trên. Tư thế ngồi phải *vững chãi, thành thơi, và an lạc*, không trạo cử hay hôn trầm thụy miên. Ngồi như vậy dễ đi đến *'thân tâm nhất như'*.



Tâm trước lúc hành thiền giống như một ly nước bùn. Nếu bạn giữ cho cái ly đứng yên, bùn sẽ lắng xuống và nước trở nên trong. Tương tự, nếu bạn có thể yên lặng, giữ thân không chuyển động và chú tâm vào đề mục thiền quán, thì tâm sẽ lắng đọng và bạn sẽ bắt đầu chứng nghiệm được niềm vui của việc hành thiền.

### **Điều phục tâm (controlling mind)**

Sau khi hành giả điều phục thân thuần thục, chúng ta bắt đầu đi vào điều phục tâm. Tập trung sự chú ý (chú tâm) của bạn vào điểm xúc chạm của hơi thở tại vùng *cửa mũi hay môi trên*. Nếu cảm thấy khó chịu hay căng thẳng, có thể chuyển sự chú tâm vào vùng dưới rốn hoặc để tâm ngay trước mặt. Sự *chú tâm* trong lúc ngồi thiền phải đầy đủ ba yếu tố của chánh niệm (*mindfulness*) đó là: tỉnh thức (*awareness*), chú ý (*attention*), và tỉnh giác (*alertness*).

### **Điều phục hơi thở (control breathing)**

Để hơi thở *vô ra* tự nhiên. Tuyệt đối không can thiệp vào hơi thở, không cố làm cho hơi ngắn lại hay dài ra theo ý mình. Hãy để cho hơi thở diễn biến một cách nhịp nhàng và tự nhiên. Quan trọng là khi thở vào mình biết mình đang thở vào; thở ra mình biết là mình đang thở ra. Đây gọi là hơi thở có ý thức. Ghi nhớ, *hơi thở là đối tượng duy nhất* trong suốt thời gian hành thiền. Tỉnh thoảng nếu bị phóng tâm (nghĩ đến chuyện khác), bạn phải cố gắng tỉnh thức và đem tâm trở về an trú trên *đối tượng thiền* bằng cách *theo dõi luồng hơi thở vô ra và dán chặt tâm nơi điểm xúc chạm*. Hãy hình dung rằng hơi thở vô-ra là cái cọc; niệm (sự chú tâm) là sợi dây vô hình dùng để buộc tâm vào đối tượng thiền quán, không cho nó phóng túng.

### **Số tức quán (The count breath)**

Đây là phương pháp cơ bản, dễ thực hành. Nó có thể được sử dụng cho toàn bộ buổi thiền định, hoặc chỉ cho phần đầu của khóa thiền, cho đến khi tâm trí trở nên bình thản lắng dịu. Trong giai đoạn đầu tiên chúng ta sử dụng phương pháp tập trung đếm hơi thở. Lặng lẽ đếm từng hơi thở, bắt đầu với một và đếm đến mười.

Thở vào đếm một, thở ra đếm hai, và cứ thế tăng lên đến mười. Sau đó trở lại lần nữa tại số một. Một cũng có thể đếm được trong cả hít vào và thở ra, sau đó tiếp tục với hai... Khi bạn đếm đến mười, bạn bắt đầu lại lần nữa. Cứ như thế thực hành lặp đi lặp lại nhiều vòng đếm cho đến kết thúc buổi hành thiền. Giữ cho hầu hết sự chú ý của bạn vào các cảm giác của hơi thở. Nếu bạn bị phân tâm, bắt đầu lại một lần nữa ở 'một'. Đôi khi sự chú ý của bạn có thể trôi đi và chúng ta có thể không để ý cho đến khi đã đếm được hơn mười. Điều này không quan trọng, chúng ta hãy trở lại với 'một'. Sở dĩ vì sao chúng ta đếm đến mười rồi bắt đầu lại, mà không ít hơn hay nhiều hơn mười? Tại vì nếu đếm dưới mười thì lượng ngắn nên khó chú tâm, và nếu đếm quá mười thì tâm phải chú ý đến các con số dài quá nên cũng khó đi vào định. Đếm từ một đến mười là con số chuẩn nhất, vừa phải nhất và dễ đi vào trạng thái thiền định hơn.

Sau khi thực hành phương pháp này hoàn chỉnh, chúng ta có thể qua phương pháp thứ hai, tùy tức quán.

### **Tùy tức quán (Keep track of breath)**

Trong giai đoạn thứ hai bạn không cần phương pháp đếm mà chỉ theo dõi hơi thở khi nó đi vào và đi ra. 'Thở vào, tôi theo dõi hơi thở vào từ đầu cho tới cuối. Thở ra, tôi theo dõi hơi thở ra từ đầu cho tới cuối' (*Breathing in, I track breathe in from start to finish. Breathing out, I track breathe out from the beginning to the end*). Nghĩa là ta chỉ theo dõi hơi thở vào, hơi thở ra, ta ý thức toàn vẹn chiều dài, chiều ngắn của hơi thở



vào và hơi thở ra, từ đầu cho tới cuối.

Ở đây, chúng ta chỉ cố gắng *biết rõ* bốn biểu hiện của hơi thở: vô/ ra; dài/ ngắn. Phải biết rõ các biểu hiện của *từng hơi thở* một cách cụ thể để giữ tâm tĩnh thức, không tán loạn (suy nghĩ lung tung) và đạt đến sự định tâm. Khi chú tâm vào hơi thở, bạn sẽ cảm nhận được sự bắt đầu, ở giữa và đoạn cuối của mỗi hơi thở vào và mỗi hơi thở ra. Bạn không cần phải cố gắng nhiều để nhận ra ba giai đoạn của hơi thở. Khi một hơi thở vào đã hoàn tất và trước khi thở ra, có một điểm dừng ngắn. Hãy ghi nhận nó, và ghi nhận sự bắt đầu của hơi thở ra. Khi hơi thở ra hoàn tất, cũng có một sự nghỉ ngắn trước khi hơi thở vào bắt đầu. Hãy ghi nhận điều này. Hai khoảng ngưng này xảy ra rất nhanh chóng đến nỗi có thể bạn không để ý đến chúng. Nhưng khi bạn chánh niệm, bạn sẽ nhận ra được<sup>[2]</sup>. Trong khi thực tập hơi thở càng lúc càng trở nên đều đặn, êm dịu, nhịp nhàng và tĩnh lặng, tâm ta cũng như vậy. Điều này giúp hành giả mang lại sự thư thái và an lạc trong thân tâm. Khi tâm trở nên yên tĩnh (không còn phóng tâm) và hơi thở trở nên nhẹ nhàng, bạn có thể chuyển qua bước kế tiếp.

### **An tịnh thân hành, an tịnh tâm hành (Tranquillizing the body and mind)**

Tiếp tục, chúng ta cố gắng duy trì chánh niệm và tỉnh giác về hơi thở một cách liên tục với *quyết tâm* làm cho *hơi thở, thân, và tâm* trở nên *an tịnh*. Nếu hơi thở vẫn chưa dịu dàng, an tịnh, bạn nên khởi niệm rằng “*Nguyện cho hơi thở của tôi được an tịnh*”. Khi phát khởi quyết tâm như thế, hơi thở sẽ dần trở nên an tịnh. “*An tịnh thân hành tôi thở vào, An tịnh thân hành tôi thở ra*”. (*Calming down or tranquillizing the bodily aggregate or the activity of the breathes in and breathes out*)<sup>[3]</sup>. Thực tập như vậy để ôm ấp nỗi khổ niềm đau, sự bất an và căng thẳng của thân thể ta bằng năng lượng của chánh niệm. Nhờ thực tập như vậy thân thể của ta trở nên an tịnh trở lại. Cho nên chánh niệm là sự trị liệu và chuyển hóa tuyệt vời.

Như tên gọi của nó, phép ‘quán niệm hơi thở’ (*Mindfulness of breathing*) sử dụng hơi thở làm đối tượng tập trung. Bằng cách tập trung vào hơi thở bạn trở nên nhận biết xu hướng tâm trí của mình một cách trọn vẹn. Kỹ thuật đơn giản, tập trung đưa chúng ta trở về với giây phút hiện tại và tất cả sự phong phú của kinh nghiệm mà nó chứa đựng. Đó là một cách để phát triển chánh niệm. Hành giả tập trung sự cảnh giác và nhận thức chúng một cách tinh tế, nhạy cảm. Và nó là một phương pháp tuyệt vời để nuôi dưỡng các trạng thái của sự hấp thụ thiền định mãnh liệt được gọi là thiền. Cũng vậy, chánh niệm hơi thở là một thuốc giải độc tốt xoa tan bồn chồn và lo lắng, và là một cách tốt để thư giãn: tập trung vào hơi

thở có tác dụng tích cực đối với toàn bộ trạng thái thân và tâm của bạn.

Trong kinh *Quán niệm Hơi thở*, Đức Phật dạy: “*Nhập tức xuất tức niệm, này các Tỷ-kheo, được tu tập, được làm cho sung mãn, đưa đến quả lớn, công đức lớn. Nhập tức xuất tức niệm, được tu tập, làm cho sung mãn, khiến cho bốn niệm xứ được viên mãn. Bốn niệm xứ được tu tập, làm cho sung mãn, khiến cho bảy giác chi được viên mãn. Bảy giác chi được tu tập, làm cho sung mãn, khiến cho mình giải thoát (vijjavimutti) được viên mãn*”<sup>[4]</sup>.

Sở dĩ thiền tập trung vào việc quán niệm hơi thở làm đề mục mà không chọn các đề mục khác bởi vì hơi thở là vấn đề thiết yếu cho sự sống con người. Hơi thở vô cùng quan trọng đối với con người. Hơi thở là sự sống. Do đó, chú tâm theo dõi hơi thở hay đếm hơi thở là chú tâm vào sự kiện quan trọng của cuộc sống. Khi nào ta cũng thở, nhưng chúng ta thường bỏ quên hơi thở. Giờ chúng ta tập trung vào quán niệm hơi thở để làm cho tâm an tĩnh. An trú theo hơi thở, đó là pháp thiền hiệu quả nhất trong thiền quán của Phật giáo. Sau khi hành giả thực hành thiền kết thúc, chúng ta nên tiến hành xả thiền.

**Xả thiền:** Xả thiền rất quan trọng, khi chuẩn bị ngồi thiền kỹ như thế nào thì xả thiền cũng như vậy. Nếu xả thiền không đúng phương pháp sẽ gây ra những hiệu ứng không tốt cho người thực hành thiền. Trước hết chúng ta tiến hành xả tâm, và nguyện hồi hướng công đức, sau đó tiến hành xả tư thế của thân. Dùng hai bàn tay xoa vào nhau khoảng 4, 5 lần. Dùng ngón tay trở và ngón tay giữa vuốt nhẹ xung quanh vành mắt. Sau đó, hai bàn tay xoa nhẹ lên mặt. Kế đến, xoa lại hai bàn tay, rồi thoa lên lưng (quần), lên chân để chống đau lưng và tê chân, nếu có. Sau đó từ từ tháo hai chân ra và đứng dậy kết thúc buổi thiền hành.

Tóm lại, thực tập thiền là pháp môn mang lại lợi ích thiết thực cho mọi người. Thiền không mang nặng sắc màu tôn giáo, nên bất cứ ai cũng có thể thực hành. Thiền chánh niệm hơi thở còn là phương pháp trị liệu hiệu quả, giúp giảm thiểu căng thẳng, rối loạn. Pháp hành này còn đưa đến sự thiết lập cân bằng giữa thân và tâm, tạo nên sự hài hòa giữa tâm và vật, cởi mở tâm thức, lắng dịu tâm hồn, đưa đến sự an lạc, thành thoi trong cuộc sống. ■

### **Ghi chú:**

[1] Henepola Gunaratana, *Eight mindfull steps to happiness- Walking the Buddha's path*, Wisdom publications, Boston, 2001, p.19.

[2] Henepola Gunaratana, *Eight mindfull steps to happiness- Walking The Buddha's path*, Wisdom publications, Boston, 2001, p.23.

[3] Harcharn Singh Sobti, *Vipassanā, The Buddhist way*, EBL, Delhi, 2003, p.68.

[4] Thích Minh Châu, *Trung bộ kinh*, kinh Quán niệm Hơi thở.







đã có mộ phần trước giờ an giấc ngàn thu, và những ai từ 70 tuổi trở lên mà chưa có mộ phần thì ngày càng bị thôi thúc - lo trước cho con cái đỡ lo - vì đất đai ngày càng khó. Như ở Huế, nghĩa trang thành phố phải mở rộng, lan ra xa, rồi thêm một nghĩa trang phía Bắc. Không chỉ ở thành phố, ở nông thôn miền cát trắng ven phá Tam Giang, trước đây độn cát mênh mông, mộ phần ở đâu cũng được, thì ngày nay cát có chủ, rồi rừng phi lao chắn cát, rồi nuôi tôm, khai thác titan, lập trang trại trên cát, nên địa điểm chôn cất không còn tự do như trước.

Chuyện mồ mả là chuyện thiêng liêng của cá nhân, gia đình và dòng họ, cho nên một thời gian dài sau năm 1975, chiến tranh qua đi, những gia đình và dòng họ giàu có - một số lớn là nhờ ngoại viện - đã chỉnh trang, xây mới lăng mộ thật hoành tráng, thành trong

thành ngoài, nhà bia, mô-típ hoa văn thật tỉ mỉ, nhiều màu sắc; từ đó, nhiều nghĩa trang huy hoàng khai sinh, được người dân gọi là thành phố ma, thành phố lăng mộ như ở An Bằng, Phong Hải... Đến một lúc bão hòa, càng ngày mọi người càng nhận ra một sự thật: Không thể dành nhiều đất cho quá nhiều người chết, mà cần đất cho người sống ngày càng sinh sôi, với biết bao công trình quốc kế dân sinh! Có lẽ chính quyền địa phương nên tính toán quy hoạch nghĩa trang, dành cho mỗi cái lăng cái mộ một diện tích chấp nhận được.

Tinh thế đi đến một cuộc cải cách phương thức an táng: hỏa táng thay vì địa táng. Hỏa táng đã có lịch sử từ lâu đời. Trước Phật giáo, xã hội Ấn Độ đã có tục hỏa táng, và đến thời Đức Phật, vua Tịnh Phạn và Đức Phật cũng được hỏa táng. Nhiều người trung lưu thành thị ngày càng nghiêng về khuynh hướng thiêu, và mong chờ nhiều thành phố đầu tư các công trình lò thiêu. Thay vì xây lăng tẩm, mồ mả, mộ chí làm chi cho phiền phức, tốn kém, người sắp ra đi đã dạn dò, cát bụi trở về với cát bụi; vậy thì chỉ một đúm tro trong hũ cốt gửi chùa "để nghe kinh kệ" là quá đủ. Có trường hợp người sắp mất chẳng muốn lưu giữ gì, sau khi chết, cứ cho gió cuốn tro bay trên núi rừng hoặc cửa sông, cửa biển. Nhà văn nữ Quỳnh Dao (Đài Loan), 80 tuổi, dạn dò con lo chuyện hậu sự, trong thư có đoạn: "Khi còn sống, nguyện là ánh lửa, cháy hết mình tới phút cuối cuộc đời. Lúc chết đi, nguyện là hoa tuyết, lất phất rơi, hóa thành cát bụi"<sup>1</sup>.

Chuyện hỏa táng đã trở nên phổ biến toàn cầu. Nước Nhật đất chật người đông, người chết được hỏa táng với lễ nghi rất thành kính và trang trọng. Nước Mỹ dân đông mà đất thì mênh mông cũng đã quen với hỏa táng. Hồi năm 1950, ở Mỹ, nếu ai đó đề nghị người thân nên thiêu sau khi chết, thì ý kiến đó nghe rất chối tai và bị phản ứng quyết liệt, nhưng ngày nay, khoảng một nửa số người Mỹ chọn hỏa táng, xem như đơn giản hơn, và tôn trọng môi trường sinh thái hơn là chôn cất theo lối cổ truyền.

Nhưng chuyện người chết vẫn luôn luôn là vấn đề quá lớn của người đang sống, và cũng liên quan ít nhiều đến sự tồn tại của trái đất. Hỏa táng sử dụng lò thiêu, mà lò thiêu thì cần sức nóng kinh khủng, khoảng từ 800 đến 1.000 độ C. Người ta đã nói nhiều đến vấn nạn biến đổi khí hậu, hâm nóng trái đất, hạn hán, lũ lụt... Làm sao giảm đà tăng nhiệt độ của trái đất, chú theo cái đà này thì gây ra biết bao hệ lụy cho chúng sinh. Hỏa táng thì gây nên vấn đề gì? Chỉ dẫn chứng nước Mỹ: Hỏa táng tại Mỹ phát ra khủng khiếp 600 triệu pounds carbon dioxide vào khí quyển hàng năm, làm đầu độc trái đất.

Có giải pháp nào tốt hơn hỏa táng, để không góp phần làm nóng trái đất? Trên thế giới, trước những vấn nạn toàn cầu, luôn luôn có những người đi trước, những người tượng trưng cho lương tâm của thời đại,

lo cái lo của hành tinh, thì mới nghĩ ra chuyện mà nghe qua, ai cũng có thể giết mình, thế nhưng triết lý của họ thật cao cả.

Con người vốn đã nặng ân tình với trái đất, lại khai thác tàn bạo trái đất, giết hại chúng sinh, phá hoại môi trường, chỉ bằng sau khi thân thức đã rời bỏ xác phàm, thân tứ đại trở về với đất, nên theo cách nào đó có lợi cho đời sống? *“Cái gì sẽ xảy ra nếu thân xác của chúng ta có thể giúp nảy nở một cuộc sống mới sau khi chúng ta chết đi, thay vì được ươm hương, chôn cất hay biến thành tro?”* Đó là tâm nguyện của một người phụ nữ, bà *Katrina Spade*, từ đó bà lập dự án tổ chức một hệ thống gọi là *“natural decomposition process”* (tiến trình tái tạo tự nhiên) để biến người chết thành đất giàu chất dinh dưỡng, làm vinh danh cho cả người và trái đất. Ý tưởng và dự án của bà đã được bà giải bày trong chương trình *Ted Talk*<sup>2</sup>, ngày 14/7/2017, với đề tài: *“When I die, recompose me”* (tạm dịch: *“Khi tôi chết, hãy tái tạo tôi”*).

Chuyện này không phải là xa lạ trong tự nhiên, suy cho cùng, cái chết trở lại phục vụ cho đời sống, cây cỏ chết đi lại làm giàu cho đất. Và điều này cũng đúng cho sinh vật. Nhiều chủ nông trại bên Mỹ đã biến thân xác con bò chết thành phân hữu cơ trong quá trình phân hủy tự nhiên. Trong phần lớn những thiết kế, xác con bò được phủ lên một ít lớp dăm bào, vốn có độ carbon cao, và để ngoài thiên nhiên, nhờ gió cung cấp oxygen và mưa tạo độ ẩm. Khoảng chín tháng, tất cả trở thành phân hữu cơ giàu dinh dưỡng. Thân xác con vật được phân hủy hoàn toàn, chỉ trừ răng.

Từ chuyện con bò, bà bắt đầu thiết kế một hệ thống cho người. Bà đã tạo một mô hình đặt trên nền tảng khoa học về phân hữu cơ biến hóa từ cái chết của thú vật nuôi. Bà hợp tác với những chuyên gia về khoa học thổ nhưỡng, tái tạo, về chăm sóc cái chết đa dạng, về luật học và kiến trúc. Bà đã tạo nguồn tài chính từ những nhà sáng lập và cá nhân nhằm mục đích thiết kế một nguyên mẫu của hệ thống đó, và bà đã nghe nhiều chục ngàn người ở khắp nơi trên thế giới cần giải pháp có thể thực thi. Trong những năm sắp đến, mục tiêu của bà là xây dựng cơ sở thực hiện dễ dàng cho việc tạo phân hữu cơ người đúng như nguyên mẫu ở chính thành phố Seattle. Bà cho biết: *“Hãy tưởng tượng, một phần công viên công cộng, một phần nhà tang lễ, một phần nơi tưởng niệm cho những người thân yêu, nơi ta có thể kết nối lại với các vòng đời của tự nhiên và đối xử với thân xác ta bằng sự tôn trọng và dịu dàng!”*

Cơ sở hạ tầng là đơn giản. Sau khi liệm người chết trong vải liệm, gia đình và bạn bè đưa thi hài đến huyệt, ở đó đã chứa hệ thống phân hủy tự nhiên. Trong suốt nghi thức lễ tang, họ nhẹ nhàng đặt thi hài vào huyệt và phủ lên đó dăm bào. Từ đây bắt đầu sự biến đổi nhẹ nhàng từ người sang đất. Khoảng một vài tuần tiếp

theo, thân xác phân hủy một cách tự nhiên. Vi khuẩn chuyển hóa xác thành carbon, rồi protein, để tạo ra chất mới, làm giàu đất đai. Đất đó có thể được dùng để gây dựng đời sống mới. Biết đâu trên đó, một cây lên tươi tốt và kết trái? Như phảng phất chuyện Tấm Cám, cô Tấm biến thành chim vàng anh, rồi cây xoan đào, rồi khung cửi, chuyển hóa thành tro, rồi tro thành cây thị, rồi quả thị thành Tấm. Nếu cô Tấm trong cuộc đời này chết đi, biết đâu sẽ thành tro, rồi thành cây?

Kế hoạch của bà Katrina Spade đã tiến hành đến đâu? Từ năm 2014, tổ chức của bà đã làm một dự án thí điểm trên vùng đồi của North Carolina với khoa Forensic Anthropology tại Đại học Tây Carolina, với năm xác hiến tặng. Bà đã cùng làm việc rất tốt với các đại học khác. Những nhà khoa học về thổ nhưỡng tại Đại học Washington State, những sinh viên mới tốt nghiệp, đã làm việc để biến rỗng thành phân. Bà đã nghe ý kiến từ những cộng đồng ở Nam Phi, Úc, Anh, Canada và nhiều nơi khác. Tổ chức của bà mong giúp những cá nhân, tổ chức, những đô thị tự trị thiết kế để áp dụng trong những thành phố riêng của họ.

oOo

Ý tưởng về chuyển hóa thân xác con người thành đất tốt cũng mới manh nha, và mới chỉ có năm trường hợp hiến xác để biến ý tưởng thành thực tế. Ý tưởng đó chắc chắn là lạ lùng, khó nghe, không thể chịu nổi đối với phần đông mọi người, phản lại tình cảm và đạo đức tôn trọng người chết đã trở thành thiêng liêng. *Tôi như thế này mà khi chết đi thành phân?* Không có năm mộ, không có tấm bia, rồi mất hút, ai mà chịu thấu?

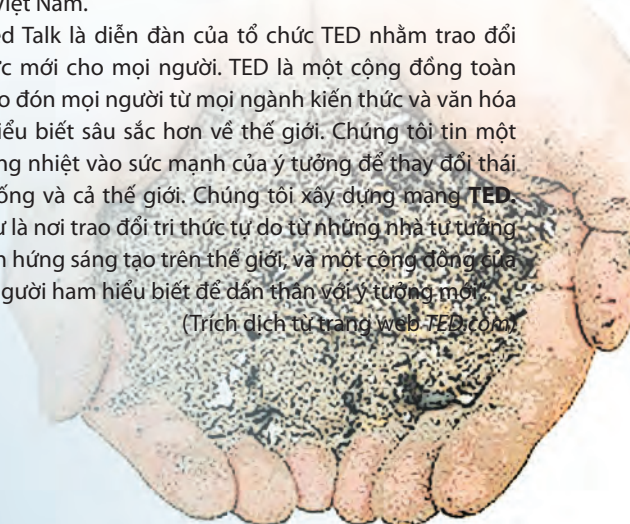
Dẫu sao, trước những vấn nạn ngày càng trầm trọng mà nhân loại và trái đất đang gánh chịu, thì chuyện người chết về đâu cũng sẽ có nhiều lựa chọn. Và khi đó, phong tục, tập quán và lương tâm cũng sẽ xét lại các hình thức lựa chọn đó. Về đâu hỡi người... Phải chăng đó là nắm mồ, là tro rải trên sông, trên biển, trên núi, là hũ cốt trong chùa... và cũng có thể là phân, cho vòng đời tái sinh, mệnh mông, vô tận? ■

#### Chú thích:

1. Tâm thư xúc động của Nữ sĩ Quỳnh Dao, trên website Phật tử Việt Nam.

2. “Ted Talk là diễn đàn của tổ chức TED nhằm trao đổi kiến thức mới cho mọi người. TED là một cộng đồng toàn cầu, chào đón mọi người từ mọi ngành kiến thức và văn hóa muốn hiểu biết sâu sắc hơn về thế giới. Chúng tôi tin một cách nồng nhiệt vào sức mạnh của ý tưởng để thay đổi thái độ, lối sống và cả thế giới. Chúng tôi xây dựng mạng **TED.com** như là nơi trao đổi tri thức tự do từ những nhà tư tưởng giàu cảm hứng sáng tạo trên thế giới, và một cộng đồng của những người ham hiểu biết để dẫn thân với ý tưởng mới.”

(Trích dịch từ trang web [TED.com](http://TED.com))





# Mọi sự vật đều thay đổi

K. SRI DHAMMANANDA  
NGUYỄN VĂN NHẬT dịch

Nhìn vào đời sống, chúng ta nhận ra cuộc đời thay đổi biết bao, và sự sống liên tục chuyển dịch giữa những đối cực và những điều tương phản đến thế nào. Chúng ta nhận ra lúc thăng lúc trầm, lúc thành công lúc thất bại, khi được khi mất; chúng ta trải nghiệm sự kính trọng và sự khinh miệt, sự tán dương và sự chê trách; và chúng ta cảm nhận tâm mình phản ứng thế nào trước tất cả những điều ấy, hạnh phúc và đau buồn, phấn khởi và thất vọng, bất mãn và hài lòng, sợ hãi và trông đợi... Những lượn sóng cảm xúc mạnh mẽ ấy đưa chúng ta lên cao rồi quăng chúng ta xuống thấp; và ngay khi chúng ta vừa mới tưởng được nghỉ ngơi thì chúng ta lại bị vùi dập bởi những lượn sóng mới, có khi còn mạnh mẽ hơn. Làm thế nào chúng ta có thể trông chờ một sự thăng bằng trên đỉnh của những lượn sóng ấy? Chúng ta sẽ đứng lên ở nơi đâu tòa cao ốc của đời mình giữa đại dương không bao giờ dừng nghỉ của thực tại này?

Đó là một thế giới mà ở nơi ấy, mọi niềm vui nhỏ bé được ban cấp cho các chúng sanh đều chỉ được bảo đảm sau vô số những ngán ngẫm, đổ vỡ, thất bại. Đó là một thế giới mà ở nơi ấy niềm vui ít ỏi lớn lên giữa những bệnh tật, tuyệt vọng và cái chết. Đó là một thế giới mà ở nơi ấy các chúng sanh mới vừa kết nối với chúng ta trong một niềm vui đồng cảm thì ngay khoảnh khắc sau đó lại cần đến ở ta một sự bao dung. Một thế giới như thế cần đến sự buông xả. Đó chính là bản chất của cái thế giới nơi chúng ta đang sống với tinh thần của bè bạn mà có thể ngay ngày hôm sau họ sẽ trở thành kẻ thù chỉ chực chờ hãm hại ta.

Đức Phật đã mô tả thế giới này như một dòng chảy không dừng nghỉ của sự trở thành. Mọi sự đều thay đổi, đều chuyển hóa liên tục, đều hoán đổi không dừng, và chỉ là một luồng di động. Mọi sự đều tồn tại từ khoảnh khắc này tới khoảnh khắc khác. Mọi sự chỉ là sự xoay chuyển tuần hoàn của việc hình thành và rồi lại ra khỏi sự hiện hữu. Mọi sự cứ mãi chuyển dịch từ sự sinh ra đến sự chết đi. Cuộc sống là một sự vận động liên tục của việc thay đổi hướng về cái chết. Những hình thái của vật chất mà ở đó đời sống có tự thể hiện ra hay không cũng chỉ là một sự vận động không dừng nghỉ hay sự thay đổi hướng đến sự hoại diệt. Giáo lý này, giáo lý về bản chất vô thường của mọi sự vật, là một trong những chủ đề then chốt chính yếu của Phật giáo. Không có bất kỳ sự vật gì trên quả đất này dự phần vào đặc điểm của một thực tại tuyệt đối. Rằng sự bất tử của bất kỳ điều gì đã sinh thành là điều không thể xảy ra. Bất kỳ điều gì phụ thuộc vào sự sinh thành thì cũng phụ thuộc vào sự hoại diệt. Sự thay đổi chính là yếu tính của thực tại.

Trong việc chấp nhận luật vô thường hay sự thay đổi ấy,

Đức Phật phủ nhận sự hiện hữu của những thực thể bất diệt. Trên thực tế, vật chất và tinh thần chỉ là sự đúc kết sai lạc về những thứ vốn chỉ là các thành tố luôn biến đổi [được gọi là các pháp] được liên kết với nhau và xuất hiện trong sự phụ thuộc vào nhau về mặt chức năng của chúng.

Ngày nay, các nhà khoa học đã chấp nhận luật về sự thay đổi mà Đức Phật từng khám phá ấy. Các nhà khoa học mặc nhiên công nhận rằng không có bất kỳ điều gì là thực thể, vững chắc, hữu hình trong thế giới này. Mọi sự vật đều chỉ là một cơn lốc năng lượng, không bao giờ tồn tại như cũ trong vòng hai khoảnh khắc nối tiếp nhau. Cả thế giới rộng lớn này bị tóm gọn trong sự quay cuồng cuộn xoáy của sự thay đổi. Một trong những lý thuyết được mặc nhiên công nhận bởi các nhà khoa học là viễn cảnh của sự lạnh lẽo tối hậu tiếp theo cái chết hay sự hủy diệt của mặt trời. Các Phật tử hoàn toàn không bị choáng váng bởi viễn cảnh này. Đức Phật từng dạy rằng các vũ trụ hay những chu trình thế giới xuất hiện rồi biến mất trong một chuỗi tương tục không ngừng, hết như cuộc sống của các cá nhân cũng sinh diệt như vậy. Thế giới của chúng ta tất nhiên cũng sẽ đi đến chỗ tận cùng. Điều này từng xảy ra trước đó đối với những thế giới đến trước và sẽ tiếp tục xảy ra.

Thế giới này chỉ là một hiện tượng thoáng qua. Tất cả chúng ta đều thuộc về thế giới của thời gian. Mỗi từ đã được viết ra, mỗi tảng đá đã được tạc khắc, mỗi hình ảnh đã được vẽ nên, cấu tạo của nền văn minh, từng thế hệ của loài người... đều tan biến như lá và hoa của những mùa hè đã bị quên lãng. Những gì hiện hữu đều thay đổi, và những gì không thay đổi đều không hiện hữu.

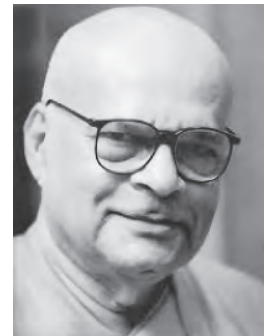
Do đó, mọi thần linh, mọi con người, mọi thú vật và mọi hình thể vật chất - tất cả mọi sự vật trong vũ trụ - đều phụ thuộc vào luật vô thường. Phật giáo dạy chúng ta rằng:

*Thân thể như là đồng bọt  
Cảm xúc như là bong bóng nước  
Nhận thức như là ảo ảnh  
Hành động có chủ ý như là thân cây chuối  
Và thức như là trở ảo thuật.*

(*Kinh Tương Ưng, thiên Tương ưng uẩn*). ■

**Nguyên tác:** *Everything is changeable*, trích trong *What Buddhists Believe*, K. Sri Dhammananda, Buddhist Cultural Center.

**Tác giả:** K. Sri Dhammananda (1919-2006) là một vị tu sĩ học giả người Sri Lanka, xuất gia từ khi mới 12 tuổi (năm 1931) và chính thức thọ đại giới vào năm 1940 trong lúc đang được đào tạo tại Học viện Phật giáo Vidyawardhana ở thủ đô Colombo. Đến năm 1952, ngài sang Mã Lai để truyền đạo và đã có những đóng góp lớn lao cho việc phục hưng Phật giáo Mã Lai. Công hạnh của ngài đã được đăng trên *Văn Hóa Phật Giáo* số 270 phát hành ngày 1/4/2017.



# Như chiếc chuông bị bể

## DIỆU HẢO

“**N**hư chiếc chuông bị bể” là câu kinh *Pháp cú* nói về tâm thức của một bậc giác ngộ, đã đoạn tận các lậu hoặc, không còn tham-sân-si, đã đạt đến hoàn toàn tịch tĩnh; ai có gõ vào thì cái tâm ấy cũng không dao động, không phản ứng, không vui buồn, không hân hoan, không bức phiền.

Nguyên văn lời Phật dạy:

*Nếu tự mình yên lặng,  
Như chiếc chuông bị bể,  
Người đã chứng Niết-bàn,  
Người không còn phần nộ<sup>1</sup>.*

Chiếc chuông người ta đúc ra là để đánh lên thành tiếng, mà chuông có kêu lên thành tiếng thì mới có giá trị sử dụng; chẳng này chiếc chuông bị bể, gõ vào không kêu, thì chẳng dùng vào việc gì được. Chiếc chuông mà người ta gõ vào không kêu thì thành ra vô tích sự, nhưng người xuất gia học đạo nhằm mục đích giác ngộ mà cuộc đời có gõ vào cũng không kêu lên, như chiếc chuông bị bể, thì công đức lợi ích càng lớn! Đó là nếp sống của “kẻ tỉnh không sợ hãi”<sup>2</sup>, là *Ariyatunhìbhàvo* (Thánh im lặng).

Đức Thế Tôn xác chứng:

*Những ai bị phi báng,  
Không phi báng chống lại,  
Người ấy đủ thắng trận,*

*Thắng cho mình, cho người.  
Vị ấy tìm lợi ích,  
Cho cả mình và người.  
Và kẻ đã phi báng,  
Tự hiểu, lắng người dân<sup>3</sup>.*

Sau đây chúng ta xem qua hai bài kinh nói về tâm thức vắng lặng, tịch tĩnh, như chiếc chuông bị bể, của hai bậc giác ngộ, một của Đức Phật và một của Tôn giả Sàriputta.

Bài kinh thứ nhất đề cập về đức nhẫn nhục của Thế Tôn, bị người khác phi báng nhiếc mắng nhưng Ngài vẫn giữ tâm thái điềm tĩnh và từ tốn:

*“Một thời Thế Tôn trú ở Rājagaha (Vương Xá), Veluvana (Trúc Lâm), tại chỗ nuôi dưỡng các con sóc.*

*Rồi Bà-la-môn Akkosaka Bhàradvāja được nghe Bà-la-môn thuộc dòng họ Bhàradvāja đã xuất gia với Thế Tôn, từ bỏ gia đình, sống không gia đình. Ông phần nộ, không hoan hỷ, đi đến Thế Tôn; sau khi đến, nói những lời nói không tốt đẹp, ác ngữ, phi báng và nhiếc mắng Thế Tôn. Được nghe nói vậy, Thế Tôn nói với Bà-la-môn Akkosaka Bhàradvāja:*

*‘Này Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Các thân hữu bà con huyết thống, các khách có đến viếng thăm Ông không?’*

*‘Thưa Tôn giả Gotama, thỉnh thoảng, các thân hữu, bà con huyết thống, các khách có đến viếng thăm tôi!’*



'Này Bà-la-môn, Ông nghĩ thế nào? Ông có sửa soạn cho họ các món ăn loại cứng, loại mềm và các loại đồ nếp không?'

'Thưa Tôn giả Gotama, thỉnh thoảng tôi sửa soạn cho họ các món ăn loại cứng, loại mềm và các loại đồ nếp.'

'Nhưng này Bà-la-môn, nếu họ không chịu nhận, thì các món ăn ấy về ai?'

'Thưa Tôn giả Gotama, nếu họ không chịu nhận, thì các món ăn ấy về lại chúng tôi.'

'Cũng vậy, này Bà-la-môn, nếu Ông phỉ báng chúng tôi là người không phỉ báng; nhiếc mắng chúng tôi là người không nhiếc mắng; gây lộn với chúng tôi là người không gây lộn; chúng tôi không chịu nhận sự việc ấy từ Ông, thì này Bà-la-môn, sự việc ấy về lại Ông. Này Bà-la-môn, sự việc ấy chỉ về lại Ông.'

Này Bà-la-môn, ai phỉ báng lại khi bị phỉ báng, nhiếc mắng lại khi bị nhiếc mắng, gây lộn lại khi bị gây lộn, thì như vậy, này Bà-la-môn, người ấy được xem là đã hưởng thọ, đã san sẻ với Ông. Còn chúng tôi không cùng hưởng thọ sự việc ấy với Ông, không cùng san sẻ sự việc ấy với Ông, thì này Bà-la-môn, sự việc ấy về lại Ông! Này Bà-la-môn, sự việc ấy chỉ về lại Ông!'

(Câu chuyện truyền đi). Nhà vua và vương cung, vương thân nghĩ rằng: 'Sa-môn Gotama là vị A-la-hán! Tuy vậy Tôn giả Gotama nay đã phẫn nộ.'

(Thế Tôn):

Với vị không phẫn nộ,  
Phẫn nộ từ đâu đến?  
Sống chế ngự, chánh mạng,  
Giải thoát, nhờ chánh trí.  
Vị ấy sống như vậy,  
Đời sống được tịch tịnh.  
Những ai bị phỉ báng,  
Trở lại phỉ báng người,  
Kẻ ấy làm ác mình,  
Lại làm ác cho người.  
Những ai bị phỉ báng,  
Không phỉ báng chống lại,  
Người ấy đủ thắng trận,  
Thắng cho mình, cho người.  
Vị ấy tìm lợi ích,  
Cho cả mình và người.  
Và kẻ đã phỉ báng,  
Tự hiểu, lắng người dân.  
Bậc Y sư cả hai,  
Chữa mình, chữa cho người,  
Quần chúng nghĩ là ngu,  
Vì không hiểu Chánh pháp"<sup>4</sup>.

Chuyện thứ hai nói về đức khiêm hạ đầy trí tuệ của Tôn giả Sàriputta, bậc Tướng quân Chánh pháp:

"Một thời, Thế Tôn trú ở Sàvatthi, tại Jetavana, khu vườn ông Anàthapindika, rồi Tôn giả Sàriputta đi đến Thế Tôn; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên.

Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sàriputta bạch Thế Tôn:

'Bạch Thế Tôn, con đã sống an cư trong mùa mưa tại Sàvatthi. Bạch Thế Tôn, nay con muốn ra đi du hành trong quốc độ.'

'Này Sàriputta, nay Thầy hãy làm những gì Thầy nghĩ là hợp thời.'

Rồi Tôn giả Sàriputta từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài rồi ra đi.

Rồi một Tỷ-kheo, sau khi Tôn giả Sàriputta ra đi không bao lâu, bạch Thế Tôn:

'Bạch Thế Tôn, Tôn giả Sàriputta xâm phạm con, đã bỏ đi du hành không có xin lỗi con.'

Thế Tôn cho gọi một Tỷ-kheo:

'Này Tỷ-kheo, hãy đến nhân danh Ta, nói với Sàriputta: Thưa Hiền giả, bậc Đạo Sư cho gọi Hiền giả.'

'Thưa vâng, bạch Thế Tôn!'

Tỷ-kheo ấy, vâng đáp Thế Tôn, đi đến Tôn giả Sàriputta, sau khi đến, nói với Tôn giả Sàriputta:

'Thưa Hiền giả Sàriputta, bậc Đạo Sư cho gọi Hiền giả.'

'Thưa vâng, Hiền giả, Tôn giả Sàriputta vâng đáp Tỷ-kheo ấy.'

Lúc bấy giờ, Tôn giả Mahà Moggallàna và Tôn giả Ànanda cầm chìa khóa, đi từ tinh xá này đến tinh xá khác nói rằng:

'Chư Tôn giả hãy đến! Chư Tôn giả hãy đến! Nay Tôn giả Sàriputta sẽ rống tiếng rống con sư tử trước mặt Thế Tôn!'

Rồi Tôn giả Sàriputta đi đến Thế Tôn, sau khi đánh lễ Thế Tôn rồi ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với Tôn giả Sàriputta đang ngồi xuống một bên:

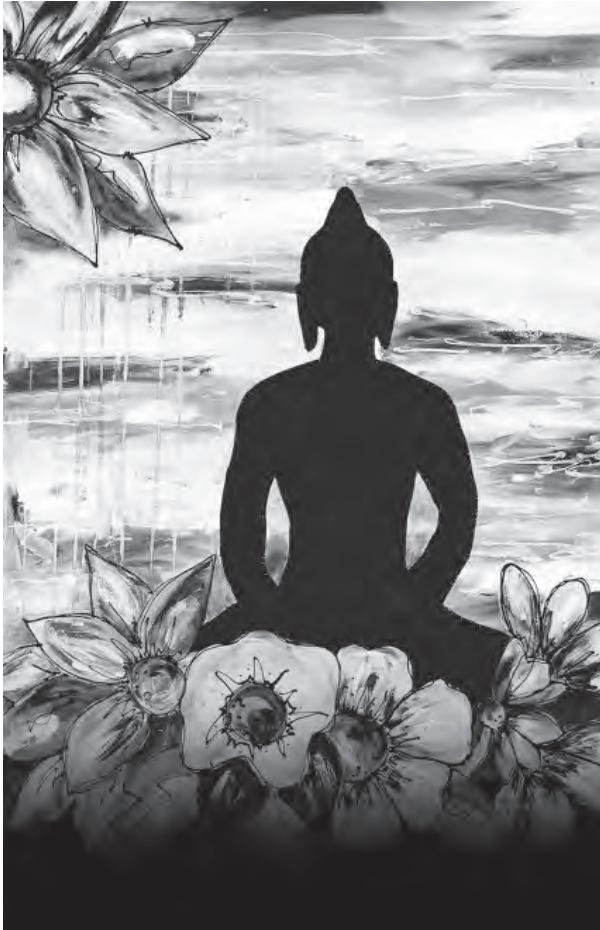
'Ở đây, này Sàriputta, một đồng Phạm hạnh có điều bất mãn với Thầy: Bạch Thế Tôn, Tôn giả Sàriputta xâm phạm con đã ra đi không có xin lỗi con.'

'Thật vậy, bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm trên thân, người ấy, ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.'

Ví như, bạch Thế Tôn, trên đất, người ta quăng đồ tịnh, quăng đồ bất tịnh, quăng phần uế, quăng nước tiểu, nhổ nước miếng, quăng mủ và quăng máu; tuy vậy đất không lo âu, không xấu hổ, không nhàm chán. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm như đất, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận, không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.'

Ví như, bạch Thế Tôn, trong nước người ta rửa đồ tịnh, rửa đồ bất tịnh, rửa sạch phần uế, rửa sạch nước tiểu, rửa sạch nước miếng, rửa sạch máu, rửa sạch mủ; tuy vậy nước không lo âu, không xấu hổ, không nhàm chán. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm như nước, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận, không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.'

Ví như, bạch Thế Tôn, lửa đốt các đồ tịnh, đốt các đồ bất tịnh, đốt phần uế, đốt nước tiểu, đốt nước miếng,



đốt mù, đốt máu; tuy vậy lửa không lo âu, không xấu hổ, không nhàm chán. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm như lửa, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận, không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, gió thổi các đồ tịnh, thổi các đồ bất tịnh, thổi phần uế, thổi nước tiểu, thổi nước miếng, thổi mù, thổi máu; tuy vậy gió không lo âu, không xấu hổ, không nhàm chán. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm như gió, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận, không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, một miếng vải lau chùi lau các đồ tịnh, lau các đồ bất tịnh, lau phần uế, lau nước tiểu, lau nước miếng, lau mù, lau máu; tuy vậy miếng vải lau chùi không lo âu, không xấu hổ, không nhàm chán. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm như miếng vải lau chùi, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận, không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, con trai của một người Candàla (Chiên-đà-la: hạ liệt) hay con gái của một người Candàla, với tay cầm bát ăn xin, mặc đồ rách rưới, đi vào làng hay đi vào thị trấn, với một tâm trạng hạ liệt. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm giống như con của một người Chiên-đà-la, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận, không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm

hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, một con bò đực, với sừng bị cưa, hiền lương, khéo điều phục, khéo huấn luyện, đi lang thang từ đường này đến đường khác, từ ngã tư này đến ngã tư khác, không hại một ai với chân hay với sừng. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, con an trú với tâm giống như một con bò đực với sừng bị cưa, rộng rãi, rộng lớn, vô lượng, không hận, không sân. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, một nữ nhân hay một nam nhân còn trẻ tuổi, thanh niên, ưa thích trang điểm, sau khi gội đầu, sẽ lo âu, xấu hổ, nhàm chán nếu xác rắn, hay xác chó, hay xác người được quấn vào cổ người ấy. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, con lo âu, xấu hổ, nhàm chán với cái thân đầy bất tịnh này. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Ví như, bạch Thế Tôn, có người mang một cái bát đầy mỡ, có thùng nhiều lỗ, thùng nhiều đường, bị chảy, bị rỉ. Cũng vậy, bạch Thế Tôn, con mang cái thân này, có thùng nhiều lỗ, có thùng nhiều đường, bị chảy, bị rỉ. Bạch Thế Tôn, với ai không an trú thân niệm, người ấy ở đây, sau khi xâm phạm một vị đồng Phạm hạnh, có thể bỏ đi du hành, không có xin lỗi.

Rồi Tỳ-kheo ấy từ chỗ ngồi đứng dậy, đắp thượng y vào một bên vai, cúi đầu đảnh lễ chân Thế Tôn và bạch Thế Tôn:

'Bạch Thế Tôn, con đã phạm một trọng tội. Vì ngu si, vì vô minh, vì bất thiện. Con đã xuyên tạc Tôn giả Sàriputta, không ý thức, trống không, vọng ngôn, không thật. Mong Thế Tôn chấp nhận lỗi lầm này cho con để con ngăn ngừa trong tương lai.'

'Này Tỳ-kheo, Thầy đã xuyên tạc Tôn giả Sàriputta, không ý thức, trống không, vọng ngôn, không thật. Này Tỳ-kheo, vì Thầy đã thấy tội ấy là một tội, đã phát lộ đúng pháp, Ta chấp nhận tội ấy cho Thầy. Đây là một sự tiến bộ, này Tỳ-kheo, trong Pháp Luật của bậc Thánh, những ai thấy tội là tội, phát lộ đúng pháp, và ngăn đón trong tương lai.'

Rồi Thế Tôn nói với Tôn giả Sàriputta:

'Này Sàriputta, hãy tha thứ cho kẻ ngu si này, trước khi ở đây, đầu nó bị vỡ tan làm bảy mảnh.'

'Bạch Thế Tôn, con tha thứ cho Tôn giả ấy, nếu Tôn giả ấy nói với con: 'Hãy tha thứ cho tôi', và con cũng mong Tôn giả ấy tha thứ cho con<sup>5</sup>.

Nhìn chung, người càng tu tâm, càng thấu triệt bản chất vô thường, khổ đau, vô ngã, tàn tạ, hư huyền của thân ngũ uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) thì càng trở nên khiêm tốn lặng lẽ, giống như chiếc chuông bị bể, không bao giờ có ý nghĩ làm thương tổn người khác, cũng không thấy ai làm tổn thương mình. Thế giới thương tổn (vihimsá) chỉ tồn tại và xảy ra ở những tâm thức còn tham-sân-si, còn khao khát thể hiện ngã tính, nhưng các bậc giác ngộ sống với tâm vô ngã, giải



thoát, không tham-sân-si, không còn phân biệt có không, hơn thua, được mất giữa cuộc đời thì không có thể giới thương tổn. Giống như ong đến với hoa, không hại sắc và hương, che chở hoa lấy nhụy; cũng vậy, chư vị giác ngộ hiện diện trong cuộc đời chỉ làm lợi lạc cho chúng sinh, tuyệt đối không làm tổn thương mình, cũng không làm tổn thương người<sup>6</sup>.

Tôn giả Sàriputta thực thi một đời sống hết sức khiêm hạ, tự xem mình như một kẻ ăn xin hạ liệt, như con bò bị cưa sừng, với cái thân ngũ uẩn tàn tạ và thủng chày, không có đủ hơi sức để tự vệ huống nữa là xúc phạm người khác! Tôn giả sống với cái tâm “vô tâm” như đất, nước, lửa, gió, như mảnh giẻ rách lau chùi, trên đó người ta có quăng ném thứ gì, tốt hay xấu, tịnh hay bất tịnh, thì cái tâm ấy cũng không lay động, không vui buồn, không yêu ghét, không hân hoan, không hờn giận.

Cái tâm ấy càng lặng lẽ nhiều hơn, càng kham nhẫn lớn hơn khi nó ngộ ra rằng thân ngũ uẩn (*pancakkhandhà*) mình đang đeo mang không gì khác là một gánh nặng khổ đau (*dukkhabhàra*)<sup>7</sup>, là chỗ tích tập và hiện hành của mọi nỗi bất hạnh; có thân ngũ uẩn tức là có phiền toái khổ đau xảy ra, không tránh được:

*“Chư Hiền, nếu những người khác xử sự với Tỷ-kheo không có hoàn hảo, không có tốt đẹp, không có khả ái, hoặc dùng tay xúc chạm, hoặc dùng đá xúc chạm, hoặc dùng gậy xúc chạm, hoặc dùng gươm xúc chạm, vị ấy tuệ tri như sau: ‘Sự thể của thân này là như vậy nên tay có thể xúc chạm, đá có thể xúc chạm, gậy có thể xúc chạm, gươm có thể xúc chạm. Thế Tôn đã dạy như sau trong ví dụ cái cưa: ‘Chư Tỷ-kheo, nếu có kẻ cướp hạ tiện lấy cái cưa hai lưỡi cắt từng phần tay và chân; nếu ai ở đây sanh ý phẫn nộ, người ấy không làm đúng lời Ta dạy’. Ta sẽ tinh cần, tinh tấn, không giải đãi. Niệm được an trú không có loạn niệm, thân thể được khinh an, không dao động, tâm được định tĩnh nhất tâm. Nay mặc cho tay xúc chạm thân này, mặc cho đá xúc chạm thân này, mặc cho gậy xúc chạm thân này, mặc cho gươm xúc chạm thân này, lời dạy chư Phật cần phải được thực hành”<sup>8</sup>.*

Đặc biệt, cái tâm ấy càng tuyệt đối yên lặng khi nó thấy ra cái gọi là thân ngũ uẩn (*pancakkhandhà*) gồm có sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà chúng sinh thường tham chấp là mình và của mình do đó mới có vui buồn, yêu ghét, hy vọng và thất vọng, hạnh phúc và khổ đau, cái thân ấy thực sự không phải của mình, không thuộc về mình, mình không nắm bắt được, không làm chủ được. Cái thân ấy bị bó buộc trong điều kiện phiền toái khổ đau (*samkhàra-dukkha*), thường xuyên bị các thứ bất như ý xúc chạm, bị tay xúc chạm, đá xúc chạm, gậy xúc chạm, gươm xúc chạm, giã xúc chạm, bệnh xúc chạm, chết xúc chạm, nhưng mình hoàn toàn bất lực, không can thiệp được. Thấy và biết rõ sự thật vô thường, khổ, vô ngã của thân ngũ uẩn như vậy rồi thì tâm hoàn toàn yên lặng, không còn thuận ứng

(*anuruddha*) hay nghịch ứng (*pativiruddha*)<sup>9</sup>, không còn quay cuồng<sup>10</sup> hay vùng vẫy<sup>11</sup>, như chiếc chuông bị bể, đập đến Niết-bàn tịch tĩnh; bấy giờ ai có vô tình hay cố ý gõ vào thì cái tâm ấy vẫn lặng yên, như như bất động.

Một dịp, Thế Tôn trải nghiệm Tỷ-kheo Punna xin phép đi du hóa ở xứ Sunaparanta nổi tiếng hung bạo:

*“Này Punna, nếu người nước Sunaparanta mắng nhiếc Ông, nhục mạ Ông, thời này Punna, tại đây Ông sẽ như thế nào?”*

*“Bạch Thế Tôn, nếu người nước Sunaparanta mắng nhiếc con, nhục mạ con, thời tại đây, con sẽ nghĩ như sau: ‘Thật là hiền thiện, người nước Sunaparanta này! Thật là chí thiện, người nước Sunaparanta này! Vì rằng họ không lấy tay đánh đập ta’. Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đây con sẽ nghĩ như vậy”*.

*“Nhưng này Punna, nếu các người nước Sunaparanta lấy tay đánh đập Ông... lấy các cục đất ném đánh Ông... lấy gậy đánh đập Ông... lấy dao đánh đập Ông... lấy dao sắc bén đoạt hại mạng Ông, thời này Punna, tại đây Ông sẽ như thế nào?”*

*“Bạch Thế Tôn, nếu các người nước Sunaparanta lấy dao sắc bén đoạt hại mạng con, thời tại đây con sẽ nghĩ như sau: ‘Có những đệ tử của Thế Tôn, ưu phiền và nhàm chán thân thể và sinh mạng đi tìm con dao (để tự sát). Nay ta khỏi cần đi tìm đã được con dao ấy’. Bạch Thế Tôn, tại đây con sẽ nghĩ như vậy. Bạch Thiện Thệ, tại đây, con sẽ nghĩ như vậy”<sup>12</sup>.*

Các vị giác ngộ có tâm yên lặng như chiếc chuông bị bể là thế. Chư vị ấy được xem là có thân bệnh nhưng tâm không bệnh<sup>13</sup>, bởi chư vị ấy đã thấu rõ có sự kiện phiền toái khổ đau xảy ra trong cuộc đời do duyên có thân ngũ uẩn nhưng không có ai là người phiền não khổ đau. Tất cả chỉ là sự vận hành hư huyền của pháp duyên sinh, vô ngã. ■

#### **Chú thích:**

1. Kinh *Pháp cú*, kệ số 134.
2. Kinh *Pháp cú*, kệ số 39.
3. Kinh *Phỉ báng, Tương ưng bộ*.
4. Kinh *Phỉ báng, Tương ưng bộ*.
5. Kinh *Sau khi an cư, Tương ưng bộ*.
6. Kinh *Pháp cú*, kệ số 49.
7. Kinh *Gánh nặng, Tương ưng bộ*.
8. Tiểu kinh *Ví dụ dấu chân voi, Trung bộ*.
9. Chỉ cho tham và sân, tức là tham ái đối với những gì thích ý, hấp dẫn và bất mãn đối với những gì không thích ý, không hấp dẫn, hai loạt phản ứng của tâm thức đưa đến phiền não khổ đau cùng có chung gốc rễ là vô minh hay si mê. Xem Tiểu kinh *Sư tử hống, Trung bộ*.
10. Kinh *Pháp cú*, kệ số 35.
11. Kinh *Pháp cú*, kệ số 34.
12. Kinh *Giáo giới Punna, Trung bộ*.
13. Kinh *Nakulapità, Tương ưng bộ*.



# Chuyển lại nguồn Cội

NGUYỄN THẾ DĂNG

**C**on đường Phật giáo nói chung, và kinh *Lăng-già* nói riêng, là phá trừ xua tan những vọng tưởng hư vọng, nói tổng quát là vô minh, để nhìn ra sự thật của tất cả mọi sự (thật tướng của tất cả các pháp).

Con đường ấy là ba tự tánh và năm pháp.

*Đại Huệ! Đại Bồ-tát nên khéo biết ba tướng tự tánh; đó là tự tánh vọng kể, tự tánh duyên khởi, và tự tánh viên thành.*

*Đại Huệ! Tự tánh vọng kể là từ tướng mà sanh. Sao là từ tướng mà sanh? Đó là y nơi sự tướng duyên khởi mà hiển hiện các chủng loại, sanh suy nghĩ chấp trước. Suy nghĩ chấp trước sự tướng ấy có hai thứ vọng kể sanh, đó là điều chư Như Lai diễn nói: là tướng suy nghĩ chấp trước danh tướng và tướng suy nghĩ chấp trước sự tướng.*

*Đại Huệ! Tướng suy nghĩ chấp trước sự là suy nghĩ chấp trước các pháp trong và ngoài. Tướng suy nghĩ chấp trước tướng là ở trong các pháp trong và ngoài ấy suy nghĩ chấp trước tự tướng cộng tướng. Đó là hai tướng tự tánh vọng kể.*

*Đại Huệ! Y theo nhân và duyên mà khởi, đó là tự tánh duyên khởi.*

*Sao là tự tánh viên thành? Đó là Chân như của tự chứng thánh trí, lia tất cả phân biệt danh tướng sự tướng.*  
*Đại Huệ! Đây là tự tánh viên thành Như Lai tạng tâm.*

Hành giả sẽ vượt qua thế giới vọng tưởng phân biệt hư vọng của tự tánh vọng kể, vượt qua thế giới sanh

diệt của tự tánh duyên khởi cũng do phân biệt vi tế mà thành, để trở lại thực tại “Chân như, tự tánh viên thành Như Lai tạng tâm” chẳng sanh chẳng diệt.

Kinh nói về năm pháp như sau:

*Đại Huệ! Năm pháp là tướng, danh, phân biệt, Chánh trí, Như như. Tướng là thấy hình trạng của sắc, thanh... mỗi mỗi khác nhau. Y nói các tướng kia mà lập ra danh như cái bình, cái đó là như vậy, không khác, đó gọi là danh. Đặt ra các danh để hiển thị các tướng tâm và tâm sở, đó gọi là phân biệt. Danh kia tướng kia rốt ráo không có gì, chỉ là vọng tâm đắp đổi phân biệt. Quán sát như vậy cho đến cái biết (phân biệt) diệt mất, đó gọi là Như như.*

*Đại Huệ! Tướng Như như là chân thật quyết định, căn bản, rốt ráo, tự tánh có thể đắc. Ta cùng chư Phật tùy thuận chứng nhập, như thật tướng ấy mà khai thị diễn nói. Nếu có thể tùy thuận hiểu ngộ, lia đoạn lia thường, chẳng sanh phân biệt, nhập vào tự chứng, ra khỏi cảnh giới ngoại đạo và nhị thừa, đó gọi là Chánh trí.*

*Đại Huệ! Năm pháp, ba tự tánh, tám thức và hai vô ngã, tất cả Phật pháp đều gồm hết trong ấy.*

Kinh giảng rõ về sự tương đương của năm pháp và ba tự tánh:

*Đại Huệ! Ba tự tánh, tám thức, hai vô ngã đều vào trong năm pháp. Trong đó danh và tướng là tánh vọng kể, vì y vào tánh duyên khởi mà phân biệt tâm, tâm sở,*



đồng thời khởi lên với danh tướng. Tánh duyên khởi là như mặt trời cùng với ánh sáng. Chánh trí, Như như thì chẳng thể hoại, đó là tánh viên thành thật.

Đại Huệ! Khi sanh chấp trước với những cái do tự tâm hiện, có tám thứ thức phân biệt khởi lên. Các tướng sai biệt ấy đều không thật, chỉ là tánh vọng kể. Nếu có thể lia bỏ hai thứ ngã chấp và pháp chấp thì trí hai vô ngã tức thời sanh trường.

Đại Huệ! Thanh văn, Duyên giác, Bồ-tát, Như Lai, các địa thứ lớp của tự chứng thánh trí, tất cả Phật pháp đều gồm trong năm pháp này”.

Với ba tự tánh và năm pháp, chúng ta thấy con đường giải thoát giác ngộ là đi từ mê lầm đến chân thật, từ phân biệt so tính hư vọng đến tự tánh viên thành Chân như, từ danh tướng hư giả đến Chánh trí chứng ngộ Như như. Chân như, hay Như như, hay “chân tướng của tạng thức” hay “tạng thức Như Lai tạng” thì “không diệt, vốn vô sai biệt, bản tánh thanh tịnh”:

“Chân tướng của tạng thức không diệt, chỉ nghiệp tướng diệt”.

“Thức A-lại-da vốn là tướng vô sai biệt”.

“Tạng thức Như Lai tạng bản tánh thanh tịnh, chỉ vì khách trần nhiễm ô; Như Lai tạng này là cảnh giới Phật”.

Chân như hay tạng thức Như Lai tạng bản tánh thanh tịnh, không diệt, vốn vô sai biệt, nghĩa là Chân như vốn có sẵn, vốn thanh tịnh mà phân biệt hư vọng, chỉ giả lập tạm thời trên đó mà thôi. Chân như vốn có sẵn thì trí hay Chánh trí cũng có sẵn ví nó chẳng sanh diệt: “sanh diệt là thức, chẳng sanh diệt là trí”. Thức hay sự phân biệt hư vọng là cái sanh diệt trên cái chẳng sanh diệt là trí.

Chân như hay Như Lai tạng hay Chánh trí là nền tảng chẳng sanh diệt của thức sanh diệt và sản phẩm của thức là tất cả ba cõi sanh tử sanh diệt. Như thế con đường đi từ cái sanh diệt đến cái chẳng sanh diệt luôn luôn nằm trên nền tảng chẳng sanh diệt vốn có sẵn. Nói cụ thể, hành giả dù có làm gì, dù có tu pháp môn nào cũng luôn luôn ở trên và ở trong nền tảng Chân như Chánh trí chẳng sanh chẳng diệt, luôn luôn ở trên và ở trong “Như Lai tạng là cảnh giới Phật”.

Đến đây chúng ta có thể thắc mắc, các bậc thánh có thấy và có sống với danh tướng không? Hẳn là có vì các vị không lầm lẫn một cái cây với một ghe đá, một dòng sông với một ngọn núi, và các vị vẫn thuyết pháp. Nhưng có lẽ chúng ta cần hiểu thế giới danh tướng của các vị vượt khỏi “hữu vô, thường đoạn...” như kinh nói. Danh tướng của các vị không còn nằm trong phân biệt vọng tưởng; không nằm trong thái độ lấy bỏ; không nằm trong các phiền não tham, sân, si...

Các bậc thánh vẫn thấy sự vật là “duy tâm tạo”, nhưng tâm các vị là thanh tịnh nên các sự vật duy tâm tạo này cũng là thanh tịnh. Chính cái tâm như gương sáng, cái tâm đã trở lại nguồn thanh tịnh của nó khiến các vị có cái thấy vượt khỏi suy tưởng của chúng ta:

“Thí như tấm gương sáng không có phân biệt, tuy thuận các duyên mà hiện các hình bóng, đó chẳng phải là hình cũng chẳng không phải hình. Nhưng người bình thường thì thấy ra hình và chẳng phải hình, phân biệt mà tạo ra cái tướng hình... Thí như ở chỗ đất không có cỏ cây, ánh sáng mặt trời chiếu tạo ra những sóng nắng như nước chuyển động, chúng chẳng phải có chẳng phải không, vì là tướng điền đảo, sai lầm. Người thường mê muội cũng lại như vậy, tập khí xấu huân tập từ vô thủy, trong pháp tánh thánh trí tự chứng lại thấy có sanh trụ diệt, một khác, có không, cùng chung chẳng cùng chung... Thế nên, Đại Huệ! Hãy nên trong pháp thánh trí tự chứng, xa lìa tất cả phân biệt, sanh trụ diệt, một khác, có không, cùng chung chẳng cùng chung...”

Cái thấy này là cái thấy của Chánh trí Như như. Trong cái thấy này, chân lý tương đối và chân lý tuyệt đối đều một vị, một vị “chẳng sanh”:

Chân như, Không, Thật tế,  
Niết-bàn cùng vũ trụ  
Tất cả pháp chẳng sanh  
Là tướng đệ nhất nghĩa.

Phân biệt vọng tưởng luôn luôn sanh trên nền tảng Chánh trí Như như, như sóng luôn luôn sanh khởi từ đại dương và lại tan vào đại dương. Chính vì như vậy mà có sự chuyển thức thành trí, chuyển các thức trở lại nguồn của chúng, có sự giải thoát cho các thức. Thức sanh diệt phân biệt chuyển lại thành trí chẳng sanh diệt vô phân biệt: thức A-lại-da chuyển lại thành Đại viên cảnh trí; thức Mạt-na chấp ngã chuyển lại thành Bình đẳng tánh trí; ý thức phân biệt hư vọng chuyển lại thành Diệu quan sát trí; và năm thức giác quan chuyển lại thành Thành sở tác trí.

“Phật dạy: Đại Huệ! Phân biệt không sanh không diệt. Vì sao thế? Vì chẳng khởi tướng phân biệt hữu vô, vì các pháp thấy được ở bên ngoài đều không có, vì rõ duy tự tâm mà có hiện. Chỉ vì người ngu phân biệt tự tâm thấy các pháp, bám trước thấy thấy các tướng. Khiến họ biết những cái được thấy đều là tự tâm, đoạn dứt tất cả kiến chấp ngã, ngã sở, lìa các nhân duyên năng tác sở tác, rõ biết duy tâm, chuyển ý thành lạc, khéo rõ các địa, vào cảnh giới Phật, xả bỏ các kiến phân biệt về năm pháp ba tự tánh. Thế nên ta nói hư vọng là phân biệt chấp trước thấy thấy do tự tâm hiện mà các cảnh giới sanh. Biết rõ như thật tức được giải thoát”.

Trong thực tế thì: “Danh tướng và thức vốn xưa nay không khởi, ta nói pháp ấy gọi là Như như”.

Khi chuyển thức sanh diệt về nguồn trí chẳng sanh chẳng diệt thì cảnh lá chính là cội gốc, sóng chính là nước đại dương:

Khéo thông đạt vọng kể  
Duyên khởi ắt chẳng sanh  
Do thật thấy duyên khởi  
Vọng kể tức Chân như. ■

## Nghĩ quanh khi đọc

# 'Cao Huy Thuần người khuôn đá'

ĐỖ HỒNG NGỌC

Có khi nào nâng một bình trà uống đến giọt cuối cùng tưởng đã cạn sạch rồi nhưng đợi một lúc thì trà lại như tự chảy ra thêm mấy giọt rồi lại thơm thêm vài giọt nữa, càng lúc càng đậm đặc càng ngắt ngày không?

Đọc Cao Huy Thuần cũng vậy đó. Cứ tưởng anh nói lung tung đầu ngô mình sờ đến lúc nghĩ lại mới giật mình. Cho nên đọc Cao Huy Thuần phải chậm rãi, phải 'cảnh giác' coi anh có giấu giếm cái gì trong mỗi chữ mỗi câu đó không?

Tôi đọc *Người Khuôn Đá* của anh với một thứ cảnh giác cao độ như thế. Cái ông Giáo sư đại học kiêm "thầy giáo làng" này tính cái gì đây với Người Khuôn Đá nhỉ? Ai khuôn, khuôn đi đâu, khuôn để làm gì? Dã tràng xe cát biển đông/ Nhọc lòng mà chẳng nên công cán gì ư? Sao biết? Chỉ có dã tràng mới biết. Cũng như chỉ có Phật với Phật mới biết nhau, không cần phải nói ra lời. Ông Bồ-tát Duy-ma-cật làm thình, tưởng bí, mà Văn-thù vỗ tay ca ngợi hết lời. Cái sự làm thình đó mới đáng sợ. Dã tràng có nói gì đâu. Thiên hà ngôn tai. Ai biết Dã tràng kia đã làm cái trò gì, xe cát hẳn phải có lý do gì đó, cũng như con bọ hung kia hùng hục chui vào đồng phân trâu bò vo tròn từng cục lớn cục nhỏ, hì hục lăn về ổ là để chuẩn bị thức ăn cho vợ đẻ con đó thôi. Nó vậy là nó vậy. Cứ hỏi Như Lai thì biết.

Tự xưng một ông giáo hơn 80 tuổi đầu, bỗng cao hứng nói về tình yêu, về hạnh phúc, về cái chết về lẽ sống... và về Phật pháp chẳng đáng đọc sao?

Và ông "nói" gì về Tình yêu? Ông khẳng định *tình yêu là tương quan*: cái này sinh thì cái kia sinh. "Đó là bước đầu. Bước thứ hai: hãy mất cái 'tôi' đi, vì 'tôi' đã nằm trong tương quan" (tr.48). Ý ông muốn nói duyên sinh, nói vô ngã đó thôi. Dĩ nhiên rồi. Tình yêu mà đến cao trào thì đâu còn cái ngã nào nữa! *Thấy kệ thiên đường và địa ngục/ Không hề mặc cả họ yêu nhau*. Ghê chưa? Ấy là Cao Huy Thuần trích Huy Cận.

"Ôi vui! Ôi hạnh phúc! Ôi ngắt ngày! Trong một phút, trong một giây, ta quên ta, tôi quên tôi, tôi ra khỏi tôi, tôi mất tôi...". Ai vậy? Cao Huy Thuần đó. Nhưng, nói

vậy mà không phải vậy. Ông đang nói về trạng thái vô ngã, niết-bàn tịch diệt.

Tĩnh lại, ông can: Đâu hề có một tình yêu sung sướng!  
*Có tình yêu nào mà không đau khổ*  
*Có tình yêu nào mà chẳng xót xa*

Thì ra vậy. Ông dẫn bằng một bài thơ của Aragon. "*Il n'y a pas d'amour hereux*" (tr.49).

Rồi ông mượn cả Platon, Aristote, Spinoza... Rồi kết: tình yêu cần phải "thiếu" mới hạnh phúc. Hèn chi mà Mỹ nói: I miss you nghĩa là I love you! "*Phải nhìn thấy cái khổ của thiếu để biết hạnh phúc của cái đủ*" (tr.54). Thì ra "khổ, tập, diệt, đạo" đó mà!

Ông nói về cái chết. *Khi chết đến* (tr.70): "... chỉ ở đây thôi. Sẵn sàng gặp bất cứ cái gì kế tiếp, không mong chờ, không thiên kiến, không định kiến. Chỉ hỏi: cái gì đây? Cái gì đây? Kỳ lạ thế?". "Tôi nhìn mọi vật và thời gian chẳng qua chỉ là một ý nghĩ". Phải, một niệm.

Cao Huy Thuần đọc thơ cả với Freud (tr.76). Hình như ông ráng moi bên dưới tiềm thức của Freud còn có cái gì khác nữa không? Có đó. A-lại-da-thức hay Tầng thức đó. Chỉ cần A-lại-da thức chuyển thành Đại viên cảnh trí hay Nhất thiết chủng trí thì xong... Mạt-na thức lúc đó đã chuyển thành Bình đẳng tánh trí, không cần phải dẫn đo, toan tính, phân biệt chi nữa!

Nhưng trước hết, có lẽ nên nghiền ngẫm thử cái bìa sách. Ông vẽ một con bướm phất phới cánh bay, và viết cùng một font, một size: *cao huy thuận người khuôn đá*. Rõ ràng ông cố ý nói Cao Huy Thuần vốn là một người khuôn đá... suốt cả đời! Khuôn để làm gì vậy anh Cao? Thì ra để tìm hạnh phúc. Như *Sisyphé hạnh phúc* (tr.342), từ *Le Mythe de Sisyphé* của Camus. Không phải bỗng dung ông nhớ Camus đâu. Câu hỏi đó ông hỏi hồi còn trẻ, còn say sưa với "hiện sinh" của Sartre, của Camus lặn. Nhưng bây giờ "lúc xế chiều, câu hỏi về ý nghĩa của cuộc đời thường lảng vảng trong đầu". Khuôn đá lên rồi khuôn đá xuống, cứ mãi vậy cho đến chết, có phi lý không cơ chứ? Rồi Camus nói "phải tưởng tượng Sisyphé sung sướng" (tr.343). Tại sao lại



phải tưởng tượng? Chắc chắn là sung sướng quá rồi đó chứ, chẳng qua vì không “thấy biết” (tri kiến) đó thôi: “Thanh tịnh bản nhiên/ Tùy chúng sanh tâm/ Chu biến pháp giới/ Tùng nghiệp phát hiện” mà. Mặc mớ gì ông Camus phải thắc mắc nọ kia.

“Sisyphé là thân phận của chúng ta: Chính chúng ta vác trên vai gánh nặng của cuộc đời, lên núi, xuống núi, lặp đi lặp lại ngày này qua ngày khác, xuân nọ đến xuân kia, rồi chết” (tr.345). Camus viết: “Cứ khinh bỉ nó, số phận nào cũng thua”. Sisyphé khinh bỉ cái số phận của anh ta. Và chiến thắng. Nếu anh ta biết nghiệp báo, luân hồi, duyên khởi, vô thường, vô ngã... thì mọi chuyện đã khác mà không cần phải “khinh bỉ cái số phận” để thấy mình “chiến thắng” kiểu AQ.

Nhưng bởi Cao Huy Thuần không phải là Camus. Anh là một người học Phật, một người hành thiền. Anh

biết Vô minh, anh biết Ái, Thủ, Hữu... tại sao, thế nào, nên anh... thoát: “Tôi không đối kháng tôi với cuộc đời. Tôi không vướng bận gì với Thượng đế như Camus” ông nói. “Không còn ý thức về vô lý nữa mà ý thức về vô thường” (tr.355). Và ý thức về vô thường cũng có nghĩa là ý thức về vô ngã. Niết-bàn ở đó. Sisyphé cứ khuôn đá, vừa đi vừa thờ vào thì biết mình thờ vào, thờ ra thì biết mình thờ ra. Một người thiền hành. Một khi “Sisyphé cứ bước như một người thiền hành” (tr.355) thì Sisyphé hết cầu nài, Sisyphé trở nên tếu. Cười chứ. “Để lại thiền thu hình dáng nụ cười” (Trịnh Công Sơn) mà! Nụ cười này không phải giả bộ cười, ráng cười, gượng cười, mà là cái cười từ trong từng tế bào cơ thể! Bây giờ nhiều tượng Phật ráng cười, toe toét cười đầy giả tạo... Không phải vậy đâu. Cái cười đó phải từ bên trong. Từ trong Từ bi hỷ xả. Từ trong ở đây và bây giờ. Từ trong hạnh phúc, an lạc.

Và đến một lúc, con nhộng hóa bướm. Lúc nhộng nằm trong kén, thì cứ nhả tơ đi.

Rồi khi nhộng hóa bướm thì cứ nhờn nhơ bay lượn cùng trời xanh nắng ấm đi.

Cho nên “cao huy thuần người khuôn đá” bỗng bay lượn như cánh bướm. Ấy là lý do cái bìa bí hiểm của anh.

Trong “Khoảnh khắc và vô tận” (tr.117) ông dẫn Nietzsche: “Tình yêu không muốn một quãng thời gian, nó muốn khoảnh khắc và vô tận”. Và đây là một câu rất hay của Cao Huy Thuần, một câu như thơ: “Tôi thấy vô tận trong khoảnh khắc muốn khóc ấy”. Có không một khoảnh khắc muốn khóc ấy? Có đó. Nó chính là một sát-na của Phật. Nơi không có thời gian lẫn không gian. Một sát-na là một khoảnh khắc? Hay là vô tận? Hay vừa khoảnh khắc vừa vô tận. Phải ‘sống’ trong sát-na đó thì mới biết.

Như đã nói, tôi rất “cảnh giác” khi đọc Cao Huy Thuần. Chắc chắn không phải tình cờ mà anh đưa bài Bế xưa (tr.14) làm bài mở đầu cho tập sách này và để kết thúc với bài “Sisyphé hạnh phúc” (tr.342) sau khi vác đá lên đồi xuống đồi suốt cả một đời người. Hóa ra có một đường dây. Đường dây nối từ quá khứ đến hiện tại đến tương lai của một kiếp người. ■





Giới thiệu sách  
của Hoà thượng Thích Trung Hậu

# Thánh nữ Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc

CAO HUY THUẬN

LTS: Hòa thượng Tổng Biên tập Tạp chí VHPG vừa cho xuất bản tập sách “Thánh nữ Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc” trong loạt sách viết về các vị Đại đệ tử của Đức Phật. Chúng tôi xin đăng ở đây Lời giới thiệu của Giáo sư Cao Huy Thuận.

Uppalavanna, cùng với Khema, là hai Đại đệ tử đứng đầu của Phật về phía Ni, giống như Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên là hai Đại đệ tử đứng đầu về phía Tăng. Khema đứng đầu về trí tuệ. Uppalavanna đứng đầu về thần thông. Cả hai đều được Phật ngợi khen về tài lãnh đạo và giáo huấn xuất chúng. Cả hai đều được Phật tán thưởng như tấm gương sáng để Ni đoàn soi chung. Trong kinh văn Pali, đó là tất cả những gì được ghi trong hai bộ *Samyutta Nikaya* và *Anguttara Nikaya*.

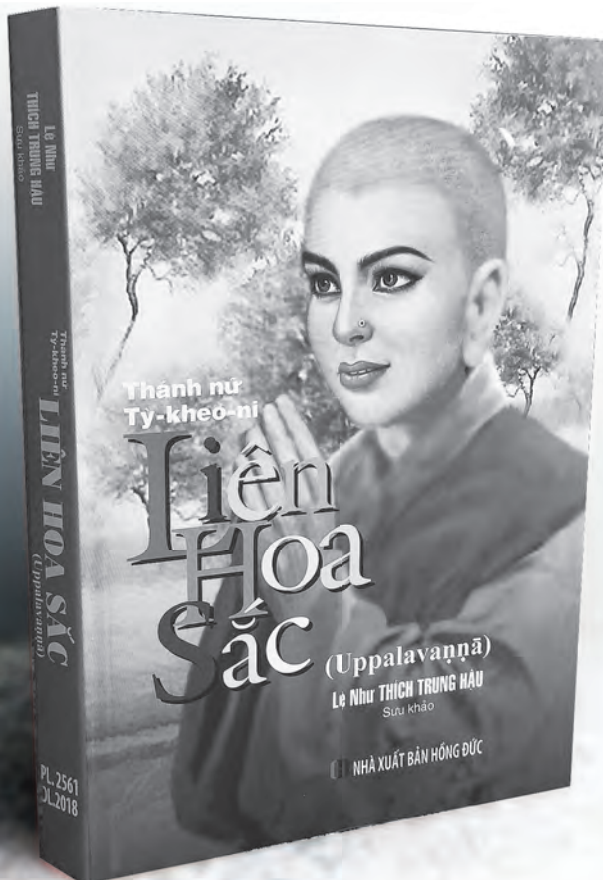
Bởi vậy trong tập sách này của Hoà thượng Thích Trung Hậu, người đọc sẽ không thấy gì khác về kinh nguyên thủy ngoài hai đoạn ngắn trích dẫn *Tương ưng bộ kinh* (*Samyutta*) và *Tăng chi bộ kinh* (*Anguttara*). Tất cả các trích dẫn khác đều lấy từ tích truyện.

Kinh thì ít, nhưng tích truyện lại nhiều. Tên của Uppalavanna xuất hiện trong đó nhiều hơn tất cả các vị Ni khác, nhiều đến nỗi một học giả có uy tín nhất về Ni đoàn trong thời Phật, bà Rhys Davids, bảo phải coi chừng kẻo lầm Uppalavanna này với Uppalavanna khác cùng tên, chẳng hạn như có hai phụ nữ cùng tên mà bà nhận thấy trong bộ Luật *Vinaya*. Các chuyện tiền thân, kể cả tiền thân trăm ngàn kiếp về trước, từ khi Uppalavanna được gần gũi các Đức Phật trong quá khứ cho đến khi được báo trước sẽ gặp và đã gặp Đức Phật hiện tại của chúng ta, các chuyện ấy quá phong phú, phản ánh lòng sùng kính đặc biệt của dân gian qua bao nhiêu thế kỷ trong các nước Phật giáo Nguyên thủy.

Với lòng sùng kính ấy, tôi chỉ biết góp thêm hai nhận xét về các tích truyện trong sách này.

Nhận xét thứ nhất liên quan đến thần thông của Uppalavanna. Tích truyện chép: “Uppalavanna dùng thần thông chuyển thành Chuyển luân vương rồi sau đó hiện nguyên hình để đón Đức Phật từ cõi trời trở về giảng pháp tại rừng cây Ưu đàm”.

Uppalavanna hiện ra như một Chuyển luân vương! Nghĩa là dưới thân nam tử! Từ nữ, Thánh Ni này biến ra nam, rồi từ nam hiện nguyên hình thành nữ. Như vậy, giữa nữ với nam đâu có biên giới cách biệt? Giữa nữ và nam đâu có gì khác nhau? Bình đẳng từ trong bản chất! Vậy là, từ nguyên thủy, một nguyên tắc cốt lõi của đạo Phật về bình đẳng giới tính trong bản chất được xác nhận. Các học giả Tây phương đặc biệt nêu lên điểm này của tích truyện. Mà trong Đại thừa, cũng thế thôi. Ai đọc tích truyện này mà không liên tưởng đến





một trang đầy trào lộng trong kinh *Duy-ma*? Một thiên nữ dùng thần lực biến ngài Xá-lợi-phất thành thiên nữ, còn thiên nữ thì tự biến mình thành Xá-lợi-phất. Rồi hỏi: “Ngài không phải nữ nhân mà biến thể nữ thân, thì mọi nữ nhân cũng vậy, biến thể nữ thân mà không phải nữ nhân”. Và cắt nghĩa: “Do vậy mà Phật đã nói các pháp phi nam phi nữ”. Dứt lời “thiên nữ tức thời thu lại thần lực, thân Tôn giả Xá-lợi-phất trở lại như cũ”. Nào có khác gì thân của Uppalavanna cũng trở lại như cũ?

Nhận xét thứ hai đúng hơn là một thắc mắc của người phạm về thần thông. Tích truyện kể: Ban đêm ngủ trong rừng, Uppalavanna, khi đó đã là một A-la-hán, bị một chàng anh họ cuồng si cưỡng hiếp. Người phạm là chúng ta có thể tự hỏi: thần thông của Uppalavanna để ở đâu? Chúng ta cũng đã tự hỏi như vậy khi ngài Mục-kiền-liên, thần thông đệ nhất, bị bọn cướp sát hại. Nhưng trường hợp ngài Mục-kiền-liên có chỗ khác: thần thông của ngài không thắng được nghiệp, nghiệp là tối thắng. Ở đây, nghiệp nhân tiền cũng xảy ra (kẻ cuồng si bị đoạ ngay địa ngục) nhưng đó là nghiệp của phạm nhân, không phải của nạn nhân. Câu hỏi, vì vậy, là: tại sao Uppalavanna không dùng thần thông? Cũng lạ, các vị Tăng không hỏi như chúng ta mà thắc mắc về chuyện khác: “Uppalavanna có phạm lỗi không?” Họ hỏi Phật như vậy, và Phật đã trả lời: Không. Vì sao? Vì A-la-hán không còn vương chút bụi nào của nhục dục.

Nguyên văn Phật nói:

*Như nước dơ không thể thấm vào lá sen,  
Như hạt cải không thể đứng vững trên mũi kim,  
Ngũ dục không thể còn trong thân tâm bậc A-la-hán.*

A-la-hán nào cũng vậy, không cứ là nữ hay nam. Tôi muốn học và hiểu thần thông như một người phạm qua câu trả lời ấy của Đức Thế Tôn: A-la-hán là bậc đã sạch trơn về tâm ý.

Với tâm ý sạch trơn về nhục dục thì cái chuyện nhục dục đâu còn để lại gì dấu vết? Dấu vết đã không có thì ngay cái chuyện cưỡng hiếp có nữa hay không? Đâu cần phải vận dụng thần thông để trị một cái không có gì cả? Sống trong thời đại khoa học, thật khó cho ta tưởng tượng ra thần thông. Nhưng, với suy nghĩ phạm phu của tôi, không có thần thông nào cao hơn trạng thái sạch trơn tâm ý. Đó là thần thông của A-la-hán. Đó là thần thông của Uppalavanna. Thần thông ấy, Thánh Ni này nói ra trong bài kệ mà tôi chép lại theo sách này:

*Với tâm khéo nhiếp phục,  
Thần túc khéo tu trì,  
Sáu thắng trí, ta chứng,  
Lời Phật dạy, làm xong.  
Các dục giống gương giáo,  
Chém nát các uẩn ta,  
Những dục mà người gọi,  
Là lạc thú cuộc đời,*

*Ngày nay, dục lạc ấy,  
Với ta, không hấp dẫn.*

Toàn bài kệ có đăng lại trong sách này. Nhưng một điều lạ là không có chỗ nào nói đến cưỡng hiếp, tuy trong đó Uppalavanna kể lại đời mình ngay từ đoạn đầu. Điều đó đã khiến một học giả phân tích các văn bản Pali để nghi ngờ rằng có chắc là Uppalavanna hay là ai khác?<sup>1</sup>. Tôi không dám có ý kiến về nghi ngờ đó, chỉ muốn nhấn mạnh rằng ai đọc *Trường lão Ni kệ* đều thấy rạn vỡ thần thông của các Thánh Ni trong đó. Tôi xin đọc thêm một bài kệ nữa của một Thánh Ni khác để học và hiểu thế nào là sạch trơn tâm ý, thế nào là một hạt cải không thể đậu lại trên một mũi kim. Đây là một đoạn trong bài kệ rất dài của Thánh Ni Subha trả lời quyến rũ của Ác ma hiện ra dưới hình dung một chàng thanh niên.

Chàng thanh niên ca tụng nhan sắc của Subha, nhất là con mắt:

*Chính mắt như sơn dương,  
Như Kinri giữa rừng,  
Ta thấy con mắt nàng,  
Dục lạc liền tăng trưởng.  
Trong gương mặt không uế,  
Sáng chói như vàng ròng,  
Chẳng khác gì hoa sen,  
Đặt chính giữa đài sen,  
Thấy con mắt của nàng,  
Lòng dục liền tăng trưởng.  
Tuy xa ta vẫn nhớ,  
Lông mi dài tuyệt đẹp,  
Không gì ta yêu hơn,  
Mắt Kinri của nàng.*

Shuaba trả lời:

*Ta là đệ tử Ni,  
Của bậc Đại Thiện Thế,  
Ta đã dẫn thân bước  
Trên đường đạo tám ngàn,  
Mũi tên đã nhổ lên  
Không còn các lậu hoặc,  
Ta đi đến nhà trống,  
Tâm tư ta hoan hỷ.  
Rồi nàng làm gì?  
Thiếu nữ tuyệt đẹp ấy,  
Với tâm không chấp trước,  
Bóc một con mắt nàng,  
Trao liền cho người ấy,  
Và nói hãy cầm lấy,  
Con mắt này của người.*

Và nàng đến gặp Đức Phật. Ngay khi thấy Đức Phật, mắt nàng trở lại như xưa.

Thế là chẳng phải là thần thông hay sao? ■

1. *The Amazing Transformations of Arahant Theri Uppalavanna. Tathaaloka Theri. Đọc trên mạng.*



# Tìm hiểu thêm về "Hải ngoại ký sự"

TÔN THẮT THỌ

**H**ải ngoại ký sự (HNKS) là tập ký sự của nhà sư Thích Đại Sán (1633-1704) đời nhà Thanh (Trung Quốc) biên soạn.

Năm Giáp Tuất (1694) theo lời mời của chúa Nguyễn, ông đã đến Đàng Trong để hoàng dương Phật pháp. Đi qua nhiều nơi, tận mắt thấy được hình thế sơn xuyên, phong thổ tập tục ở xứ Thuận Quảng nên khi về nước ông đã ghi chép lại, xen lẫn nội dung là thư từ và thơ văn tao nhã qua lại thể hiện các cuộc trao đổi liên quan đến đạo học, văn học với những bậc vương công và sĩ phu xứ Đàng Trong thời bấy giờ.

Sáu quyển của tập sách có những yếu mục như sau:

**Quyển 1:** Thư của Hào Đức hầu;

**Quyển 2:** Lại thư của Hào Đức hầu và thơ văn của Đại Sán đưa tặng;

**Quyển 3:** Bài văn của Đại Sán viết cho Hào Đức hầu - Văn của Đại Sán viết cho Quốc cứu Tả Thái úy - Thư của Đại Sán viết cho công chúa.

**Quyển 4:** Văn tạ ơn Minh vương ủy vấn - Văn của Đại Sán - Văn của Đại Sán viết cho văn chức Thế Nam - Thư của Đại Sán viết cho vương huynh Lệ Tuyển hầu - Đại Sán nghe tin Chương Thanh Nguyễn công Tả Xu mật qua đời, viết thư cho năm vị công tử và làm thơ ai vãn.

**Quyển 5:** Thư Đại Sán gửi cho Phò mã Hữu đồn dinh tức Xu mật Phò mã Nguyễn công. Thư hồi đáp Đông Triều hầu. Thư mừng nhệ Quốc cứu Tổng công thăng chức Tả Thừa tướng. Phúc đáp thư Đãng Long hầu.

**Quyển 6:** Thư gửi Đại Việt quốc Hữu Thừa tướng Tổng công.

Ban đầu, lúc mới đặt chân lên đất Quảng Nam, ông đã quan sát về phong cảnh nơi đây và ghi lại trong quyển 1:

*"Hai bờ lúa ruộng xanh xanh chờ trở bông, hỏi thăm, nghe nói ruộng không bỏ phân, một năm làm đến ba mùa cũng khá tốt. Rừng cây trông hút mắt. Nơi làng xóm ở, nhà tranh phen trúc ngang dọc như bàn cờ. Giống cây trồng có tre, mít, dừa, cau; hoa thì có thạch lựu, đình hương, mộc lan, hoa nhài... vì khí nóng nên mùi hương nức bay thấu ngoài dậu, chỉ không thấy có đào, lý, mai mà thôi. Thổ tục dân phong rõ ràng mới lạ"*

(HNKS, sđd, tr.32)

Ông cũng ghi chép về tình hình buôn bán ở Hội An thời bấy giờ, qua đó ta thấy nơi đây đã sớm hình thành một phố thị khá sầm uất của xứ Đàng Trong:

*"Hội An là nơi có bến tàu tập hợp hàng hóa ngoại quốc, một con đường lớn thẳng bờ sông dài chừng 3, 4 dặm, hai bên đường phố xá ở khít rịt liền nhau, cuối đường là Nhật Bản kiều và Cẩm phố, bên kia sông là Trà Nhiều, nơi đình bạc của các thương thuyền ngoại quốc. Nhon dân trù mật, cá tôm rau quả bán tấp nập tối ngày. Hóa vật thuốc men, những món hàng ở Thuận Hóa mua không ra, người ta đều vào đây mua cả. Đại ước Hội An đông-nam-bắc ba mặt gần bể, chỉ có mặt tây có một con đường núi non liên tiếp giao thông với Tây Việt và Đông Kinh (tức Thăng Long-TTT chú). Bởi thế, cách phía tây chừng 10 dặm có đặt nha Trấn Thổ giống như vương phủ, để phòng ngự biên cương..."*

(HNKS, sđd, tr.268)

Đáng chú ý hơn cả là các ghi nhận của ông về quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa ở biển Đông. Trong ký sự, ông cho biết: Chúa Nguyễn đã từng sai thuyền khai thác các sản vật từ các tàu bị đắm ở quần đảo mà ông gọi là Vạn Lý Trường Sa:

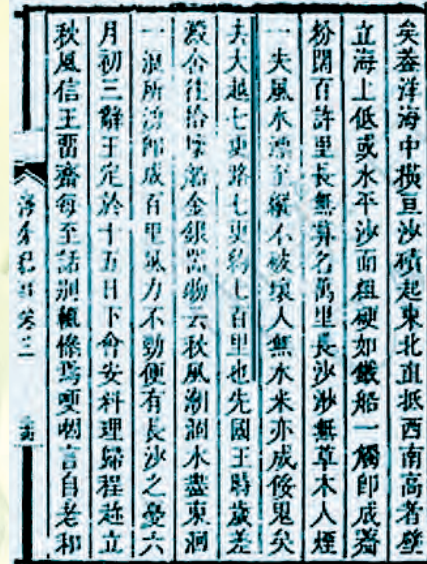
*"Khách có người bảo, mùa gió xuôi trở về Quảng Đông chừng vào độ nửa tháng trước sau tiết Lập thu, chừng đó, gió Tây nam thổi mạnh, chạy một làn gió xuôi chừng bốn năm ngày đêm có thể đến Hồ Môn. Nếu chờ đến sau mùa nắng, gió bắc dần dần thổi lên, nước chảy về hướng Đông, lúc ấy sẽ khó giữ được ổn tiện vậy. Bởi vì có những cồn cát nằm thẳng bờ biển, chạy dài từ Đông bắc qua Tây nam; động cao dựng đứng như vách tường, bãi thấp cũng ngang mặt biển; mặt cát khô rắn như sắt, rũi thuyền chạm phải ắt tan tành. Bãi cát rộng cả trăm dặm, chiều dài thăm thẳm chẳng biết bao nhiêu mà kể, gọi là "vạn lý trường sa", mù tít chẳng thấy cỏ cây nhà cửa; nếu thuyền bị trái gió trái nước tắt vào, dầu không tan nát, cũng không gạo không nước, trở thành ma đó mà thôi."*

Quãng ấy cách nước Đại Việt bảy ngày đường, chừng **bảy trăm dặm**. Thời quốc vương trước, hằng năm sai thuyền đánh cá đi dọc theo bãi cát, lượm vàng bạc khí cụ của các thuyền hư tấp vào. Mùa thu nước dòng cạn, chảy rút về hướng đông, bị một ngọn sóng đưa đi, thuyền có thể trôi xa cả trăm dặm; sức gió chẳng mạnh, sợ có hiểm họa trường sa..."

(HNKS, tr.125)

Về đoạn dịch liên quan đến vị trí quần đảo Hoàng Sa nói trên, nhà nghiên cứu Phạm Hoàng Quân trong quá trình nghiên cứu *Hải ngoại ký sự* cho rằng, **đã có lỗi** khi dịch đoạn này sang tiếng Việt, theo đó nguyên văn trong văn bản chép là: *"Khứ Đại Việt thất canh lộ, thất*





canh ước thất bách lý dã" (xem bản chụp). "Thất canh lộ" đã được bản tiếng Việt dịch là "bảy ngày đường".

Theo ông Phạm Hoàng Quân, đây là cách dịch **không được chính xác**. Mặc dù trong các từ điển, tự thư, "canh" thường được hiểu là chỉ khoảng thời gian chia ra vào buổi đêm, thế nhưng "canh" ở đây là chỉ quãng đường, khoảng cách chiều dài. Chính vì "canh" là đơn vị độ dài quãng đường nên sư Đại Sán đã giải thích cặn kẽ: "thất canh ước thất bách lý", có nghĩa là bảy canh bằng khoảng 700 lý (dặm).

Như vậy *Hải ngoại kỷ sự* **không** hề cho rằng thời gian đi thuyền tới Vạn Lý Trường Sa là *bảy ngày* như bấy lâu nay nhiều người vẫn nghĩ. *Hải ngoại kỷ sự* chỉ nói khoảng cách giữa Vạn Lý Trường Sa đến bờ biển Việt Nam là *7 canh hay khoảng 700 dặm*. Điều này không hề mâu thuẫn với thời gian 3 ngày, 3 đêm được chép trong các thư tịch khác của Việt Nam như *Phủ biên tạp lục*, *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Đại Nam thực lục tiền biên*. Phải nói rằng khoảng cách 700 dặm này là *khá chính xác* so với địa lý ngày nay vì 1 dặm bằng 500m, nên 700 dặm là 350km, rất khớp với vị trí Hoàng Sa hiện nay. Như vậy chỉ một cách dịch không được chính xác có thể dẫn tới những nghi ngờ không đáng có. Đoạn văn dịch trong *Hải ngoại kỷ sự* cần được chỉnh lý thành: "**Khoảng cách đến Đại Việt là bảy canh đường, bảy canh bằng khoảng 700 dặm.**"

Qua ý kiến xác đáng này, ta thấy vị trí của quần đảo Hoàng Sa ở Biển Đông rất phù hợp với thực tế hiện nay.

Đặc biệt ở quyển 4, nhà sư có đề cập đến một danh tướng của chúa Nguyễn mà theo Giáo sư Trần Kinh Hòa, trong bài khảo cứu in ở cuối sách tin chắc là nói đến *Lễ Thành hầu Nguyễn Hữu Cảnh*. *Hải ngoại kỷ sự* chép: "*Chương Thanh là một vị đại thần rường cột nước Đại Việt, giữ chức Cơ mật, luôn bốn triều vua, lão thành luyện đạt, trung hậu, trầm nghị, có dũng lược hơn người. Trong lúc Chiêm Thành gây hấn, ông phụng mạng cầm quân đánh dẹp, thắng luôn mấy trận, chém tướng, bắt vua Chiêm*

*Thành, mở thêm đất đai cho nước nhà hơn vài nghìn dặm; làm cho quân và quý Hắc man nghe danh ông đều vỡ mặt. Quân ông đi đến đâu, một mây của dân cũng không đụng chạm, nên rất được lòng dân. Sau khi đã ca khúc khải hoàn, bọn chúng đến nay vẫn còn mến đức. Ông có năm con trai đều làm quan tại triều. Quốc vương sắp bổ nhiệm ông làm Trấn thủ Đại tướng quân để coi việc biên phòng. Năm nay ông 63 tuổi, bỗng một hôm không đau mà chết. Quốc vương thương xót sa nước mắt, bỏ cơm không ăn. Gần xa mọi người nghe tin thầy đều đau xót. Từ ngày ta mới đến, cùng nhau qua lại rất thân. Sau ông quy y làm Bồ-tát giới đệ tử. Tin buồn đưa đến, ta rất lấy làm thương tiếc vô cùng, bèn khiến Tự phó sắm lễ nghi đem qua phúng điệu...*"

(HNKS, tr.176)

Trong đoạn cuối của tập 5, nhà sư đã viết: "*Thám thoát hơn một năm, hằng ngày trò chuyện với quốc vương, quân thân, tiếp xúc với tứ phương đại chúng, những điều tai nghe mắt thấy, như chính trị thất-đắc; phong tục tà-chánh; hay sơn xuyên nhân vật, thảo mộc trùng ngư... tuy còn nhiều chỗ chưa trải qua, nhưng biết xa từ gần, cũng đã thấu rõ được đại khái. Bởi lẽ việc bất câu lớn nhỏ, vật chẳng nệ xấu tốt, hề gặp việc quan yếu là chép, gặp vật kỳ dị là ghi, dám đâu tự cho mình là bậc quân tử muốn hành đạo Nam bang, chỉ muốn sao cho phong tục viễn phương được phổ biến kiến văn về Trung Quốc mà thôi vậy*".

(HNKS, tr.267)

Qua những đoạn trích dẫn trên, ta thấy *Hải ngoại kỷ sự* là một sử liệu có giá trị trong giai đoạn thế kỷ XVII, có liên quan đến địa dư, phong tục, nhân vật và thực trạng của xã hội đương thời của xứ Đàng Trong được nhà sư nước ngoài ghi lại. ■

#### Tài liệu tham khảo:

*Hải ngoại kỷ sự*, Thích Đại Sán. Nguyễn Phương và Nguyễn Duy Bật dịch, Viện Đại Học Huế xb năm 1963.



# Một người Việt ở đầu thế kỷ XX là Viện sĩ Viện Hàn lâm nước Pháp

CAO VĂN THỨC

## Viện sĩ Đào Thái Hanh (1871-1916)

Ở Việt Nam vào đầu thế kỷ XX có một người Việt được Viện Hàn lâm của nước Pháp bầu chọn Viện sĩ danh dự. Người đó là ông Đào Thái Hanh. Có thể nói ông là người đầu tiên ở nước ta được bầu làm Viện sĩ Viện Hàn lâm của nước ngoài. Nhưng điều đáng tiếc là trải qua hơn một thế kỷ, những công trình khoa học của ông chưa được biên soạn, ấn hành trở lại nên tên tuổi của ông gần như bị quên lãng theo thời gian.

Ông Đào Thái Hanh sinh ngày 24 tháng 2 năm 1871 tại làng An Tịch, tổng An Hội, huyện An Xuyên, phủ Tân Thành, tỉnh Sa Đéc (nay thuộc xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp) trong một gia đình quan lại, trí thức Nho học. Ông có tên chữ là Gia Hội, về sau lấy tên hiệu là Sa Giang và Mộng Châu. Ông nội là Đào Văn Quế làm quan, được phong Hàn lâm viện Thị độc Học sĩ, cha là Đào Văn Chung được thụ hàm Thái thường tự khanh.

Theo truyền thống gia đình, thuở nhỏ ông học chữ Hán do người cha dạy. Ông đã được trang bị một nền tảng Hán văn khá vững chắc, điều đó giúp ông thuận lợi trong công việc nghiên cứu văn hoá về sau. Nhưng thời bấy giờ Nho học đã suy tàn; người Pháp sau khi chiếm và đặt bộ máy thống trị lên vùng đất Nam Kỳ, đã ra sức xoá bỏ nền giáo dục phong kiến truyền thống và ra sức truyền bá nền giáo dục nước Pháp. Khoa thi Hương cuối cùng ở Nam Kỳ được tổ chức tại An Giang năm 1864, sau đó nền giáo dục Hán học của chế độ phong kiến cáo chung và được thay thế bằng hệ thống trường học do người Pháp xây dựng. Trong bối cảnh đó, để có thể bắt nhịp với thời thế mới, gia đình đã tạo điều kiện để ông theo học chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp tại trường Pháp - Việt vừa được chính quyền thực dân xây dựng tại tỉnh lỵ của tỉnh Sa Đéc. Vốn tư chất thông minh và tinh thần hiếu học, ông đã tiến bộ rất nhanh và dần dần đi đến chỗ tinh thông Pháp văn và Quốc ngữ.

Năm 1889, sau khi ra trường, mới 18 tuổi ông bắt đầu mưu sinh bằng việc giữ chân Chánh thủ bộ cho làng An Tịch, chuyên lo giấy tờ, sổ sách. Sau bốn năm làm thư ký cho làng, năm 1891 ông tham dự và trúng

tuyển trong kỳ thi tuyển công chức của chính quyền thực dân và được bổ nhiệm làm thư ký Sở Thương chánh Sài Gòn. Thời gian sau ông được chuyển xuống các tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau làm Thông sự rồi Thư ký Tòa sứ. Cuối năm 1894, ông được điều ra miền Trung và bổ nhiệm làm Ký lục Tòa sứ tỉnh Bình Định. Từ đó ông được đưa vào ngạch công chức Nam triều.

Con đường công danh của ông khá hanh thông vì ông là có năng lực, nghiêm túc và mẫn tiệp. Năm 1902, ông được chọn làm thông dịch cho vua Thành Thái, năm sau được phong Hàn lâm viện Thị giảng và bổ nhiệm chức tri huyện. Năm 1906, ông được thăng tri phủ Cam Lộ (Quảng Trị), một năm sau được đưa về Huế giữ chức Tham biện Cơ mật viện. Năm 1908, ông được bổ làm Thị lang Bộ Lại, đến năm 1911 thăng Tham tri Bộ Lại...

Là công chức trong bộ máy chính quyền thuộc địa, Đào Thái Hanh đồng thời là một nhà nghiên cứu văn hoá, lịch sử có uy tín đương thời. Trong quá trình làm việc và chuyển qua nhiều địa phương ở Nam Kỳ, Trung Kỳ, ông có điều kiện đi "điền dã", xâm nhập thực tế ghi chép được nhiều nguồn tư liệu ở hầu hết các lĩnh vực như tín ngưỡng, phong tục, nhân vật, truyền thuyết... Nhờ sự cần cù, tỉ mỉ ghi chép tư liệu và bằng kiến thức uyên bác, sự đam mê của mình, ông đã hoàn thành những bài nghiên cứu về lịch sử, văn hoá rất có giá trị. Đặc biệt ở mảng văn hoá dân gian, những bài viết của ông được giới học thuật lúc bấy giờ đánh giá là có những khám phá mới lạ, độc đáo và sâu sắc.

Trong thời gian làm việc ở kinh đô Huế, ông Đào Thái Hanh là một trong những người tham gia sáng lập và là hội viên của Hội "Những người bạn Huế xưa" (Association des Amis du Vieux Hué). Hội này xuất phát từ ý tưởng của một linh mục và học giả người Pháp là Léopold Cadière và được thành lập vào ngày 16 tháng 11 năm 1913. Hội đã cho xuất bản tập san mang tên *Những người bạn cố đô Huế* (*Bulletin des Amis du Vieux Hué*, viết tắt là B.A.V.H) do Léopold Cadière làm Chủ bút (Tổng biên tập), đăng tải những bài nghiên cứu không





chỉ về Huế mà cả triều Nguyễn và xứ An Nam thuộc Pháp trên tất cả các lĩnh vực văn hoá, lịch sử, địa lý, kinh tế...

Theo điều lệ của Hội, các tác giả khi hoàn thành công trình nghiên cứu của mình đều phải tổ chức buổi trình bày trước tập thể thành viên của Hội để các thành viên nhận xét, phản biện, góp ý để tác giả bổ sung, chỉnh sửa cho công trình hoàn thiện hơn, sau đó mới được đăng tải trên tập san *B.A.V.H.* Hầu hết các công trình đăng trên tập san này đều có độ dày hàng trăm trang viết, như một cuốn sách thực thụ hoặc một luận án tiến sĩ chuyên ngành.

Tập san *B.A.V.H.* xuất bản mỗi năm 4 kỳ, bắt đầu từ năm 1914 đến năm 1944 thì đình bản do những biến động về chính trị xã hội thời bấy giờ, hoạt động được hơn 30 năm. Trong thời gian đó, *B.A.V.H.* đã xuất bản tất cả được 121 số. Có thể nói *B.A.V.H.* là tờ tạp chí khoa học ra đời sớm nhất và có uy tín lớn ở Đông Dương trước năm 1945.

Tập san được sự cộng tác của nhiều trí thức, học giả lớn đương thời ở Đông Dương và Pháp như các linh mục Pirey, Chapuis, Morineau, quan Thượng thư Tôn Thất Hân, hoạ sĩ Tôn Thất Sa, các học giả Đào Thái Hanh, Nguyễn Đình Hòe, Đào Duy Anh... Trong đó Đào Thái Hanh và Nguyễn Đình Hòe là hai thành viên tham gia sáng lập và viết bài sớm nhất cho tạp chí từ năm 1914.

Trên tờ *B.A.V.H.* này, ông Đào Thái Hanh đã lần lượt công bố các bài viết của mình như: *Histoire de la déesse Thiên-y-a-na (Chuyện Thánh mẫu Y-a-na)*, *La déesse Liễu Hạnh (Thánh mẫu Liễu Hạnh)*, *Histoire de la déesse Thái Dương phu nhân (Chuyện Thánh mẫu Thái dương phu nhân)*, *Histoire de la déesse Kỳ Thạch phu nhân (Sự tích của nữ thần Kỳ Thạch phu nhân)*v.v... Đặc biệt, ông có một bài khảo cứu về cuộc đời cụ Phan Thanh Giản, một quan đại thần nhà Nguyễn và là danh nhân xứ Nam Kỳ: *Son Excellence Phan Thanh Giản, Ministre de l'Annam (1796 - 1867) (Ngài Phan Thanh Giản – Thượng thư An Nam (1796-1867))*. Qua bài viết, người đọc biết được cuộc đời thanh cao nhưng bi kịch của cụ Phan Thanh Giản trước những biến động, thăng trầm của giai đoạn lịch sử cận đại Việt Nam.

Qua các chuyến đi xâm nhập thực tế ở các làng quê, ông đã tìm tòi, sưu tầm được những trang gia phả, tư liệu của các dòng họ, gia đình, những văn bia ở các đình chùa, truyền thuyết, giai thoại ở các vùng đất. Những tài liệu quý hiếm đó bằng chữ Hán hoặc chữ Nôm và được ông xử lý rất tốt. Ngoài ra ông còn đọc, tham khảo, đối chiếu các tác phẩm bằng Hán văn do các tác giả hoặc triều đại ở các thời kỳ lịch sử trước biên soạn lưu truyền. Vì vậy, những bài viết của ông về nhiều vấn đề trên các lĩnh vực đạt đến trình độ chuyên sâu của tầm cỡ một chuyên gia, đặc biệt những bài viết của ông về văn hoá dân gian như thần tích, tục thờ cúng, văn bia, câu đối... trên tập san *B.A.V.H.* rất hấp dẫn, lôi cuốn người đọc.

Chỉ trong thời gian 2 năm (1914-1915) ông đã lần lượt công bố hàng chục công trình khảo cứu có giá trị khoa học cao; qua đó đã thể hiện sức làm việc dẻo dai, nhiệt huyết và niềm đam mê với lịch sử, văn hóa nước nhà.

Những công trình nghiên cứu văn hoá có giá trị, đặc biệt là văn hoá dân gian của Đào Thái Hanh được giới khoa học của nước Pháp đánh giá rất cao. Ông đã được Viện Hàn lâm Pháp bầu chọn làm Viện sĩ danh dự vào năm 1915. Như vậy ông bước lên bậc thang tột đỉnh vinh quang trong nghiên cứu khoa học khi tuổi đời còn khá trẻ. Và tuy đã trở thành một “Viện sĩ” danh tiếng, ông vẫn không ngừng đi thực tế để sưu tầm, nghiên cứu về văn hoá, lịch sử và tiếp tục cho công bố những bài viết có giá trị trên tập san *B.A.V.H.*

Năm 1915, ông được bổ nhiệm làm Tuần phủ tỉnh Quảng Trị, hàm tòng nhị phẩm. Ông mất đột ngột tại nhiệm sở năm 1916 và được triều đình Huế truy tặng chức Thượng thư Bộ Lễ (Bộ trưởng Bộ Văn hoá), hàm chánh nhị phẩm. Tập san *B.A.V.H.* đã có đăng bài viết đánh giá công lao nghiên cứu và sự gắn bó của ông với tờ tạp san văn hoá, lịch sử ở vùng đất đế đô này: “... Ông Đào Thái Hanh là Viện sĩ danh dự của Viện Hàn lâm Pháp từ năm 1915, là Hội viên của “Hội của những người bạn của Huế xưa” kể từ lúc mới thành lập ông không ngừng hoạt động tuyên truyền để tăng số người gia nhập và do đó để tăng nguồn lực lượng. Nhờ có tài thuyết phục được các vị Thượng thư của vương quốc An Nam quan tâm đến công trình của chúng ta. Ông còn là cộng tác viên cần cù của tập san và chúng ta nhớ vào ông mà có được những bài nghiên cứu hấp dẫn...”<sup>(1)</sup>

Một nhà nghiên cứu có những công trình giá trị về văn hoá, lịch sử nhưng do hoàn cảnh khách quan của lịch sử nên những công trình đó bị khuất lấp theo thời gian, là một điều đáng tiếc. Ngày nay việc sưu tầm, biên soạn và in thành sách các bài nghiên cứu của Đào Thái Hanh đã đăng trên tập san *B.A.V.H.* là một việc làm cần thiết, quan trọng; qua đó, giới thiệu cho hậu thế biết là vào đầu thế kỷ XX, có một người Việt Nam đã từng là Viện sĩ của Viện Hàn lâm khoa học nước Pháp. ■

#### Chú thích:

1. Nhiều tác giả, *Đồng Tháp nhân vật chí*, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ và Hội Khoa học Lịch sử Đồng Tháp xuất bản, 2005, tr.132.

#### Tài liệu tham khảo:

1. Nhiều tác giả, *Đồng Tháp nhân vật chí*, Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ và Hội Khoa học Lịch sử Đồng Tháp xuất bản, 2005.

2. Nhiều tác giả, *Đồng Tháp 300 năm*, Nxb Trẻ - Hội Khoa học Lịch sử Đồng Tháp, 2004.

3. Nhiều tác giả, *Đồng Tháp đất và người* (tập 2), Nxb Trẻ - Hội Khoa học Lịch sử Đồng Tháp, 2009.

4. Trần Văn Dũng, “Về hai người Việt cộng tác sớm nhất cho tập san *BAVH*: Nguyễn Đình Hòe và Đào Thái Hanh”, tạp chí *Sông Hương*, số 294, tháng 8-2013.

5. Nguyễn Đắc Xuân, “Gia Hội khu phố cổ tuyệt vời ở Huế”, tạp chí *Sông Hương*, số 130, tháng 12-1990.

# Tản mạn về Cúng cháo

THÍCH NGUYỄN TẠNG

**C**úng cháo, hay cúng thí thực cô hồn, là một phần nghi lễ rất quan trọng trong đời sống thiện môn theo truyền thống của Phật giáo Đại thừa. Tại sao phải cúng cháo? Vì cháo ở đây được cúng cho cô hồn sống lang thang trong cõi giới trung gian, cõi giới ngạ quỷ, do ác nghiệp đã gây tạo đời trước mà kiếp này phải bị đọa vào loài ma đói, quỷ đói với thân hình xấu xí, cái bụng bằng cái trống nhưng cần cổ chỉ nhỏ bằng cây kim, không thể ăn uống gì được, chỉ húp được nước cháo mà thôi. Nghi thức cúng cháo bắt nguồn lúc Đức Phật còn tại thế, căn cứ theo bản kinh *"Phật thuyết Cúu Diện Nhiên Ngạ Quỷ Đà-la-ni"*.

Bản kinh này ghi rằng Tôn giả A-nan, thị giả của Phật, đang thiền tọa trong đêm khuya vắng, khoảng canh ba chợt thấy một con quỷ đói với một thân xác tiều tụy khô gầy xấu xí, mặt cháy xám (diện nhiên), cần cổ nhỏ bằng kim, miệng phun ra lửa (diệm khẩu), bước vào cảnh báo rằng ba ngày sau ngài A-nan sẽ chết và sẽ đọa vào loài quỷ đói. Tôn giả A-nan nghe sợ quá, nên hỏi con quỷ làm cách nào để thoát khỏi khổ nạn.

Quỷ bảo rằng: *"Rạng sáng ngày mai, ông dùng các thức uống ăn đem bố thí cho loài quỷ đói và phát tâm cúng dường Tam bảo hồi hướng công đức để giúp chúng tôi sớm thoát khổ địa ngục và ngạ quỷ, thì ông mới thêm tuổi thọ"*.

Ngài A-nan quá kinh hãi nên bạch Phật cứu giúp. Phật dạy: *"Ông chớ có quá lo sợ, Ta nhớ lại trong quá khứ vô lượng kiếp, thuở đó Ta làm người dòng Bà-la-môn, đối trước Bồ-tát Quán Thế Âm, Ta thọ được pháp đà-la-ni "biến thực chân ngôn" của Phật vô lượng uy đức Tự Tại Quang Minh Như Lai; Ta nay truyền dạy lại người, nếu trì tụng thân chú đây, niệm được bảy biến có thể khiến cho một món ăn hoá ra làm vô lượng món ăn và trở thành mùi vị cam lộ ngon ngọt, khiến cho các loài được thọ hưởng no đủ"*.

(Lược theo *Nhị Khóa Hiệp Giải*,  
bản dịch của Hoà thượng Khánh Anh)

Tiếp đó Đức Thế Tôn đã dạy rõ phương pháp cứu độ ngạ quỷ qua bản kinh *"Phật thuyết Cúu Diện Nhiên Ngạ Quỷ Đà-la-ni"*. Kinh này sau đó đã truyền sang Trung Quốc và Việt Nam. Mùa an cư năm 2013, bản kinh

này đã được Hoà thượng Thích Huyền Tôn tại Úc châu chuyển ngữ và được phát hành rộng rãi trong và ngoài Úc châu, có thể nói đó là bản Việt dịch đầu tiên đầy đủ về khoa chẩn tế thí thực cô hồn, và cũng là một bản dịch để đời của Hoà thượng dịch giả, vì văn phong của bản kinh đã trác tuyệt, mà bút pháp của Hoà thượng còn cực kỳ điêu luyện, đã làm cho người đọc không còn có cảm giác đây là bản dịch từ tiếng nước ngoài.

Cúng cháo phải cúng tại án thờ có tôn tượng của ngài Bồ-tát Tiêu Diện Đại Sĩ, dân gian Việt Nam hay gọi ngài là ông Tiêu hay ông Ác, vì hình thù của ông quá hung tợn, gọi ông Ác để so sánh với ông Thiện, chỉ cho tượng Hộ Pháp được tôn thờ song song trước điện Phật, để biểu trưng cho sự hộ trì Phật Pháp, bảo vệ già-lam của hai vị này. Về lịch sử của ngài Tiêu Diện Đại Sĩ tôi chưa tìm thấy trong kinh sách, tuy nhiên ngay từ bé, tôi đã nghe được về giai thoại của ngài qua chuyện kể của ông nội tôi.

Năm bảy tuổi tôi theo ông nội đi chùa An Dưỡng, đây là ngôi chùa trong làng Thái Thông, cách nhà tôi chỉ 10 phút đi bộ. Ông nội tôi trưởng thành trong thời Pháp thuộc, được chính quyền thuộc địa đưa ông đi lính Khố Xanh sang Pháp 3 năm (về lại quê nhà đầu năm 1929), ông nói được tiếng Pháp và viết chữ Việt rất đẹp. Ông hiểu biết nhiều về chuyện xưa tích cũ trong đời sống; vào những năm cuối đời, ông được bào huynh tôi là Thượng tọa Tâm Phương hướng dẫn xuống chùa Long Sơn quy y với Hoà thượng Thích Trí Nghiêm (1911-2003); được Hoà thượng ban cho pháp danh là Nguyễn Trường. Ông nội tôi qua đời vào mùa an cư năm 1986, tang lễ của cụ được Hoà thượng Trí Nghiêm chứng minh và cầu nguyện. Tôi ghi lại đôi nét về cụ để tưởng nhớ tri ơn công đức của cụ, vì cụ là người đã gieo hạt giống Bồ-đề vào trong tâm khảm của tôi khi tôi còn nhỏ; cha tôi mất sớm nên tôi thường lân la gần gũi với cụ và được cụ dẫn đi chùa thường xuyên. Ông nội tôi có một cây dù rất đẹp, mỗi khi đi ra ngoài trời nắng, tôi hay chạy theo núp dưới bóng mát của cây dù bên cạnh ông nội.

Khi về chùa An Dưỡng lễ Phật, tôi nhìn thấy tôn tượng ngài Tiêu Diện được thờ trước hiên ngoài cửa bên trái của chùa, phía bên phải là thờ tượng ngài Hộ Pháp. Chùa An Dưỡng thờ nhiều tượng, nhưng pho





tượng làm tôi chú ý là tôn tượng Tiêu Diện Đại Sĩ; tôi đặc biệt chú ý vì hình thù khác thường của pho tượng, với gương mặt dữ dằn thêm ba cái sừng nhọn cắm trên đầu và trán; hai mắt to lồi ra trợn ngược trông rất dữ tợn; còn cái miệng rộng nhe răng nanh thật ghê rợn, nhưng đặc biệt nhất là chiếc lưỡi lòi ra ngoài miệng, thòng xuống dài đến ngực. Tôi hỏi ông nội, tại sao cái lưỡi ông này dài quá và không nằm trong miệng? Cụ kể cho tôi rằng, tại ngôi làng nọ, có một con quỷ ăn thịt người, sống trong miếu đình trên ngọn đồi cao. Cứ mỗi buổi sáng quỷ xuống dưới chân đồi đón đường, bắt người ăn thịt; nhiều đến nỗi xương chất thành đống; dân làng quá sợ hãi không còn ai dám đi qua khu đồi có ngôi đình tử thần ấy nữa. Trong cơn nguy biến này, người dân trong làng dựng bàn thờ cầu đảo, nhờ ơn Trời Phật giảng lâm gia hộ cho dân làng sớm thoát khỏi tai họa này.

Điều kỳ diệu đã xảy đến, một buổi sáng, có một bà già xách giỏ đi chợ, ngang qua con đường có ngôi đình "tử thần" ấy, lập tức quỷ ăn thịt người kia xuất hiện chạy tới bắt bà; khi con quỷ toan định chụp bà cụ, thì cụ bà biến mất, và trong chớp mắt Bồ-tát Quan Thế Âm hiện ra, nắm ngay cổ con quỷ, nhấc bổng lên cao, bóp mạnh vào cổ; do bóp quá mạnh tay, nên cái lưỡi của con quỷ lòi ra bên ngoài. Bồ-tát Quan Âm liền cảnh cáo ác quỷ: "Từ đây về sau người không được tiếp tục bắt

người ăn thịt nữa, mà phải về chùa gần nơi người ở mà tu tập, để mỗi buổi chiều sẽ được chùa cho ăn cháo, và giao nhiệm vụ cho người, thống lãnh thế giới ma quỷ, cô hồn, những kẻ chết nhưng chưa đầu thai được, còn sống vất vưởng trong cõi giới ngạ quỷ; người nên dẫn dắt họ cải tà quy chánh, quay về các ngôi chùa địa phương để nghe kinh thánh pháp, để sớm được siêu sinh thoát hóa".

Tôi không biết câu chuyện ông nội tôi kể đã có ai nghe chưa; tôi lại không thấy có tài liệu nào để cập chi tiết về ngài Tiêu Diện. Tuy nhiên gần đây khi đọc được quyển "Du -già Diệm khẩu Thí thực Khoa nghi", bản dịch của HT Huyền Tôn, tôi đã phăng ra được nguồn gốc của câu chuyện trên, ngay mở đầu bản kinh đã có câu:

*"Diện Nhiên đại sĩ, Bồ-tát hóa thân, Ốc Tiêu sơn hạ hiện chơn hình, kinh phá thiết vi thành, đới lãnh cô hồn, bảo mãn tận siêu thăng".*

Nghĩa là: Diện Nhiên đại sĩ, Quan Âm hiện thân, dưới núi Ốc Tiêu hiện chơn hình, phá vỡ thiết vi thành, dẫn dắt cô hồn, no đủ được siêu thăng.

Qua lời kinh này, thì ta thấy Bồ-tát Quan Âm và Tiêu Diện đại sĩ tuy hai mà một, vì phương tiện cứu độ loài quỷ đói, không để họ tiếp tục gây tạo ác nghiệp ăn thịt người nữa; nên vì lòng đại từ bi, Bồ-tát Quan Thế Âm đã phải hiện thân vào loài quỷ đói, để rồi cuối cùng cảm hóa được loài chúng sanh này.



Tương tự như nghi thức cúng Đại bồng buổi trưa, nghi thức cúng cháo Mông sơn thí thực buổi chiều được phát xuất từ đó; đến nay hơn hai ngàn năm sau, truyền thống này vẫn tiếp tục được gìn giữ và duy trì. Tôi nhớ lại Sư phụ của tôi (cổ Thượng toạ Chơn Kiến) có kể, lúc Hòa thượng Thanh Bình mới về trụ trì một chùa làng ở trên Thanh Minh, Trường Lạc ở Diên Khánh (ngoại thành Nha Trang); vì HT bận rộn việc chùa nên quên cúng cháo, tối hôm đó, cô hồn hiện ra đập cửa phòng ngài xin cháo để ăn, HT liền thức dậy nấu cháo để cúng ngay trong đêm khuya. Ngoài ra có nhiều chuyện kể khác, có vị trụ trì quên cúng cháo nên đêm về bị cô hồn khiêng đặt xuống đất, hoặc nghe dưới nhà bếp có tiếng khua chén bát, do cô hồn lục lạo đòi ăn.

Do vậy các chùa Phật giáo Đại thừa mỗi buổi chiều đều phải cúng cháo sau khi mặt trời lặn, để cúng thí cho thế giới cô hồn. Cô hồn có nhiều loại khác nhau, nhưng phần lớn là những người chết bất đắc kỳ tử, đột tử, nghĩa là chết không đúng kỳ hạn, chết một cách không bình thường, chưa đến lúc chết mà phải chết, chết vì bị người khác giết, hoặc tự giết mình, hoặc chết vì tai nạn, hoặc những người từng tạo ác nghiệp như hủy báng Tam bảo, ăn thịt chúng sanh, nhất là trước giờ phút lâm chung mà bản tánh vẫn còn tham lam, keo kiệt... sau khi chết, không thể đi đầu thai được, phải sống vất vưởng, đói khát triền miên trong cõi giới này. Nghi thức cúng cháo này về sau đã được chư tổ đức Trung Hoa soạn thảo thành “*Du-già Diệm khẩu Thí thực Khoa nghi*” để cúng thí trong những trai đàn chẩn tế cô hồn; dân gian Việt Nam còn gọi trai đàn chẩn tế là “*làm chay và chạy kinh đàn*” – một trai đàn cúng thí kéo dài từ ba tiếng đến bảy tiếng đồng hồ, để bạt tế cô hồn. Đại lễ thí thực này thường được tổ chức vào mùa Vu-lan Báo hiếu, để cầu âm siêu dương thái, với ý nghĩa là xá tội vong nhân; hay tổ chức vào dịp đại lễ khánh thành chùa hoặc 49 ngày cho người vừa qua đời, để hồi hướng công đức siêu độ cho vong linh. Sau khi buổi lễ hoàn mãn, những lễ vật cúng được bố thí cho người sống; những đồng tiền cắc, bánh kẹo, thức ăn được tung rải xuống đất cho mọi người tranh giành. Người ta tin rằng những lễ vật này đã được vị Thầy đàn chủ và các vị kinh sư chú nguyện, nên rất linh thiêng và mầu nhiệm, và phải giành giật cho kỳ được những đồng tiền đó, đặc biệt là chiếc lưỡi của ông Tiều, để đeo vào cổ giúp trẻ con nín khóc vào ban đêm.

Tóm lại, cúng cháo thí thực cô hồn là pháp tu, thể hiện lòng từ bi của người sống đối với chúng sanh khuất mặt; trong chùa mỗi ngày buổi trưa cúng Đại bồng, buổi chiều cúng Cháo Thí Thực, không những là pháp hành của người tu sĩ, mà còn là nét đẹp văn hóa Phật giáo trong nếp sống thiền môn. Hơn thế nữa trong pháp giới bao la không thể nghĩ bàn này, chúng sanh đâu đâu lại không hiện hữu; phạm phu tục tử như chúng ta chỉ biết và thấy những sắc chất thô phù trước tầm nhìn hạn hẹp của chính mình, nên hay rơi vào lầm chấp và thậm chí có khi xúc phạm đến những chúng sanh vô hình đang ẩn hiện quanh ta. Chư Phật, chư Bồ-tát bằng Phật nhãn, pháp nhãn, thiên nhãn, thấy rõ được sự đau khổ của chúng sanh trong muôn ảnh hưởng như vậy, cho nên các ngài đã từ bi dạy lại cho những đệ tử phải thực hành cứu độ những chúng sanh này.

Như thế nếu chúng ta còn hồ nghi về việc cúng thí cô hồn hay lễ cúng cầu siêu vong hồn khuất mặt, thì có khác nào ta đã nghi ngờ ngay chính lời dạy của chư Phật. Mong rằng, dù sống nơi nào trong mọi hoàn cảnh, nếu phương tiện cho phép, nhất định chúng ta không nên bỏ qua pháp hành này. ■



# Trông người ngắm ở ta mà buồn...

NGUYỄN THỊ LOAN

**M**ới đây khi xem đoạn video clip ghi lại cảnh nhân viên lau chùi hành lý trên băng chuyền tại một sân bay ở Nhật Bản với sự trân trọng nâng niu... tôi vô cùng cảm kích và ấn tượng, bởi làm như vậy chắc chắn nhân viên hàng không của Nhật đã gián tiếp tôn trọng hành khách, coi khách hàng là thượng đế đúng nghĩa!

Trái ngược lại với hình ảnh trên, cách đây vài năm, khi một đoạn video clip được phát tán lên mạng, do một khách hàng quay được ở một sân bay tại Việt Nam, về cảnh nhân viên bốc xếp quăng quật hành lý của khách mạnh tay một cách không thương tiếc, tôi thấy càng buồn. Không chỉ riêng tôi, hầu như bất cứ ai xem đoạn video clip khi nhìn thấy những vali, thùng, túi hành lý... bị nhân viên quăng, vút, ném rất mạnh tay từ băng chuyền lên xe, rồi từ xe lên băng chuyền đều cảm thấy xót xa, "thương" cho những món hàng ký gửi theo đường hàng không. Một khi hành lý bị quăng quật, vút, ném mạnh tay như vậy chắc chắn sẽ khó lòng tránh khỏi hàng hóa bên trong bị dập nát, vỡ. Rồi thì, những vali có chất liệu và độ bền không tốt bị bể nát, nứt là điều không phải bàn cãi...

Chẳng nói đâu xa, chính tôi từng là nạn nhân của tình trạng quăng quật hành lý cầu thả, thiếu trách nhiệm của nhân viên bốc xếp sân bay, khi mà cách đây chừng hai năm, đi trên chuyến bay của một hãng hàng không giá rẻ từ Hà Nội vào TP.Hồ Chí Minh, tôi có mang theo một thùng hành lý ký gửi cỡ 20kg, bên ngoài là chất liệu thùng xốp được dán băng keo chắc chắn, bên trong đựng toàn là trái cây, đó là trái cam. Mặc dù tôi đã cố ý dán một tờ giấy với dòng chữ ở ngoài bề mặt thùng hàng là: "*hàng dễ vỡ xin nhẹ tay, cảm ơn nhiều!*" với mong muốn những người bốc xếp nhẹ tay giúp, vậy mà lúc xuống Sân bay Tân Sơn Nhất, lúc đợi lấy thùng hàng tại băng chuyền, tôi vô cùng bức bối khi nhìn thấy thùng hành lý của mình bị biến dạng, móp méo, thậm chí còn bể cả một miếng xốp ở góc, khiến những trái cam lòi cả ra. Dầu rất ức chế, song vì hàng hóa không nhiều giá trị nên tôi lấy hàng đi về mà bỏ qua không đòi hỏi hay thắc mắc gì cả! Tới nhà, mở thùng hàng ra, số trái cam, mười trái thì chỉ còn khoảng năm trái là nguyên vẹn, còn toàn là dập nát, mà tôi đoán thùng hàng của mình do bị vút, quăng quật rất nhiều lần nên mới ra nông nỗi vậy!

Ngay như người bạn của tôi, cách đây nửa năm cũng cực kỳ bức xúc khi đi máy bay trên đường bay nội địa vì bị nứt vỡ một chiếc vali ký gửi. Cô bạn tôi bảo: "*Không biết nhân viên bốc xếp làm ăn kiểu gì khi vali tốt là vậy*



*mà vỡ nứt toác cả ra! May mà trong vali chỉ là quần áo, vài thứ hàng không thể vỡ, chứ đựng những loại hàng dễ vỡ, dễ dập nát chắc thành... cháo luôn!*"

Ngoài tình trạng quăng quật, vút hành lý của khách một cách mạnh tay quá đáng, không có lương tâm và trách nhiệm của nhân viên bốc xếp ở sân bay, qua thông tin báo chí, cùng các cơ quan chức năng tôi còn biết được tình trạng móc trộm đồ trong hành lý ký gửi của khách trong ngành hàng không ở nước ta cũng là không phải ít. Cụ thể, mới đây nhất là vào ngày 3 tháng 4 năm 2018 nhân viên bốc xếp tại Sân bay Tân Sơn Nhất tên T.Q.D (quê Nghệ An), đã bị phát hiện khi móc trộm hai chiếc điện thoại trong hai túi hành lý của khách. Rồi nhiều các vụ móc trộm đồ khác xảy ra trước đó, kể cả tìm ra người lấy cũng như không... mà trong phạm vi bài viết này tôi không thể kể hết được, song thực trạng khách bị mất trộm đồ trong hành lý ký gửi đã, đang là một vấn đề cực kỳ nhức nhối trong ngành hàng không nước nhà mà chúng ta cần phải nhanh chóng khắc phục, tìm biện pháp ngăn chặn nếu không muốn... mất khách!

Thiết nghĩ, để hàng không Việt Nam ngày càng thu hút khách, tạo nhiều sự hài lòng, ấn tượng không chỉ với khách trong nước, mà còn với bạn bè quốc tế, thì từ những điều nhỏ nhất trong quy trình phục vụ thượng đế chúng ta cũng phải chu đáo, học hỏi, mà hình ảnh nhân viên hàng không Nhật đứng lau chùi hành lý cho khách hẳn cũng làm cho nhân viên hàng không của ta cần phải suy nghĩ mà xem lại cách hành xử với hàng hóa ký gửi trong công việc của mình... ■



# PHỐ CỔ HUẾ, làm sao phục hồi?

NGUYỄN VĂN TOÀN

Cách đây 10 năm (2008), các sinh viên Quách Đạo Quang, Phạm Xuân Quỳnh Giao đã được Đại học Huế trao giải nhất cuộc thi “*Ý tưởng sáng tạo đồng hành cùng cuộc sống*” về đề tài “*Phố Huế xưa - Phim trường mới - Khu du lịch mới*”.

## Một ý tưởng táo bạo

Trong đề tài của mình, các sinh viên Quách Đạo Quang, Phạm Xuân Quỳnh Giao cho rằng cần phục hồi phố cổ Huế tại một địa điểm thích hợp và biến dãy phố này thành một khu phố ẩm thực; một làng nghề thủ công truyền thống; một phim trường; một khu phố với các trò chơi dân gian xứ Huế; một khu phố với những tủ quán, rạp hát, các gánh xiếc, các lớp học xưa, các nhà thuốc y học cổ truyền, lò võ cổ truyền, một khu chợ xưa... để phục vụ du lịch, điện ảnh, vui chơi giải trí cho người dân xứ Huế và du khách thập phương. Ý tưởng nói trên chọn khu vực từ cầu Bạch Yến kéo dài đến khu phố cổ Bao Vinh trên các tuyến đường Tăng Bạt Hổ, Tân Đà và Đặng Tất để tạo nên một khu phố xưa.

Tiếc rằng ý tưởng này không được đưa vào thực hiện nên hai khu phố cổ nổi tiếng của Huế là Bao Vinh (xã Hương Vinh, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên-Huế) và Gia Hội (phường Phú Cát, phường Phú Hiệp, phường Phú Hậu, thành phố Huế) dần lụi tàn. Trong khi bản thân khu phố cổ Bao Vinh là cụm di tích xếp hàng thứ hai về sự ưu tiên bảo tồn trong quần thể di tích Cố đô Huế (chỉ sau Kinh thành Huế và các lăng tẩm) còn khu

phố cổ Gia Hội thì có mật độ dày đặc về di tích văn hóa - lịch sử.

Song trên thực tế, theo người viết, khu vực tốt nhất để phục hồi phố cổ theo ý tưởng “*Phố Huế xưa - Phim trường mới - Khu du lịch mới*” là tại tuyến đường mới mở ven sông Hương, đường Trịnh Công Sơn, dài 1.200m từ chân cầu Gia Hội đến trụ sở cũ của Công an phường Phú Hiệp. Tuyến đường này còn có khả năng kéo dài đến cầu chợ Dinh, nghĩa là nó sẽ dài đến hơn 2km. Kiến trúc sư Lê Đông Nguyên cho rằng: “Mục tiêu ban đầu đặt ra làm khu này là để chỉnh trang phố cổ Gia Hội”.

Tuy nhiên, ý tưởng “*Phố Huế xưa - Phim trường mới - Khu du lịch mới*” rất khó thực hiện tại tuyến đường Trịnh Công Sơn bởi trước năm 2000, hơn 60% kiến trúc phố cổ Gia Hội đã bị hiện đại hoá. Và hiện tại, số nhà cổ được tháo dỡ để xây mới ngày càng nhiều. Do đó, việc bảo tồn, phục hồi các ngôi nhà cổ ven sông Hương ở khu phố cổ Gia Hội cùng với việc tập trung nhà cổ từ khắp nơi ở Huế đến tại đường Trịnh Công Sơn để tạo thành một phố cổ như từng tập trung 11 căn nhà rường tại phố đi bộ Nguyễn Đình Chiểu (ven bờ sông Hương ở phía Nam, bắt đầu từ tháng 2-2015) do đó là khó khả thi. Việc cần nhất vẫn là tập trung phục hồi tại chỗ những di tích tại hai phố cổ, đặc biệt là tại phố cổ Gia Hội. Bởi đến năm 2005 ở phố cổ Bao Vinh chỉ còn 15 ngôi nhà cổ gần 200 năm tuổi trong khi nhà cổ ở phố cổ Gia Hội vẫn còn nhiều.

Theo nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân thì khu phố cổ Gia Hội nằm trên một hòn đảo bao bọc chung quanh



bờ sông Hương và sông Đông Ba. *Tâm điểm là con đường Chi Lăng*, ngày xưa gọi là Dinh Thị Phố. Trước lúc phát triển thành con phố buôn bán thông thương với 8 hàng, khu vực này dành riêng cho các phủ phòng dinh thự của các ông hoàng, bà chúa, quan chức cao cấp trong triều đình nhà Nguyễn. Tiêu biểu là Dinh Ông - nhà của Phụ chính đại thần Trần Tiến Thành dưới thời vua Tự Đức. Kế đến phủ Thọ Xuân của Thọ Xuân vương - con trai thứ 3 của vua Minh Mạng, phủ Thoại vương - con thứ 4 của vua Thiệu Trị, nhà Cô Nương- người đoạt giải nhất cuộc thi ca Huế tại Hội chợ Huế 1937, nhà thờ Thanh Bình của ngành hát bội cả nước. Hệ thống đền chùa, ở đây có đền Chiêu Ứng của người Hải Nam, chùa Quảng Đông, chùa Triều Châu, chùa Phúc Kiến... *Thứ hai là phố Minh Mạng xưa* (nay là đường Nguyễn Chí Thanh) có phủ Vinh Tường, Ngọc Sơn Công chúa tử, tư thất của nhà nghiên cứu âm nhạc Huế Hoàng Yến - nơi hoà nhạc của các danh cầm hồi đầu thế kỷ, lầu ông Hoàng Mười - con thứ 10 của vua Dục Đức... *Ngoài ra còn có tuyến khu vực dọc sông Đông Ba và xóm Ngự Viên* có tư thất của bà Tân Điểm - thứ phi của vua Khải Định, dinh thất và phủ Gia Hưng vương - con thứ 8 Vua Thiệu Trị, chùa Diệu Đế, nhà thờ họ Kim Hoàn, phủ người con trai út của vua Minh Mạng... *Cuối cùng là khu vực ngã ba sông Đông Ba với chợ Đước* (hay chợ Mụ Đàng) hình thành dưới thời vua Gia Long.

Trước kỳ Festival Huế 2002, chính quyền địa phương đã bỏ tiền để nâng cấp và bảo tồn khu phố cổ Gia Hội, với tham vọng tạo nên "một Hội An của Huế", một địa chỉ du lịch và là khuôn mẫu cho mô hình "bảo tồn phố cổ trong lòng đô thị hiện đại". Đầu tiên, tỉnh Thừa Thiên - Huế thực hiện một dự án khôi phục phố cổ Gia Hội và đưa vào kinh doanh du lịch - trước mắt giai đoạn một là 12 điểm với tổng kinh phí khoảng hơn 2 tỷ đồng. Đường Bạch Đằng với chiều dài 650m sẽ trở thành một phố ẩm thực hoạt động từ 16h đến 24h với các món ăn đặc trưng Huế như bún bò, bún thịt nướng, cơm hến, bánh bèo, bánh khoái, bánh cuốn... Các hộ đăng ký kinh doanh ở đây được ưu đãi không đóng thuế kinh doanh mặt bằng trong một năm. Hộ gia đình nào có nhu cầu sửa chữa nhà cửa để phục vụ du lịch sẽ được cho vay vốn ưu đãi... Tuy nhiên, có thể nói là dự án nói trên không đạt được tính khả thi. Hiện nay, để cứu số nhà cổ còn lại ở phố cổ Gia Hội, việc tiếp tục có những ý tưởng tâm huyết và sáng tạo là điều nên được đặt ra.

Đối với phố cổ Bao Vinh, từ đầu thế kỷ XIX nó đã có vai trò quan trọng với Huế. Đây là cảng trong đất liền ở Huế, rộng 150m và sâu từ 4-8m. Bao Vinh sau đó đã trở thành một thương cảng nhộn nhịp nhất của xứ Huế với hàng hoá hết sức đa dạng, ngoài lụa là gấm vóc còn các sản vật như ngà voi, đường, quế, thuốc nhuộm, vải vóc, đồ sành sứ, mỹ nghệ bằng ngà... Năm 1885 kinh đô Huế thất thủ. Bao Vinh bị tàn phá và bị mai một dần từ đó. Tuy vậy đến đầu thế kỷ XX đây vẫn là một trung tâm buôn bán quan trọng. Trong những ngôi

nhà mặt tiền của thành phố người ta có thể tìm thấy đủ sản vật trong và ngoài nước. Bao Vinh hiện có một con phố duy nhất dài chừng 300m với một số di tích cổ kính và năm 1991 vẫn còn 39 ngôi nhà cổ (năm 2005 còn 15 ngôi nhà cổ trên 200 tuổi).

### **Cần sự quyết tâm!**

Có thể nói rằng Huế sẽ "không phải là Huế" nếu nét dân dã trong đời sống sinh hoạt, trong lịch sử Huế bị phai tàn, mà điều hiển nhiên là hai khu phố cổ Bao Vinh và Gia Hội là nơi tiêu biểu cho tất cả những gì thuộc về đời sống trong quá khứ của nhân dân Huế, cư dân đất Thần kinh cuối cùng của Việt Nam. Có phần cường điệu, nhưng không phải phi lý khi nhà văn xứ Huế Nguyễn Khắc Phê đã nói: "Đến Huế, mà chưa thành thơ dạo bước vào chơi dầm ba ngôi nhà vườn đẹp nhất, hay chưa ghé thăm một vài Vương phủ ở chốn cựu kinh, thì coi như... chưa đến". Điều đó càng thôi thúc phải hồi phục lại hai khu phố cổ này của Huế.

Thiết nghĩ, cần hỗ trợ mạnh mẽ hơn nữa về vốn, kỹ thuật để bảo tồn những di tích còn lại tại hai phố cổ. Hiện tại các di tích cấp quốc gia, những di tích then chốt và mang tính tâm linh tại khu phố cổ Gia Hội như: Thanh Bình thự, các hội quán của người Hoa, các ngôi chùa lớn như Diệu Đế... được bảo tồn rất công phu và kỹ lưỡng.

Bên cạnh đó nên kết hợp tổ chức các buổi quảng bá hình ảnh hai khu phố cổ trên các phương tiện thông tin đại chúng, thường xuyên tổ chức các hoạt động du lịch - lễ hội tại hai khu phố cổ để nâng cao ý thức người dân trong việc giữ gìn hai khu phố cổ cũng như từ đó gọi mời được du khách và các nhà đầu tư du lịch cùng đóng góp với chính quyền và nhân dân xứ Huế trong việc hồi phục và khai thác tiềm năng của hai khu phố cổ này. Các hoạt động tại hai khu phố cổ trong các Festival Huế đầu tiên như lễ rước đèn, phố ẩm thực... cũng như các tour du lịch trong ngày đưa du khách đến hai phố cổ nên được xây dựng trở lại.

Về phố cổ Bao Vinh, ngày 28-10-2003, UBND tỉnh Thừa Thiên - Huế ra hẳn một quyết định về quy hoạch xây dựng và bảo tồn khu phố cổ Bao Vinh. Theo đó, UBND xã Hương Vinh không cho phép xây dựng nhà mới trong khu phố cổ Bao Vinh. Tuy nhiên, cần đưa hoạt động du lịch đến nơi này một cách thường xuyên để người dân được hưởng lợi, có điều kiện tu sửa và gắn bó với những ngôi nhà cổ. Bởi từ ngoài sông nhìn vào, Bao Vinh có dáng dấp tựa tựa Hội An, với những ngôi nhà nhỏ nhắn, có lưng quay ra sông. Nếu được đầu tư, kết nối phố cổ Bao Vinh với phố cổ Gia Hội trong hoạt động du lịch thì khả năng sẽ tạo ra cú hích lớn đối với ngành du lịch Huế.

Khả năng phục hồi hai phố cổ Bao Vinh và phố cổ Gia Hội là có thể. Nếu làm được, du lịch Huế sẽ có một sức hấp dẫn khó cưỡng trong lòng du khách. ■

\* Ảnh tác giả.



# Nên sống nhanh hay sống chậm?

NGUYỄN HỮU ĐỨC

Có người biết cuộc sống ở Trung Quốc đã cho biết, trong quá khứ, lời chào phổ biến ở Trung Quốc là “*Bạn đã ăn chưa?*”, thì nay nhiều người Trung Quốc trong thời đại kinh tế thị trường hiện đại chào phổ biến bằng câu hỏi “*Bạn bận lắm à?*”. Và không bất ngờ, câu trả lời được mong đợi là “*Vâng, cảm ơn bạn, tôi rất bận*”.

Xã hội thời nay phát triển một cách chóng mặt. Thời gian được xem là tiền bạc nên được rút ngắn tối đa: trồng trọt, sản xuất nông nghiệp thì rút ngắn thời gian thu hoạch để một năm có thể xen gối thâm canh thêm mấy vụ nữa; máy móc công nghiệp cũng được cải tạo với công suất nhanh nhất; Internet được nâng cấp với tốc độ lan truyền ngày càng nhanh hơn, và ngay cả ăn cũng có thức ăn nhanh (fast food)... Cho nên, ta dễ có cảm tưởng cho rằng những người luôn bận rộn là những người quan trọng, người tài năng, thậm chí là người thông minh. Nếu bạn bận rộn, bạn sẽ được người khác ngưỡng mộ, thậm chí là ghen tị. Và thế là

cuộc sống buộc con người phải đi theo guồng quay thật nhanh đó, ai làm khác bị coi là tụt hậu.

Bên cạnh đó, giữa guồng quay vô tận của thời gian, áp lực của cuộc sống hối hả, của công việc cần làm nhanh khiến người ta bắt đầu thấy chóng mặt, ngột ngạt... Rõ ràng, những bức bách của cuộc sống hiện đại khiến nhiều người vội vàng bị căng thẳng, dẫn đến bệnh trầm cảm hoặc triệu chứng hoảng loạn. Mặt trái xã hội sống hối hả không chỉ biểu hiện ở tình trạng ngày càng có nhiều người bị trầm cảm, u uất, rối loạn tâm lý, mà còn ảnh hưởng đến lớp trẻ với khuynh hướng “sống thử”, “sống vội”, “sống sơ sài” diễn ra như một định hướng chung.

## Tác hại của sống nhanh

Về phương diện sức khỏe, sống nhanh rất dễ tạo “stress” gặm nhấm thể chất và tinh thần con người.

Stress là những áp lực về mặt tâm lý và những biến động trong gia đình, trong xã hội tác động lên con





người gây mất cân bằng. Đáp ứng của con người bị stress là cảm thấy có “sự căng thẳng” và sự mất cân bằng thể hiện trong cơ thể là những biến đổi sinh học, sinh lý nhằm đối phó lại các áp lực, các biến động vừa nêu. Như khi bị stress, có sự tăng tiết hormon ở tuyến thượng thận (tuyến nằm úp trên hai quả thận) là *glucocorticoid* và *adrenalin*, có sự tăng tiết các hormon ở hệ thần kinh như *hormon tăng trưởng* (somatostatin), *prolactin*, các *endorphin* (còn gọi là *morphin nội sinh*, đây được xem là “ma túy” do chính cơ thể tiết ra) làm rối loạn đủ thứ.

Ta cần lưu ý, stress không phải luôn luôn là xấu. Với liều lượng vừa phải, chính stress giúp ta có sự hưng phấn, cảnh giác, tập trung cao độ để đối phó lại tình huống không thuận lợi. Chính nhờ stress mà ta có những phản ứng cần thiết để đối đầu với các tác nhân xâm phạm đó, ta sẽ có những suy nghĩ tích cực, tìm cách làm chủ thực tế, quyết tâm giải quyết khủng hoảng đó và thường là thành công trong việc vượt qua stress.

Tuy nhiên, nếu stress cứ lặp đi lặp lại và ta không làm chủ được nó, không thích ứng với những biến đổi do nó đưa đến, cơ thể ta sẽ bị rối loạn về mặt thể chất và tâm thần.

Stress không kiểm soát có thể gây nhiều bệnh nguy hiểm như bệnh tim mạch là tăng huyết áp, bệnh dạ dày, bệnh tiểu đường type 2, bệnh viêm loét dạ dày – tá tràng... Theo Mayo Clinic, stress có thể tác động vào cơ thể của bạn, vào suy nghĩ của bạn, vào cảm thọ của bạn, và vào cả thái độ của bạn.

Đó là lý do có một ngày được chọn là Ngày Ý Thức Về Căng Thẳng (Stress Awareness Day) do Hiệp hội Quốc tế Chống Stress (International Stress Management Association) đề xuất cho toàn thế giới. Ngày Ý Thức Căng Thẳng theo truyền thống là Thứ Tư đầu tiên trong tháng 11 hàng năm. Do vậy, ngày này tuần tự trong các năm là ngày 1 tháng 11/2017, sẽ là ngày 7 tháng 11/2018 v.v... Cũng là ngày để các bác sĩ nhắc nhở mọi người cảnh giác về các sát thủ tàng hình đang len lén bước theo các cảm xúc căng thẳng khó trị trong cuộc sống hối hả hiện nay.

### **Hãy sống chậm đúng nghĩa**

Sống hối hả gây hại như trên nên nhiều quốc gia ra sức khuyến khích sống chậm. Một phần nhân loại tiến bộ đã coi nguyên tắc sống chậm như một phép dưỡng sinh tinh thần. Nhưng sống chậm như thế nào cho đúng, sống chậm như thế nào cho đủ và thấm thía thật sâu ý nghĩa của sống chậm thì thật là không phải dễ.

Trước hết, cần lưu ý không ít người đã ngộ nhận về sống chậm. Họ mạo danh sống chậm để biện minh cho thái độ kỳ quặc hoặc hành vi thiếu trách nhiệm. Một công chức sống chậm có quyền ngồi rung đùi uống cà-phê trong giờ hành chính chẳng? Một nhà kinh doanh sống chậm có quyền trễ hẹn giao dịch với khách hàng chẳng? Tất cả chỉ là ngụy biện, nếu sự sống chậm của ai đó ảnh hưởng đến sự phát triển

chung của cộng đồng! Như vậy, nên sống chậm sao cho vừa lợi mình vừa lợi người.

Có một nhà văn đã viết thế này: “... Tôi sẽ tập ăn chậm để thấy vị ngọt của hạt gạo quê xứ nghèo, tập đi chậm để thấy hai hàng cây bên đường thay lá, tập sống chậm lại, chậm lại để nhận thấy tình đời, tình người lấp lánh bên tôi...”. Nhà văn đã thâm nhủ với mọi người, hãy sống chậm lại để cảm nhận cuộc sống sâu hơn.

Có người thì tâm tình: “Điều kinh khủng nhất của con người là sống mà không kịp nghĩ. Một khi có ý thức sống chậm, chúng ta sẽ biết cách vừa sống vừa nghĩ. Phải vào lúc tâm hồn trong trẻo nhất, chúng ta mới có được những suy nghĩ thiết thực nhất. Nghĩ cho mình, nghĩ cho người khác, nghĩ cho quê hương và nghĩ cho đất nước ngày mai!”

Có người nghĩ sống chậm để tỏ lòng biết ơn: “Sống chậm là đặc biệt lưu tâm đến việc mình đang làm với tất cả lòng biết ơn sâu sắc. Yêu thương nhiều hơn chỉ giản đơn là sống chậm lại một chút, nhìn ngắm đường phố xung quanh và những gương mặt thân quen. Yêu thương thiên nhiên, môi trường để không làm huỷ hoại môi trường. Yêu thương bầu trời xanh là thêm yêu những cánh chim hoà bình”.

Cũng tùy vào hoàn cảnh, ai đó sẽ nhận thấy cần sống chậm lại một chút, dành nhiều thời gian thư giãn, chiêm nghiệm và tìm kiếm thêm yêu thương, thêm chia sẻ... Học thiền, tập yoga, tĩnh tâm bằng hơi thở... là những giải pháp “sống chậm” của nhiều người thời nay. Hãy hòa mình với thiên nhiên và tận hưởng từng giây phút hạnh phúc trong hiện tại, sống chậm dường như kéo ta bước chậm lại, đưa con người trở về với bề sâu, bề xa, những góc khuất trong tâm hồn, chầm chậm lắng nghe và suy ngẫm.

Sống chậm không phải lãng phí thời gian mà là trân trọng thời gian, quý trọng nhưng không lệ thuộc vào ký ức, những kỉ niệm, vì đã có “món quà” hiện tại. Đừng để tương lai hay quá khứ ảnh hưởng đến tâm trí bạn. Hãy giữ tâm tình thức với hiện tại; chớ luyến tiếc hay bực dọc gì về quá khứ; chớ mơ tưởng quá lạc quan hay bi quan về tương lai.

Hãy nhớ rằng mình đang hiện diện trong hiện tại và điều duy nhất mình có thể làm là khiến cho hiện tại trở nên có ý nghĩa, không lãng phí nó. Sống chậm là thế đó. ■



# Vợ chồng... điện máy

ĐẶNG TRUNG THÀNH

**A**nh chị mới kết hôn. Hai người đều thuộc giới kinh doanh nên lúc nào cũng bận rộn. Họ bỏ cả tuần trăng mật để lao vào làm việc chỉ mong được sắp sếp nhắc lên chức vụ cao hơn. Dường như họ đánh mất cả khoảng thời gian dành cho nhau. Sau giờ làm việc, vợ chồng gặp lại cũng chỉ là trao đổi công việc, bàn chuyện kinh doanh, thông tin về tình hình thị trường quốc tế, góp nhặt chuyện Đông chuyện Tây... Ngay từ sáng sớm, hai vợ chồng đã cấp cạp đi đến cơ quan cho

tới khi tối mịt mới về nhà. Có khi trong ngày, hai vợ chồng không thấy mặt nhau: anh đi làm sớm và về trễ, lúc ấy chị đã ngon giấc trên giường. Có những hôm công ty xuất hàng gấp, có cuộc họp nội bộ, dùng cơm với đối tác, hai vợ chồng về tới nhà gần 12 giờ đêm. Do quá mệt mỏi nên tất cả công việc trong nhà đều bị trì hoãn, từ một buổi thành một ngày... hai ngày... ba ngày... và rồi đồ đạc trong nhà chất cao như núi mà không có thời gian dọn dẹp. Thấy oải, anh đề nghị với chị là thuê ô-sin để nhẹ bớt việc nhà nhưng chị không





đồng thuận. Chị nghĩ, nếu thuê ô-sin trẻ, chị sợ sẽ mất chồng như chơi. Còn nếu thuê ô-sin già, chị sợ họ chậm chạp, hay đổ bệnh bất chợt rồi sẽ gây ra nhiều phiền phức khác. Tính đi tính lại, chị ra quyết định mua các đồ dùng điện máy thay cho người giúp việc nhà, thay chị làm nội trợ sẽ hoàn hảo hơn. Thế là anh chị tậu về nhà nào là máy giặt, máy rửa chén, lò vi sóng, máy hút bụi... như là người giúp việc đa năng.

Mỗi ngày, do công việc bận bịu nên hai vợ chồng có thói quen dùng cơm hộp, cơm hàng quán. Nếu tối về nhà đói bụng, anh chị chỉ việc gọi điện đến quán ăn hoặc các cửa hàng thức ăn nhanh là có người mang thức ăn đến tận nhà. Chỉ có công việc nhà như giặt giũ, lau nhà,... là phải nhờ đến bàn tay con người. Nhưng chị rất yên tâm vì đã có các thiết bị điện máy giúp đỡ. Muốn giặt đồ, anh chị chỉ việc bỏ quần áo vào máy giặt và bấm nút. Trong thời gian máy làm việc, hai vợ chồng cùng xem ti-vi, đọc báo, nghe nhạc hoặc làm

việc chuyên môn. Họ chỉ tốn ít thời gian cho việc lấy quần áo đi phơi và mang vào nhà khi đã khô thôi.

Từ ngày có nhiều mặt hàng điện máy tiện dụng trong nhà, anh chị đâm ra lười biếng, cứ đi làm về là ngã lưng ra ghế salon nằm, chẳng muốn vận động gì nữa. Chỉ có vài cái chén, cái đĩa ngâm 3 ngày, vợ nhắc mãi anh mới nhắc hai bàn chân xuống bếp để bỏ chén đĩa dơ vào máy rửa. Còn chị, chỉ việc bỏ mấy bộ quần áo dơ vào máy giặt cũng lười ngổ dậy.

Một ngày nọ, thấy phát ngán những món ăn hàng quán nên anh chị bàn với nhau làm một bữa tiệc mời cha mẹ đến chung vui vào ngày chủ nhật. Tuy chị vụng về trong chuyện nữ công gia chánh nhưng chị phần nào yên tâm vì có các "osin...điện máy" trong nhà trợ giúp. Tối thứ Bảy, chị lên website của siêu thị đặt hàng tất cả những thứ để làm một bữa tiệc thịnh soạn. Sáng Chủ nhật, nhân viên siêu thị đến giao hàng rất sớm. Chị bắt tay vào việc trở tài nấu nướng nhờ quyển cẩm nang nấu ăn và các đồ điện máy. Sau một giờ sơ chế, chị đưa thức ăn vào máy và chỉ việc nhip đùi xem phim, chờ ba mẹ đến và đợi thức ăn chín hẳn. Sui gia hai bên đến dự đông đủ, và họ tự hào rằng có một cô con dâu, chàng rể năng động. "Bọn trẻ bây giờ tự lập giỏi nhỉ!", một người khen thế.

Nhưng đột nhiên điện cúp. Không khí trong nhà trở nên ngột ngạt, hệt hẫng đến lạ thường. Ai cũng bực mình ra mặt, nhất là chị. Chị cảm thấy mình như đang trên mây xanh, gió mát bỗng nhiên lao xuống vực thẳm. Bởi đây là cơ hội để chị xây dựng hình tượng nàng dâu "giỏi việc cơ quan, đảm việc nhà" trước mặt ba mẹ chồng, tuy nhiên mọi thứ đã sụp đổ. Nồi cơm điện, gà nướng, cá hấp, thịt bò hầm đậu... tất cả đều dùng đến điện đang nấu dở dang. Trong khi chị chẳng biết nấu những thứ ấy bằng bếp gas hoặc than nướng. Phải làm sao đây? Mẹ ruột và cả mẹ chồng hiểu chuyện, nhẹ nhàng góp ý với chị: "Là phụ nữ, người vợ, con cần phải đặt nữ công gia chánh vào vị trí quan trọng với bản thân mình. Làm có tiền thì ai chẳng thích, nhưng không vì thế mà quên mất nghĩa vụ của người phụ nữ đối với gia đình. Vợ chồng con không nên quá ỷ lại những thứ hàng điện máy vô hồn này. Tuy chúng có tiện lợi đấy, nhưng cũng dễ làm con người ta sinh ra lười biếng. Hãy sử dụng chỉ khi hai con thấy quá bận bịu, còn không thì nên dùng đến chính đôi tay của mình".

Ngoài việc góp ý chân thành cho chị hiểu, hai người mẹ còn chỉ dẫn cặn kẽ chuyện nữ công gia chánh thông qua việc nấu nướng lại các món đang dở để bày tiệc. Sự việc có kết cục tốt đẹp theo cách khác. Bữa tiệc trở nên vui vẻ, ngon miệng và ấm cúng đến lạ thường. Anh chị cảm ơn hai mẹ rồi rít và hứa từ nay sẽ dành nhiều thời gian để xây dựng tổ ấm trong nhà thêm ấm cúng, bằng việc tự tay mình làm việc nhà, chứ không lạm dụng đến các đồ điện máy nữa. ■



# Hội An... Hội nhập

VÕ VĂN LÂN

Nguồn: ivivu.com

**H**ội An một thời từng là nơi dưỡng lão. Vâng, cả trăm năm rồi cuộc sống bình lặng, công chức nhân viên ngày ngày đến sở làm việc cuối tháng lĩnh lương, người buôn bán, thợ thuyền, người làm thuê kiếm tiền đủ sống qua ngày... Trừ một số người Hoa cũng buôn bán nhưng buôn "nằm"! Gạo thóc cá mú sản vật làm ra tự sản tự tiêu là chính, khái niệm "hàng hóa" không có trong đời sống. Nên không ai bon chen tất bật. Bước vào đầu thế kỷ XXI, Hội An bừng sống dậy, vươn lên mở cửa đón tiếp người nước ngoài đủ quốc tịch Hà Lan, Tây, Mỹ, Nhật... đến tham quan, du lịch, nghiên cứu... Và với nếp sống hiền hòa, hiếu khách cùng quần thể kiến trúc Hoa, Nhật, Pháp thế kỷ XVII-XVIII khá nguyên vẹn trên từng góc phố, Hội An được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa Thế giới ngày 8.12.1999. Hội An trở nên điểm nóng du lịch. Du khách khắp nơi tấp nập đổ xô đến Hội An. Nhà hàng, restaurant, gallery, resort, khách sạn 3, 4, 5 sao... thi nhau mọc lên. Và Cẩm An vùng đất cát nóng bỏng, quanh năm người dân bám biển đầy hiểm nguy và thiếu thốn nay chiếc đũa thần du lịch đã hóa cát thành đô-la với tổ hợp khách sạn nhiều sao, restaurant đẳng cấp, nhà hàng sang trọng; đồng đô-la cũng phù phép biến những ao đầm cỏ dại miền quê Cẩm Châu thành vùng dịch vụ du lịch... Con

đường Cửa Đại những năm thập niên 75-85 mới bảy giờ tối đã tối thui không một bóng người, giờ đây sáng trưng cửa tiệm, gallery, restaurant... khách ra vào, xe cộ tấp nập. Vùng đất xơ xác Cẩm Thanh sau chiến tranh phủ đầy homestay, villa... khu du lịch sinh thái ruộng đồng sông nước. "Thượng chùa Cầu hạ Âm Bốn" chỉ là từ hoa mỹ trong sách báo. Hội An ngày nay thượng Bến cá Cẩm Hà hạ Phước Trạch Cẩm An dài cả chục cây số.

Nhờ ơn trên Trời Phật hay cuộc đất linh thiêng mà chiến tranh không đụng đến Hội An, chỉ vùng ven đô. Nhưng chính vì thế nơi đây là đất hứa người chạy giặc khắp nơi đổ về lánh nạn. Nên lẩn chốn mọc lên chỗ này "khu định cư" chỗ kia "khu tị nạn". Và trải thời gian nhà cửa sửa chữa nơi "giả cổ" chỗ "tân trang"! Sau ngày giải phóng, chính quyền thành phố đã kịp thời có biện pháp bảo tồn bảo tàng nên khách đến Hội An ngày nay được tiếp cận công trình kiến trúc Tây Tàu Á Âu thế kỷ XVII-XVIII còn tương đối nguyên vẹn. Và nếp sinh hoạt sáu bảy mươi năm trước bán hàng rong, xe kéo với các trò chơi dân gian đánh cờ, bài chòi... diễn ra mỗi tối thứ bảy hằng tuần tái hiện Hội An một thời đáp ứng nhu cầu thưởng ngoạn khách tham quan du lịch. Nhiều lễ hội mở ra. Lễ hội làng nghề truyền thống mộc nê, may mặc, lễ hội ra khơi đánh bắt cá, lễ hội lồng đèn trăng rằm. Ánh đèn lồng lung linh sắc màu bàng bạc



ánh trăng thay ánh điện. Sông Hoài thuyền rồng bập bềnh làn điệu dân ca đưa khách trở về miền tịch mặc cổ tích. Quá trình đô thị hóa nên mấy đường phố nhỏ không tránh khỏi bị cắt xẻ đào xới nhưng lần hồi được phẳng phiu, vỉa hè lát đá trả lại người đi bộ. Và trên những con phố yên ắng mùi trầm hương thoảng nhẹ hòa quyện âm nhạc cổ điển tạo một không gian trầm lắng Hội An... Với chủ trương “Đường phố không tiếng động cơ” một biện pháp nhằm bảo vệ công trình cổ mặt khác tạo nét nhấn độc đáo mời gọi. Đồng thời với nhiều biện pháp linh hoạt Hội An vắng bóng hành khất trên đường phố. Và bảng hiệu của hàng, tiệm buôn, khách sạn đều tiếng Việt kèm tiếng Tây; đội ngũ nhân viên phục vụ, người bán hàng trẻ già nam nữ tiếng Tây nói rập rập còn hơn cả tiếng mẹ đẻ (tất nhiên dùng cả đôi tay) du khách ngoại quốc vô cùng thuận lợi. Và tình trạng còn mỗi tranh giành khách, chèo kéo mua hàng được hạn chế dần. Mua bán cũng có nói thách nhưng “không trên trời” đánh lừa khách mà chỉ một chút. Khách trả giá thoải mái, không mua cũng không sao, trái lại sẽ nhận được nụ cười duyên dáng hay quá lắm cũng chỉ cái liếc mắt “sắc như là dao cau” của cô bán hàng xinh xắn.

Con sông Hoài bao năm nước tù đọng rác rưởi được khai thông. Cùng với việc giải tỏa khu xóm nhà lá lòi chòi những cầu xi “lộ thiên” trên sông Hoài và qui hoạch bãi đất bồi dương liễu chứa rác thải thành khu dân cư. Đồng thời chiếc cầu bê-tông nhỏ hẹp trợ trụ từ mấy chục năm trước nối phố cổ với An Hội nay được thay thế bằng hai chiếc cầu mới cao đảm bảo giao thông mùa mưa lũ. Một chiếc chân bắc ngay cuối đường Châu Thượng Văn đưa tầm nhìn từ chùa Quảng Triệu qua bên kia sông Thu Bồn... Mở ra khu phố rực ánh sáng với nhà hàng, khách sạn, khách tây ta vui chơi ăn uống tấp nập. Và con đường tản bộ dọc ven sông thể dục sáng chiều. Lại thêm khu Vườn tượng trên thảm cỏ xanh hoa vàng trưng bày những tác phẩm điêu khắc từ các nghệ sĩ quốc tế. Nơi diễn ra các sự kiện văn hóa lớn, lễ hội truyền thống,... Là cơ hội đổi đời, mơ cũng khó được đã trở thành hiện thực với người dân An Hội. Giá đất ở đây còn cao hơn cả đất phố cổ. Và ai đó xa quê sau năm bảy năm trở về không khỏi ngỡ ngàng trước sự đổi mới một vùng quê sông đò. Nối liền bên này là Hội trường Sông Hoài, nơi vui chơi, tổ chức đám cưới, lễ tiệc, sinh hoạt giao lưu văn hóa quốc tế, lễ hội Vu-lan bông hồng cài áo hiếu hạnh. Nhiều quán cà-phê vườn, tiệm giải khát, quán nhậu mọc lên. Du khách trong người nước đổ về đây trao đổi buôn bán, bàn luận thời sự, ngẫu hứng thi ca... Đầu thế kỷ XXI nhu cầu du lịch sinh thái đưa Hội An vươn qua Cẩm Nam, khu đất nổi giữa con sông Hoài và sông Thu Bồn mở ra khu du lịch Cồn Hến, rồi qua Cẩm Kim lên Triêm Tây khai thác loại hình du lịch tại nhà. Cầu Cẩm Kim bắc qua sông Hoài biến mơ ước bao năm thành hiện thực. Biển khu Ngọc

Thành khuất nẻo thành khu du lịch sầm uất với hàng chục khách sạn nhà hàng ven sông chen chúc mọc lên tới bến cá Cẩm Hà. Đồng thời giải tỏa khu nhà dọc ven sông từ xí nghiệp gỗ Cẩm Hà lên chợ Lai Nghi, kết hợp xây dựng đường giao thông đúng qui cách. Xe cộ tấp nập khách Trung Quốc đổ xô đến tìm cơ hội xâm nhập kinh doanh buôn bán...! Du khách đến Hội An ngày càng tăng, du lịch Hội An không ngừng phát triển. Nhà vườn, đồng ruộng, bãi sông, ao đầm mở homestay, villa xinh lịch đáp ứng nhu cầu ăn ở vui chơi cho khách bốn phương. Ngoài thưởng thức hải sản, các món ăn truyền thống khách còn chìm đắm trong mùi hương hoa đủ loại, tiếng chim riu rít trong vườn, ngoài nội. Con người và thiên nhiên hòa quyện. Ngồi bên tách trà ly cà-phê trò chuyện tâm tình với bạn bè người thân trong chiều tà khi những tia nắng cuối cùng còn sót lại xuyên qua kẽ lá. Khách xa xứ ngỡ như đâu là bến bờ mộng thực. Mặt khác tạo công ăn việc làm cho nhiều người không những Hội An mà cả nhiều địa phương khác. Đời sống vật chất người dân không ngừng nâng cao. Để phát triển bền vững nhiều chủ trương được đề ra. Một mặt bảo vệ công trình kiến trúc cổ, đồng thời tuyên truyền giáo dục lối sống thân thiện với thiên nhiên và con người; nếp sống văn minh trong ứng xử, giao tiếp từ lời ăn tiếng nói đến cử chỉ thái độ... tạo môi trường du lịch trong sạch lành mạnh. Nhiều người dân, nhân viên khách sạn nhà hàng nhận được tiền bạc đồ dùng của khách đã đưa trả lại. Ba em học sinh vùng quê nghèo Cẩm Kim qua phố chơi, nhận được chiếc ví trong đó có một số tiền lớn đô-la và tiền Việt, đã đem đến đồn công an để trả lại người mất. Và nhiều nhóm thiện nguyện nấu cháo, mua bánh mì chở đến phục vụ bệnh nhân nghèo ở bệnh viện, nhà dưỡng lão; nhiều bếp chay phục vụ miễn phí vào ngày rằm mồng một...

Nhiều hoạt động giao lưu văn hóa quốc tế như Không gian văn hóa Việt-Nhật, Việt-Pháp, Việt-Hàn... được tổ chức. Trong đó ấn tượng hơn cả nhà Bảo tàng Di sản vô giá của Réhaln Hội An có trưng bày bức ảnh “*Nụ cười ẩn giấu*” của nhiếp ảnh gia Réhaln; tác phẩm có mặt trên 200 tờ báo quốc tế như *National Geographic, Los Angeles Times*. Mà nhân vật trong bức ảnh là bà Bùi Thị Xong (74 tuổi) người Hội An. Và bức ảnh độc đáo này được Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng mang tặng Tổng thống Pháp Emmanuel Macron tại điện Élysée (Paris) trong chuyến thăm chính thức nước Pháp nhân kỷ niệm 45 năm ngày Quan hệ Hữu nghị Việt-Pháp (1973-2018). Tuy nhiên trải thời gian và quá trình đô thị hóa nảy sinh vấn đề tác động đến văn hóa truyền thống Hội An. Các ngôi nhà cổ xuống cấp cần phải phục chế nguyên trạng theo qui định đòi hỏi một số lượng gỗ lớn, thợ tay nghề cao tất nhiên kinh phí nhiều, chủ nhà không thể đáp ứng. Và nhiều ngôi nhà cổ phải đổi chủ gây hệ lụy. Trong tay những đại gia là những kẻ mới “ăn nên làm ra” hoặc người ngoài địa



Nguồn: ivivu.com

phương đến tìm cách “phục chế” ngôi nhà cổ thành nhà hàng sang trọng, quán bar hiện đại. Những ngôi nhà cột gỗ bóng loáng mái ngói âm dương đồng đánh làm duyên khoe dáng! Và chủ nhà, những người mà rặng chừa dính cơm gạo ruộng Trường Lệ, miệng chưa từng uống nước giếng Ba Lẽ... sẽ ứng xử ra sao khi ngôi nhà cổ (giả cổ) sử dụng chỉ nhằm phục vụ khách ăn uống hải vị sơn hào, bia rượu đắt tiền để hái đô-la... Thì các chủ trương biện pháp bảo tồn bảo tàng có ngăn cản biến thái bởi quá trình hội nhập một cách vội vàng bỏ mất “cái hồn” Hội An?!

Hội An không ngừng thay da đổi thịt hầu đáp ứng yêu cầu thành phố du lịch văn hóa... Những bài văn câu thơ, bản nhạc ca ngợi Hội An, những bài diễn văn, báo cáo thành tích Hội An rộn rã lòng người. Nhưng dường như điều gì đó thiếu đi khiến thấy ngỡ ngàng. Sự hài hòa giữa đời sống vật chất và văn hóa tinh thần? Công viên nơi sinh hoạt vui chơi giải trí cho người già trẻ em? Trường Đại học Phan Chu Trinh mở ra giữa lòng phố cổ, con em Hội An khỏi phải đi học xa... tâm nguyện của nhiều nhân sĩ trí thức Quảng Nam chấp cánh Hội An hội nhập vững chắc. Nhưng khai giảng năm 2009 niên khóa đầu tiên đã dậm chân tại chỗ nếu không nói là đang ngắc ngoải? Và nay còn đâu? Bệnh viện Hội An trước là bệnh viện tỉnh... phục vụ không những người Hội An mà các huyện Duy Xuyên, Điện Bàn. Nay sau nhiều lần sửa chữa nâng cấp và trong khi một số y bác sĩ Hội An tốt nghiệp ra trường phải tìm việc nơi khác thì bệnh nhân Hội An lại phải đến bệnh viện tư... lên Vinh Đức, ra Đà Nẵng? Nhà truyền thống Hội An một công trình đồ sộ mà sao lạ lẫm?! Công viên ngã tư Trần Hưng Đạo trước đây nơi vui chơi trẻ em, chốn gặp gỡ hẹn hò... nay quán cà-phê, quán nhậu chiếm vị trí ưu thế?!

Đến Hội An khách thích thú với thiên nhiên sông biển ruộng đồng. Nhưng thành phố văn hóa sinh thái có thể nào dừng ở những khu lổn nhổn đất đá cây cỏ um tùm ngay khu dân cư. Và quán xá lai rai vệ đường với tủ bàn quay nướng động vật heo gà vịt nguyên con. Có phù hợp với văn hóa hiếu sinh và hiếu khách hay chỉ làm khách nhắm mắt quay lưng? Các trò chơi dân gian và nhạc dân ca bài chòi, hò khoan... trước mặt đáp ứng thị hiếu một bộ phận khách hiếu kỳ nhưng lâu dài thiếu đi sự gắn bó hơi thở cuộc sống liệu có phát huy tác dụng!? Quán cà-phê với truyền hình bóng đá tràn ngập mọi ngõ thu hút mọi đối tượng già trẻ từ sáng đến tối; phòng karaoke ồn ào ca nhạc thời trang, tiệm games online trò chơi bạo động... phim ảnh tung bùng khắp nẻo... nếu thiếu biện pháp quản lý khó tránh khỏi ăn chơi, rượu chè, bài bạc cá độ, xi-ke ma túy dẫn đến nhiều trường hợp đâm chém cướp giật từng xảy ra! Mấy ông Tây bà đầm áo mai-ô quần soọc cũn cớn in ngòi sao vàng nghênh ngang phố xá và nơi trang nghiêm chùa nhà thờ! Và mấy chiếc loa sắt dờn khỏi khu phố cổ lại uy hiếp lỗ tai người dân vùng ngoại vi thông báo chủ trương, phổ biến công tác trên sân trường... Còn đâu sương sớm đồng quê thanh bình, bảng lảng bóng hoàng hôn thôn dã?

Một ông giáo sư dạy khoa Đông phương học Đại học Quảng Nam trong chỗ trà dư tửu hậu đã cho rằng: “Hội An mới 23 giờ đã tắt đèn... sao không mở toang cửa khai thác các dịch vụ để hái đô-la theo kiểu các nước Indonesia, Thái Lan, lấy tiền làm phúc lợi!”. Đề nghị ấy lập tức có người đáp lại: “Chút nớ mà không giữ còn chi Hội An”. Và may thay bài học “sáng giá” do vị giáo sư đề xuất đã không được Hội An áp dụng! Hội An, trong mắt người buôn bán chỉ là chùa Cầu, khu phố cổ mà một số đã “phá cách” cùng với món ăn truyền thống đã pha phách cùng với bánh mì xúc xích dăm-bông phải “xếp hàng” chờ mua cho được cái bánh mì rồi vào nhà hàng ngồi nhắm nháp rượu bia... Gọi là văn hóa ẩm thực được doanh nhân “có bằng khen” đi rao truyền khắp năm châu bốn bể; rồi đắp kè nơi sông bồi bãi để xây dựng lâu đài phá hỏng cảnh quan để dàn dựng “Ký ức Hội An” không gian xưa xe kéo, bài chòi hò khoan, đám cưới, ghe thuyền tấp nập sông nước... Có thể nào áp đặt vội vàng với kỹ xảo điện ảnh hiện đại với hàng trăm diễn viên từ đâu đâu? Đêm khai trương “Ký ức Hội An” đến tiết mục hò khoan làn điệu dân ca Quảng Nam nhiều khán giả đứng lên ra về! Và đám cưới trai gái Hội An ai nấy thấy ngỡ ngàng? Mà di sản văn hóa... phải chất lọc, thuần chuyên đồng hành cùng lịch sử, toát ra từ máu thịt mới có độ vĩnh cửu. Phong cách, trang phục, thói quen giao tiếp, ẩm thực phải ẩn chứa sức sống hòa điệu hơi thở cuộc sống. Nếu không trân quý mà đem đánh đổi lợi nhuận... hay bất cứ một động cơ nào những giá trị ấy sẽ tan loãng phôi pha sớm muộn đánh mất bản sắc văn hóa. Còn đâu đất sống... cho người Hội An và di sản văn hóa thế giới!? ■



# Nhớ gió...

TRẦN THANH THOA

**A**nh và tôi gặp nhau nơi phố phường ngọt ngào, ai cũng mang theo cho riêng mình nỗi nhớ về những ngọn gió thổi rờn rã suốt miền tuổi thơ. Giấc mơ của anh mát rượi làn gió đồng thảo thơm lành ngọt, nhuần thấm vị phù sa nơi triển vọng bỗng bệnh lau lách. Anh nhớ quay quắt làn hương còn vương lại trên chiếc gối bông gòn mẹ nằm, phảng phất trong từng cơn gió là mùi trầm ấm, đậm đà của quế, vỏ bưởi và hoa thơm. Anh muốn được trở về những sớm mai trong lành, ngoài vườn mẹ và chị khẽ nhặt những cánh hoa rụng còn thấm ướt làn sương mỏng, bỏ vào chiếc rổ nan để pha nước gội đầu. Anh ôm vào lòng giấc mơ được cầm trên tay cơn gió nhu mì ấy, để mang theo bỏ vào túi áo ủ ấm nỗi nhớ nhà...

Tôi ngồi bên anh, nghe anh kể về những ngọn gió lướt mà nghiêng mình lách qua hàng giậu thưa, êm ái tràn vào chái bếp lấm vết tro tàn. Anh nhớ da diết mùi khói rơm khô quyện lẫn vào gió, mùi ngai ngái phảng phất chút hương nắng tươi nguyên cuối ngày. Anh làm tôi ước được một lần đứng giữa cánh đồng mênh mông quê anh. Để ngọn gió nồm thỏa sức tung tẩy luồn qua làn tóc thơm hương bưởi, hương chanh. Để được tự do thả những mơ ước ngọt ngào cho cánh diều chở về miền tuổi thơ trong veo, nơi khoảng trời xanh thắm gió hát khúc đồng dao rì rào...

Lòng tôi xao xáo nhớ những mùa gió phơn hun hút ở quê nhà. Vị gió quê tôi không nồng nàn thoảng hương cỏ mật, không ngọt bùi mùi cơm dẻo phơi khô, không có chút đắng nhẩn của hạt bùn nơi ao sâu, đồng cạn. Đó là những ngọn gió có thân thể và hình hài khắc hẳn những ngọn gió lành hiền mà anh ngày đêm thương nhớ. Những trận gió ràn rạt tràn về, mang theo hơi nóng hầm hập rất bỏng, làm bong tróc vỏ cây trầm, cây dương liễu khô, làm vạt dứa dại mọc giữa đồi cát chai sần, cằn cỗi. Đứng trong biển gió hoang vu, thấy thấm đẫm vị mặn mòi của vô vàn hạt muối biển phơi mình lấp lánh, kết tinh qua mấy bận nắng trở nên rần rỏi, thanh sạch.

Đàn gió phơn như bầy ngựa hoang tung bồm phóng khoáng, vươu cổ hí vang trời lay thức cổ cây hồi sinh sau những ngày mùa đông giá lạnh. Bước chân của gió

ngạo nghễ thổi tung những hạt cát vàng hòa trong màu nắng rớt xuống như mật, thành một vũ điệu mê đắm hút vào vòng xoáy huyền diệu. Gió cuốn lấy bao dấu chân lặng lẽ của những người đàn bà tất tả gánh cá qua trắng cát mênh mông. Họ băng qua những trưa hè rất bỏng, băng qua đồi cát mù mịt chỉ trợ trợ vài bụi cỏ khô, để vào chợ làng bán mỡ hời, mua ước mơ về một cuộc sống vui bớt nhọc nhằn. Gió làm cay mắt tôi, mỗi khi nhớ về bóng người đàn bà liêu xiêu bước lẻ loi giữa trùng cát nóng, đôi gióng tre cũ mốc chao đảo trong nắng gió bủa vây. Thương làm sao gót chân trần theo năm tháng đã sạm chai, nứt nẻ. Thương cái nón bạc màu bị rách vành hi sụp lặn trong biển cát bao la...

Đi qua những mùa gió phơn xao xáo, bước chân tôi dần cứng cáp và mạnh mẽ hơn từng ngày, như cây xương rồng giữa bạt ngàn nắng gió. Nhớ làm sao những buổi chiều đầu trần theo đám bạn vác cuốc đi đào rễ chút chút, để về nhà nấu thành thứ nước uống thanh mát, dễ chịu. Mớ rễ chút chút đào được mẹ sẽ cắt thành nhiều đoạn nhỏ, rồi trải đều một lớp mỏng trên tấm nia cũ, sau đó đem phơi khô trên mái ngói. Nhớ làn gió nhẹ thoảng mùi hương chút chút ngai ngái, từng ngậm mát lành như làm quên đi cái nóng hùng hực buổi trưa hè. Nhớ sắc tím đậm thắm của bông hoa từ bi mạnh mẽ sống giữa cõi cằn đất cát, mặc cho từng trận gió phơn ủa đến mịt mùng bủa vây. Nhớ những lúc ngồi lặng thinh ngắm ánh trăng huyền hoặc chảy luênh loang trên bãi cát vàng, về dịu dàng của đất trời khiến lòng dạ ai thổn thức...

Có những chiều anh và tôi ngồi với nhau lặng yên lòng cồn cào nhớ gió. Những mùa gió hoang vu ngày ấy đã mang theo bao câu chuyện, bao mơ ước trong veo của tuổi thơ đến với những chân trời xa thẳm. Chúng cũng cất giữ bao bí mật của một thời vụng dại, đôi lúc vẫn ủa về cùng tâm tình với ta trong giấc mộng êm đêm... ■

Ảnh minh họa

# Chúng tôi bảy người

TRƯƠNG VĂN DÂN

Trong tập thơ *We are seven* (Chúng tôi bảy người) của nhà thơ lãng mạn người Anh William Wordsworth có nói về một bé gái, khi được nhà thơ hỏi, cô luôn trả lời là gia đình cô có bảy người, mặc dù hai thành viên trong gia đình đã chết từ lâu!

Thế nhưng trong gia đình một người bạn của ba, câu chuyện hoàn toàn trái ngược. Ai cũng tưởng gia đình có năm người nhưng thực ra thì có sáu thành viên: lý do là một đứa con lúc sinh ra bị hội chứng down, gia đình nhốt kín em trong nhà để mọi người khỏi biết.

Quen bạn đã lâu, nhưng mãi về sau ba mới biết chuyện. Một bữa tình cờ bước vào nhà bạn, ba trông thấy một đứa bé bị down đang vội vàng lẩn trốn. Khi hỏi chuyện, người bạn dẫn đo, rồi sau cùng mới ngập ngừng nói đó là em trai mình. Lúc đó ba mới hiểu vì sao có lần anh ta đau khổ khi thấy một gã ngu ngốc đóng kịch, lắc lư để chế giễu một cô gái bị down trên đường phố.

Con ơi! Con thử tưởng tượng một đứa trẻ, vừa sinh ra bất hạnh đã trùm lấy nó, thế mà khi lớn lên còn bị gia đình hờ thẹn và xã hội từ chối!

Nó sẽ phản ứng ra sao? Chắc chắn động tác đầu tiên là trốn chạy, thu mình lại như một con con nhím. Nhưng những mũi nhọn không tua tủa xòe ra ngoài mà tự đâm vào trí não và ý nghĩ của mình. Một nỗi đau bất tận!

Thế giới này đầy dẫy những điều xuẩn ngốc!

Nhiều người không hiểu rằng sự khuyết tật không phải là một căn bệnh. Nó là một hoàn cảnh. Người khuyết tật không cần chữa trị. Họ không cần ai thương hại mà chỉ cần sự chấp nhận và tôn trọng.

Thân thể và chuyển động của họ có thể gây ra sự khó chịu ngay cả những người thân. Nhưng mấy ai hiểu là nhiều khi trí óc của họ minh mẫn và thông tuệ.

Bất cứ kẻ nào sinh ra với những khuyết tật vẫn phải được sống như một con người. Và không ai có thể nhân danh điều gì để nhốt họ vào căn phòng lạnh lẽo, chui nhủi như ở trong hang.

Cái hang đó chỉ ngăn cách với thế giới bên ngoài nhưng không thể ngăn chặn mùa đông trong tâm hồn họ. Họ sống như thực vật và sẽ chết vì sự im lặng và cô đơn.

Thế thì sinh ra để làm gì, nếu phải tiếp tục tồn tại như thế? Và xã hội có thể tự nhận là văn minh, được quyền tố cáo hay lên án người Sparta cổ đại khi một đứa bé sinh ra bị khuyết tật thì họ ném chúng xuống vực sâu?

Ba hiểu là trong xã hội hiện đại, khi cuộc sống có quá nhiều khó khăn cho người "bình thường" thì dĩ nhiên những kẻ bất hạnh không thể đòi hỏi gì nhiều; nhưng, giúp họ sống quanh ta, quan tâm đến họ để họ không sống đời thực vật là một đòi hỏi có gì lớn lao? Đôi khi mỉm cười với họ, nào có tốn kém gì! (Vả lại, với môi trường ô nhiễm, không khí, sóng từ trường, thức ăn, thức uống, dược phẩm... đều mang chất độc hại ai bảo đảm rằng chúng ta sẽ miễn nhiễm việc sinh con khiếm khuyết?).

Một người bạn khuyết tật của ba từng gào lên trong tâm lặng: Chúa ơi, sao con bị sinh ra khốn nạn như thế này đây? Xin Thiên Chúa nhân từ, giúp những giọt nước mắt được trôi về biển vì nếu không, con sẽ bị chết chìm trong đó.

Sau bức thư đau đớn ấy, anh ta đã quyết sinh. Chấm dứt cuộc đời khốn khổ của mình.

Nhưng không phải người khuyết tật nào cũng có một cuộc đời bi thảm như thế. Xung quanh ta có những người bất hạnh, nhưng họ đã vượt qua, chấp nhận và sống một đời sống bình thường.

Họ không tuyệt vọng. Hay ít ra khi hiểu được những bất hạnh lớn hơn, ý chí của họ bừng dậy. Và sức mạnh nội tâm giúp họ đứng lên mạnh mẽ.

Ba thuật lại câu chuyện sau đây, mà một người bạn là nhân viên xã hội đã kể lại đã làm ba ấn tượng.

Một thiếu niên bị tai nạn xe hơi. Tuy không chết nhưng một cánh tay và một bàn chân của anh không cử động được. Sau khi xuất viện anh ta gặp nhiều khó khăn nên suốt ngày trốn trong phòng, không đến trường, không muốn gặp ai hết. Anh bị trầm cảm và thường có ý tự tử.





Cảm nhận được điều ấy, mẹ anh rất buồn. Bà gọi đến văn phòng xã hội để xin giúp đỡ.

Người ta cử một cô nhân viên tới nhà để hỏi thăm. Hôm đó, từ sáng sớm người mẹ đã báo cho con trai về tin sắp có người đến thăm. Nhưng bà chỉ nghe đồ đạc ném về phía cánh cửa đang đóng chặt và câu nói vô cùng giận dữ: "Mẹ đừng gọi người ta đến".

Giờ hẹn đến, bà mẹ luống cuống ra mở cửa: "Tôi thành thật xin lỗi, con trai tôi bướng bỉnh, nói thế nào nó cũng không chịu gặp cô".

Cô nhân viên xã hội an ủi: "Không sao đâu ạ, tôi hiểu mà, bà cứ để tôi thử xem. Phòng của anh ấy ở đâu?".

"Ngay trên đầu cầu thang".

Cô gái nói: "Tốt, vậy làm phiền bà cảm giúp tôi một cái nạng".

Cô nhân viên này là một người đi tập tễnh, hai chân đeo đôi giày sắt rất nặng, lúc đi lên lầu phải dùng tay vịn vào lan can rồi nhảy từng bậc thang, cho nên cần một người mang giúp cây nạng lên lầu.

Cô ấy đu lên với tốc độ rất chậm, dùng lực của hai tay bám vào lan can, nhắc hai chân khỏi mặt đất, rồi lại rơi xuống bậc cầu thang. Vì giày sắt nặng nên mỗi lần rơi xuống phát ra âm thanh rất to.

Anh thiếu niên nghe âm thanh quái dị tiến gần, không thể nhìn được liền mở cửa phòng ra xem. Và cảnh tượng hiện ra khiến anh ta chấn động: "Một người phụ nữ với đôi chân không thể vận động lại đến an ủi một thiếu niên như mình...!".

Cô nhân viên chưa nói lời nào thì anh đã cảm thấy rằng một chút thương tích của bản thân thật ra không đáng kể.

Sau đó anh ta tiếp tục đến trường, học rất giỏi và trở thành một giáo sư dạy tin học.

Cuộc đời muôn vẻ. Có may có rủi. Nhưng dù sao thì cũng không bao giờ để mình phải thất vọng. Ba kể con nghe một câu chuyện khác mà một nhà văn người Ý đã viết để giúp chúng ta nhìn đời bằng lòng nhân ái:

Một đứa bé đi ngang qua một cửa hàng bán chó. Nó tò mò dừng lại và hỏi ông chủ tiệm giá bao nhiêu một con. "Tùy thôi, từ 30 đến 50 nghìn". "Thưa bác, cháu chỉ có 20 nghìn thôi. Vậy cháu có thể xem chúng không?". Ông chủ tiệm mỉm cười và tu miện huyết gió. Một chú chó mẹ chạy ra theo sau là năm chú chó con. Trong đó có một con đi rất chậm vì một chân bị thọt.

Thằng bé nhìn con chó tàn tật, xúc động và hỏi nó bị sao. "Lúc mới sinh, bác sĩ thú y nói nó bị hư một khớp chân nên sẽ bị tàn tật suốt đời". "Vậy à, thế thì cháu muốn mua con chó đó!". Ông chủ tiệm bật cười. "Cháu mua làm gì con đó. Suốt đời nó đâu có thể chạy nhảy như những con chó khác. Nếu cháu muốn thì bác sẽ cho cháu".

"Cháu không muốn được tặng không. Cháu nghĩ rằng nó cũng có giá trị như những con chó khác nên sẽ trả tiền cho bác bằng giá với những con kia. Bây giờ cháu chỉ có



20 nghìn, nhưng hàng tháng cháu sẽ trả bác bốn nghìn cho đến khi hết nợ".

Nói xong nó kéo ống quần lên. Ông chủ tiệm thấy có một ống chân giả, trên đó có những chỗ bắt vít bằng kim loại. "Bác xem đấy. Cháu cũng không thể chạy nhảy. Nên cháu muốn rằng con chó tàn tật kia có được một người hiểu và thông cảm nó".

Ông chủ tiệm cắn mạnh vào môi dưới. Nước mắt ông rỉ ra. "Ôi cháu ơi, bác chỉ mong và cầu nguyện là mỗi con chó đều có một ông chủ như con".

Lúc đọc câu chuyện này, nước mắt chảy dài và ba tin là nó sẽ xóa bỏ những mặc cảm cho những ai cảm thấy mình nhỏ bé và vô ích. Kể lại ba chỉ mong là con nhớ rằng giá trị của một người không phải là họ có mọi thứ đều hoàn toàn mà chính là cách sống của họ có thể làm xúc động bao nhiêu trái tim hay bao người được họ giúp mỉm cười hay được thoải mái khóc. Rằng không có gì quan trọng điều mà con thể hiện ở bề ngoài hay con là ai mà chính là điều người khác nhận ra giá trị của con. Vì thế con đừng bao giờ sợ hay đừng bao giờ mang trong lòng những mặc cảm yếu hèn nếu vì một lý do gì đó nó có thể xuất hiện trong đầu con.

Con hãy nhớ rằng không có ai hoàn toàn cả. Nên con cứ ngẩng cao đầu, mà đi... ■



# Cọ muối ngày xưa

TRỊNH CHU

Mười lăm năm sống ở phố, thụ hưởng nền văn minh phố phường, tôi cứ ngỡ cái gã nhà quê trong tôi đã bị triệt tiêu hẳn bởi những cái cao vọng, ngạo nghễ, hào nhoáng của phố thị. Ấy vậy mà ngày nọ, gã nhà quê thô vụng trong tôi bỗng nhiên trở về, vỡ ra tươi rói chỉ vì tôi gặp lại món cọ muối - một món ăn của người nghèo, ở nhà một người bạn.

Sinh thời, khi nói về danh họa Bùi Xuân Phái, nhà văn Nguyễn Tuân cho rằng ông bạn cố tri của mình mắc phải một căn bệnh trầm kha: bệnh nhớ phố. Tri kỷ đánh giá về tri kỷ thì khó mà trật được. Phố hoài thai trong Phái nổi nhớ mệnh mang. Phố đi về trong từng hơi thở, nhịp đập con tim Phái. Phố reo vỡ ký ức trong mọi suy nghĩ Phái. Phố là bản lai diện mục của Phái và Phái chính là ảnh xạ tuyệt vời của những con phố cổ Hà Nội ẩm ướt, rêu phong.

Tôi dẫn lại câu chuyện trên cốt để nói một điều: cái tâm thức duy phố ấy của Phái không phải ngẫu nhiên mà có và càng không phải bất cứ ai muốn là đều thỏa mãn. Mã di truyền phố phường nguyên bản quyết định tâm thức Phái mãi thuộc về nơi chốn nó vốn thuộc về. Người không có *gien* phố phường như Phái có cố công bằng gì thì cùng lắm cũng chỉ đẻ ra những con phố theo kiểu *check-in* mà thôi. Mã di truyền, *gien* giống nòi là tiếng nói đầu tiên và cuối cùng quyết định tài năng một con người.

Mười lăm năm sống ở phố, thụ hưởng nền văn minh phố phường, tôi cứ ngỡ cái gã nhà quê trong tôi đã bị triệt tiêu hẳn bởi những cái cao vọng, ngạo nghễ, hào nhoáng của phố thị. Ấy là vì chưa cần nói đầu xa, chỉ mỗi việc sử dụng bếp ga, bếp từ, lò vi sóng để nấu nướng hàng ngày thay cho bếp củi ở thôn quê là tôi đã thấy khó cưỡng lắm rồi. Cưỡng thế nào đây khi mà yêu cầu về mức độ tinh tươm, sạch sẽ, vô trùng ở phố bao giờ cũng đặt lên hàng đầu? Phố tối kỵ sự nhòm nhোam. Mọi thứ nơi đây nhất nhất phải quy củ, chuyên môn hóa cao độ theo công năng sử dụng. Sống trong môi trường như vậy, tôi chẳng thể làm gì hơn ngoài

việc tự đồng hóa mình, chấp nhận và coi sự thay đổi này là tất yếu.

Ấy vậy mà ngày nọ, gã nhà quê thô vụng trong tôi bỗng nhiên trở về, vỡ ra tươi rói chỉ vì tôi gặp lại món cọ muối - một món ăn của người nghèo, ở nhà một người bạn. Từ giây phút ấy, tôi hiểu rằng, thì ra những gì có vẻ phố ở tôi thực chất là một dạng phố *check in*. Phố trong tôi chỉ là nơi đến, chứ chưa bao giờ là chốn về. Quê kiếm lời trong từng hơi thở đất đai, làng mạc mới là nơi chốn để gã nhà quê tôi ngưng lắng và rồi trở về với tiếng nói rất mộc của đồng quê, dân quê. Chẳng thế nên món cọ muối bình dân quê mùa ấy cứ ám ảnh lấy tôi là vì vậy!

Quê tôi nằm bên tả ngạn thượng nguồn con sông Gianh thuộc tỉnh Quảng Bình. Cọ ở đây tất nhiên không thể nhiều bằng đất tổ Phú Thọ. Tuy vậy, dọc dài đôi bờ sông, thỉnh thoảng vẫn xuất hiện những dãy cọ cây cao lá tốt. Người dân quê tôi trồng cọ không phải để ăn quả. Cọ được trồng với mục đích chính làm vật liệu lợp nhà, lợp chuồng bò, chuồng lợn, gà... thành ra không phải ai và lúc nào cũng có món cọ muối để ăn. Bởi cây cọ ăn được quả, quả ngon thì ít nhất phải là cây từ 24 lá trở lên, tương đương với hai năm không chặt lá, vì mỗi tháng cây cọ đẻ đúng một lá. Chỉ khi được sinh ra trong một gia đình cọ đầy đủ và sung túc như thế quả cọ mới bùi, béo, dẻo và không sượng, không sâu. Trong khi đó, mái tranh cứ độ hai năm là phải thay mới, đúng với thời gian để cây cọ cho quả ngon, nên lá thường xuyên bị chặt kiệt. Muốn có quả cọ ngon để ăn, người dân quê tôi chẳng còn cách nào khác ngoài việc chừa ra một hai cây mỗi lần chặt lá.

Cứ tháng 11, tháng Chạp âm lịch là mùa quả cọ. Cọ sau khi hái về, người chế biến lấy một lượng quả vừa phải bỏ vào cái rổ xáo rồi úp bên trên thêm một cái rổ hoặc cái mẹt và bắt đầu xóc. Mục đích của việc làm này là để quả cọ không bị văng ra ngoài trong quá trình xóc. Quả cọ bị lên - xuống, xuống - lên, xoay trái - xoay phải, lóc lộn tứ bề thì lột hết vỏ. Số lượng quả cho một





Nguồn: [nhatkydoithuong.wordpress.com](http://nhatkydoithuong.wordpress.com)

lần làm món cọ muối nhiều hay ít là do ở người chế biến quyết định.

Thường thì khoảng ba đến năm mẻ xóc là đủ cho một lần muối. Sau khi công đoạn loại bỏ vỏ cơ bản xong, người chế biến chỉ việc nhặt quả cọ thả vào nồi nước sôi liu riu đã đun từ trước trên bếp, tầm 70 - 80° C để ỏm. Ấy là nói cho dễ định, chứ ít người máy móc đo. Trên thực tế, người chế biến thường thử bằng cách nhúng bàn tay vào nồi nước đang đun trên bếp mà thấy không bỏng, vẫn chịu được là vừa. Tiếp tục giữ nồi cọ ở nhiệt độ ấy thêm khoảng 10 - 15 phút nữa là quả bắt đầu chín. Sau đó, người chế biến đổ cọ ra rổ, chờ cho ráo nước thì mới tiến hành tách bỏ hạt và giữ lại phần cùi thịt của quả cọ. Công đoạn cuối cùng là cho phần cùi thịt này vào trong ang hoặc vại, rắc đều muối và ủ thêm ba, bốn ngày là có món cọ muối để ăn cơm.

Món cọ muối dân dã, lại dễ chế biến là thế, nhưng vì thuở ấy quê tôi ai cũng nghèo nên món ăn này hiếm khi trở thành rất quý, cứ phải ăn dè sẻn để ra giêng ngày rộng tháng dài còn có cái mà đưa cơm.

Cọ muối có vị chua chua, bùi bùi, ngọt ngọt... đảm bảo sẽ rất tốn cơm.

Miền man nghĩ về món cọ muối nơi thôn dã, tôi nhắc máy điện thoại gọi cho mẹ ở quê. Mẹ tôi bảo: "Giờ có ai đói nữa đâu mà ăn cọ muối!".

Ừ, quả thật là thế! Đời sống dân quê tôi đã sang một bước ngoặt. Cái ăn cái mặc không còn là nỗi lo. Thời kỳ ăn no mặc ấm, nhà tranh vách đất đã qua, thay vào đấy là ăn ngon mặc đẹp, nhà lầu xe hơi. Mà ăn ngon mặc đẹp chưa biết chừng cũng sắp qua rồi ấy chứ. Cứ nghe cách nói của mẹ tôi đủ biết món cọ muối của tuổi thơ tôi giờ trở thành ngày xưa mất rồi. ■



**Biết đâu**

ĐOÀN VĂN SÁNG

Cháo rau lưng lửng lớt lòng  
 Buồn vui nuốt trọn cho xong một ngày  
 Biết đâu vạn sự rủi may  
 Giàu gieo nhơn nghĩa... trắng tay lụn tàn  
 Biết đâu trời đất thên thang  
 Đường về địa ngục... thiên đàng... bao xa?!  
 Biết đâu ai biết thiệt là...  
 Xùng xình như bị "mắc ma"... sớm chiều!

**Ca dao**

PHẠM ÁNH

Đôi khi vẽ rắn thêm chum  
 Đẻo cày giữa chợ gian truân ở đời  
 Trước quen sau lạ lẽ loi  
 Xin nghe đá núi em ơi nói gì!

Một mình hết đợi rồi đi  
 Xin nghe cỏ biếc xanh rì lối xưa  
 Giản sàng rô rá nong nia  
 Cối xay cối giã mai kia đâu còn.

Bòn hòn cam chịu ngọt ngon  
 Em ơi dưa môm mâm son đám nào  
 Đong đưa gió lội rì rào  
 Xón xang nổi nhớ làm sao hết buồn!

**Trung đạo,  
bình thường phép lạ**

MIỀN ĐỨC THẮNG

Có không cánh cửa đời vô dục?  
 Mà không tìm kiếm, đợi chờ  
 Có không thể giới tự nhiên trật tự  
 Về bình thường của một kẻ thờ ơ  
 Khi dòng chảy đất trời, âm lạnh  
 Từ trong đó thiện ác gieo mầm  
 Hãy cho tôi dây đàn đừng căng quá  
 Mà cũng đừng chùng quá chẳng ra âm  
 Cánh cửa thị phi chờ đây vọng động  
 Điều chế tâm vui là vượt khỏi bóng đêm  
 Như thế bình thường là Trung đạo  
 Như thế bình thường là phép lạ đây em.

**Vội anh  
biển mãi là nhà**

PHAN THÀNH MINH

Ấm no từ qua gian khổ  
 Áo com cũng là chiến trường  
 Thương nước ôm bờ sóng vỗ  
 Nghìn trùng thương vẫn là thương

Rẽ đêm tàu ra biển sớm  
 Con tàu - gạch nổi trái tim  
 Gian lao bám đầu bám biển  
 Ngày đêm lặn lội kiếm tìm

Tàu đi mang theo hồn nước  
 Tàu về ấm ấp nghĩa quê  
 Dòng dầu tranh nhau chảy ngược  
 Hân hoan sung túc theo về

Nghìn trùng mệnh mông giống tổ  
 Kiên trì đá cũng nở hoa  
 Gian lao biển cuồng sóng nộ  
 Thương anh lấy biển làm nhà.

**Nắng quê**

TRÀ KIM LONG

Tôi đi dưới nắng Sài Gòn  
 Vẫn khu phố ấy vẫn con đường này  
 Gió lùa bóng nắng lung lay  
 Se se gợi nhớ những ngày nắng quê.  
 Dưới hiên võng mắc trưa hè  
 Liu riu đường gió xuyên khe xạc xào  
 Lưng trần lội giữa lòng ao  
 Bắt con tép nhỏ cho vào giỏ mây.  
 Miếng cơm ngày nôi theo ngày  
 Đã say cùng nắng lại cày với mưa  
 Bốn mùa nhiều khổ vui thưa  
 Vui chưa kịp đến đã mua buồn về.  
 Xưa còn bao nỗi nhiều khê  
 Nay chưa biết được trời quê thế nào?  
 Trên đường mắt nắng nổi sao  
 Tôi nghe như có nghẹn ngào tiếng quê.



## Thà như

TRẦN PHÁP

Thà không cảm xúc như cây cỏ  
Chẳng phải buồn vui chẳng giận hờn  
Chẳng thấy mây về neo bến lạ  
Chẳng hay sương sớm quyện đầu non.  
Thà tâm khô khốc như là đá  
Chẳng bận mưa cuồng, lụy nắng hanh  
Chẳng nghĩ thời đời đen lẫn trắng  
Không quan tâm đến bại hay thành.  
Thà như mà chẳng thà như được  
Vẫn cố trong tâm đủ bảy tình  
Lòng vẫn cưu mang đầy sáu đục  
Nên khó ra ngoài tiếng trọng khinh.  
Hình hài một tấm thân mang nặng  
Lăn lộn vào trong chốn thị phi  
Hít thở thấy toàn hương vị đắng  
Chát chua buồng một tiếng cười khi.

## Nhớ tháng Ba

NGUYỄN HOÀI ÂN

Tháng Ba hoa cải lên ngồng  
Câu hò văng vẳng bến sông quê người  
Bâng khuâng nhớ mẹ khi cười  
Quê nghèo in bóng một thời rong chơi.

Xa xôi mấy nẻo phương trời  
Từ trong nỗi nhớ vọng lời ca dao  
Mây mù phủ kín trên cao  
Con mưa ướt đỏ xanh xao tiếng chiều.

Ai về qua ngõ cô liêu?  
Bỏ quên mắt biếc xiêu xiêu lá vàng  
Đường về lối vắng thên thang  
Tháng ba nhưng nhớ ngõ ngang mùa yêu.

## Cuối hoàng hôn

TỊNH BÌNH

Cuối hoàng hôn lấp lánh dòng sông  
Lòng bâng khuâng cánh chim chiều mê mãi  
Trôi biền biệt khoảng trời xưa xa ngái  
Mùa gió tuổi thơ âm vọng mơ hồ

Cuối hoàng hôn giọt nắng chột hư vô  
Dòng hoài niệm ngày này năm trước  
Một người xa... chẳng thể nào quên được  
Áo hoàng hoa hư thực khói sương nhòa...

Cuối hoàng hôn ngọn lam chiều êm ả  
Dáng què hương trong dáng mẹ guộc gầy  
Bước trở về âm lòng con biết mấy  
Bên mẹ hiền... Hạnh phúc nhất trần gian!

## Hương quê

ÁI THI NHÂN

Quê là lá cánh cò bay  
Thơm lừng hương lúa ngát ngây lòng người  
Quê là rộn rã tiếng cười  
Trẻ thơ siêng học người người siêng năng.  
Quê là vượt mọi khó khăn  
Xóa nghèo giảm đói trường thành sớm hôm

Quê hương lắng đọng tâm hồn  
Mẹ già tần tảo nuôi con tháng ngày  
Lo cho ăn vóc, học hay  
Phụ đời, giúp nước chóng chầy lưu danh...

Quê hương trái ngọt, cây lành  
Siêng năng chăm bón, trĩu cành bội thu  
Quê là rợp bóng mù u  
Bến đò, đa thụ, đánh cu, nhảy cò...

Quê là điệu lý, câu hò  
Trai thanh, gái lịch dạo dò thủy chung  
Quê là gắn bó nhớ nhung  
Tinh làng nghĩa xóm luôn cùng bên nhau

Quê là ngọt nước kênh đào  
Tiếng chèo khoan nhặt dạt dào, thành thoi...  
Quê là tất cả quê ơi!  
Đi xa mãi nhớ trong đời không quên.





Kỷ ức ngày cũ

# Tìm cha

TRẦN THỊ LINH CHI

Năm 1946 cha tôi theo kháng chiến ra đi khi tôi còn là cô bé mười tuổi, theo mẹ tản cư về Đồng Xuyên cùng với hai em. Chúng tôi ăn nhờ ở đậu tại nhà một người cậu. Nhưng chẳng lẽ cứ ở mãi như thế, vì nghe nói chiến tranh còn kéo dài! Điều này mỗi đêm tôi thường trăn trở với riêng mình. Nhưng hôm nay tôi thấy mẹ cũng lo buồn. Tiếng cựa quậy lưng trên chiếc chõng tre như một nỗi đau quặn quại!

Tôi nhẹ bước ra cửa ngối trên thềm đất. Một vài vì sao mờ nhạt ẩn náu phía trời xa. Tôi nhớ đến cha. Mùa đông đã chớm đến. Không biết bây giờ cha đang ở đâu?

Có bước chân của mẹ đến bên tôi và bà ngối xuống. Tôi quay lại:

“Mẹ không ngủ à?”

“Mẹ chỉ nằm, không sao ngủ được. Đột nhiên mẹ nghĩ... hay là con thử đi tìm cha?”

Tôi mở to mắt:

“Con đi tìm cha... Mà biết cha ở đâu?”

“Cha đang ở ty Ngân khổ đường B. ị đó ngoài Thanh Hóa cùng anh con”.

Mẹ lặng im một chút rồi tiếp:

“Tôi nhất cho con là mùa này con phải đi qua nhiều cánh đồng không mông quạnh, mới tới được con lộ dẫn đến ga Văn Xá. Rồi con phải lên tàu ‘đi cộp’, con phải tìm cho được một người khách có vẻ hiền lành và cùng đi Thanh Hóa, con phải bám sát họ kẻo lạc mất thì nguy”.

Tôi thần thờ nhìn khuôn mặt héo hon của mẹ với nỗi thương tâm!



"VẬY NGÀY MAI CON ĐI NGHE MẸ!".

Mấy ngôi sao trên trời đã lặn đầu mắt, trời cũng sắp đổ mưa.

Đêm đó mẹ không sao ngủ được, bà thao thức trắng đêm. Tôi cũng không tài nào chợp mắt được, chốc chốc lại nghe tiếng thở dài của mẹ, hoặc trằn trọc trên chiếc chõng tre. Chắc chắn là bà rất đau khổ khi phải sai tôi đi tìm cha... trong hoàn cảnh không thể khác được. Còn tôi, tôi cũng nao nức muốn gặp cha. Người ta nói đi kháng chiến còn phải tay súng tay cày, nhưng cha tôi là một nhà văn, liệu ông có thích nghi với hoàn cảnh? Tôi phải tìm cho được cha thân yêu của tôi. Tôi sắp xếp mọi việc trong đầu, toàn là những điều tưởng tượng cho chuyến đi ngày mai.

Qua hôm sau, mẹ cho tôi ăn bữa cơm tối lúc ba giờ chiều. Mẹ nói:

"Con ăn sớm một chút cho kịp chuyến tàu ra Thanh Hóa vào sáu giờ tối nay".

Mưa bụi vẫn còn lai rai. Mẹ tiễn tôi ra tận cuối làng. Khi những ô ruộng lấp xấp nước đã hiện ra, tôi xin mẹ hãy trở về. Mẹ muốn đưa tôi tận ga Văn Xá. Tôi nhìn mẹ khẩn khoản:

"Nếu mẹ đưa con đến tận ga, khi trở về mẹ sẽ đi qua những cánh đồng tối mịt làm sao con yên tâm?".

Mẹ tôi dừng lại. Tôi chạy quanh qua bờ ruộng và khi quay lại thấy mẹ vẫn còn đứng đó rồi mờ dần trong màn mưa trắng xoá. Tôi đâu muốn khóc, mà hai dòng lệ tự nó ứa ra.

Tôi lầm lũi đi qua những cánh đồng gió tạt mưa xuyên, nhìn những cánh ruộng thấy người ta chỉ trồng rau cải hành họ. Tôi bỗng nhớ những câu hát của mẹ tôi rồi tự hát:

*Mưa lâm thâm ướt dầm lá họ  
Em thương người có mẹ không cha.*

Giá có được một buổi chiều nắng vàng hiu hắt, ít ra tôi cũng có được cái bóng của mình để làm bạn đồng hành. Ở đây, giữa mưa dầm gió bắc. Như kẻ bị tách ra làm hai, tôi cảm thương người con gái đó vô cùng.

Tôi vừa chợt nhận ra con đường cái có hàng cây xanh dẫn đến ga Văn Xá. Tôi sờ cái túi có một bộ quần áo và mấy củ khoai từ còn nóng mà mẹ vừa nấu cho tôi hồi chiều, tôi mang cái túi lên vai và cảm thấy lòng mình bớt lạnh lẽo!

Rốt cuộc rồi tôi cũng lên được xe lửa và tôi đang đứng lấm lét trên một toa tàu hạng bát. Bỗng tôi nghe một tiếng gọi đặc sệt giọng Huế của một bà già xem ra còn rất khỏe:

"Dở, dở" chuyển giùm bà mấy cái giỏ!".

Tôi tiến lên tiếp tay cho bà. Sau khi đã an vị trong một xó kẹt rồi, tôi vội làm quen và hỏi:

"Dạ, thưa bà đi mô mà xách nhiều đồ đạc rứa?".

"Bà ra Thanh, chiến tranh sắp nổ to rồi, bà dọn sạch 'dà' của ra Thanh ở với con gái cho có mẹ có con".

Trống ngực tôi đánh thùm thụp bởi nỗi vui mừng to lớn đó. Tôi đã có bạn đồng hành khỏi bị lạc, điều mà mẹ tôi lo nhất. Tôi xếp lại mấy cái giỏ cho ngay ngắn giùm bà rồi hỏi:

"Thanh có phải là Thanh Hóa không bà?".

"Phải".

"Cháu cũng đi Thanh nhưng không có tiền mua vé sợ người ta đuổi xuống...".

Bà nhìn sát vào mặt tôi và hỏi:

"Cha mẹ mô mà cháu đi một mình?".

Tôi lựa lời:

"Dạ, chiến tranh loạn lạc, cháu đi tìm cha cháu...".

Bà chuyển nhìn tôi với đôi mắt hiền từ:

"Không sợ chi mô, tuổi cháu còn 'dở' mà".

Bà nhìn quanh toa tàu, rồi tiếp:

"Toa hạng bát ni, người chất đống như gà vịt. Chẳng ai để ý một đứa còn 'dở' như cháu!".

Khi người xếp ga xách cái đèn lồng dầu lửa đi qua, quả thật ông không đếm xỉa con nhỏ là tôi đây đang cố thu mình trong xó kẹt. Bấy giờ tôi mới thật sự yên tâm. Tuy nhiên, tôi có một điều lo lắng khác nữa là: Từ ga Thanh Hóa đến ty Ngân khố gần hay xa, tôi mù tịt!

Tôi đang ngủ gà ngủ gật thì có tiếng nói xôn xao:

"Đến ga Thanh Hóa rồi!".

Con tàu từ từ chậm lại. Bà cụ vội hỏi tôi:

"Cháu về mô?".

"Dạ, cháu đến ty Ngân khố đường B".

"Được rồi, cháu xách hai cái giỏ theo bà, ta ra đi xe thổ. Bà đưa cháu đến đó, có hơi ngược đường một chút, nhưng không hề chi mô".

Tôi như trút trọn vẹn nỗi lo âu. Tôi đeo cái túi nhẹ tênh của tôi lên vai và hai tay xách hai cái giỏ nặng chạy lon ton theo bà.

Thời gian như dài vô tận khi tôi đã ngồi trên vạt cỏ trước mặt ty Ngân khố. Sương khuya làm tôi lạnh cóng. May mà trời không mưa. Tôi định lấy một củ khoai từ ra ăn, không phải để cho đỡ đói mà cho đỡ buồn. Nhưng một ý nghĩ khác chợt đến: lỡ như cha không có mặt ở đây thì sao? Như vậy mình sẽ cùng đường cạn lối! Tôi cảm thấy nghẹn cả cổ. Tôi đứng lên đi đi lại lại khi sương đêm dần tan. Rồi một chút tia sáng mặt trời vừa nhô lên sau hàng cây, lóe lên trong tôi một chút hy vọng!

Cổng Ngân khố mở ra. Đã có vài nhân viên đi làm sớm. Tôi đứng bên lề đường nhìn kỹ từng người một khi họ đạp xe vô cổng, chẳng thấy đâu cái dáng vẻ của cha mình... Tôi vô cùng sốt ruột và có một quyết định liều lĩnh: Ra chặn xe từng người một để hỏi thăm về cha, dù cho xe có tông vào mình cũng chẳng sao!

Tôi vừa thấy một chiếc xe băng vào cổng, tôi dang hai tay ra. Xe dừng lại cái két. Tôi hỏi ngay chú thanh niên:

"Thưa chú,,, xin chú chỉ dùm cháu, cha cháu là nhà văn T.T.M có làm việc ở đây không?".

Chú ấy nhìn tôi từ đầu đến chân, rồi gật đầu đưa tay chỉ lên cao:

“Ông ở trên lầu ấy!”

Ôi! Ôi! Tôi đang mơ hay là thật đây? Cha ơi, con của cha đây. Tôi giấu mặt trong hai bàn tay và khóc một cách tức tưởi, rồi chùi nước mắt bằng hai tay áo... Cũng không ngờ chú thanh niên ấy từ nãy giờ vẫn đứng yên bên chiếc xe đạp. Chú nhẹ nhàng bảo tôi:

“Cháu chờ đây một chút, cha cháu sẽ xuống ngay”.

Một lát sau cha tôi ra tận ngoài cổng ngồi xuống nhìn vào mặt tôi.

“Cha ơi”.

Cha tôi cười với ánh mắt thương yêu. Khi bàn tay lạnh buốt của tôi được tay ông siết chặt, tôi cảm thấy thật an toàn.

Ông đứng lên dẫn tôi vào cơ quan và bước lên lầu vào phòng hiện bấy giờ ông đang ở. Ông kéo ghế cho tôi ngồi trước một đĩa xôi đậu. Ông nói:

“Con ăn đi kéo đói cái đã. Cha sẽ nhờ người nhà nấu cho con một ấm nước. Tắm xong con ngủ một giấc”.

Tôi vừa ăn vừa kể chuyện lung tung... về mẹ và hai em, chuyện vượt qua mấy cánh đồng, đi tàu lửa ‘cộp’, gặp cụ già tốt bụng, ngồi đợi cha mấy tiếng đồng hồ dưới sương đêm.

Ông lắng nghe một cách chăm chú và có vẻ dăm chiêu. Ông nói:

“Con đi ngủ cho đỡ mệt, trưa cha về đưa con đi dạo phố, rồi ăn cơm trưa ở quán ăn”.

Tôi bỗng nhớ đến anh và hỏi:

“Anh Lộ con đâu?”.

“Anh con đang ở chùa Mật, cách đây khoảng 15 cây số. Chiều nay ta sẽ đến đó...”

\* \* \*

Tới khu hàng vải, cha tôi ghé mua cho tôi mấy thước vải Tàu tám để may cho tôi một quần trắng và một chiếc áo dài màu mận chín. Ăn cơm xong, cha tôi đèo tôi bằng xe đạp lên chùa Mật.

Buổi trưa mùa đông tiết trời mang mang lạnh. Có những sợi nắng vàng vắt qua vai, ngỡ như chiếc khăn lụa làm bằng tơ mỏng đang quấn hờ vào cổ. Tôi nhìn con đường thẳng tắp chạy dài giữa hai hàng cây xanh. Tôi hết sức thích thú khi cha tôi nói:

“Chùa Mật kia rồi!”.

Những ngày ở chùa Mật, hai anh em tôi thường đi dạo quanh vùng. Xa xa có những trái núi hình người đàn bà đứng chon von trên đỉnh cao như người thiếu phụ trông chồng. Tôi bỗng nhiên nhớ đến mẹ! Mẹ đang chờ cha ở trong tim mình, và hiện đang chờ tôi nơi ngõ cụt từng ngày một.

Tôi muốn trở về và đem ý định này nói với anh tôi. Anh tôi bảo:

“Em ráng chờ thêm vài ngày nữa. Có lẽ cha chưa đủ tiền nên còn phải vay mượn thêm. Ban ngày cha phải làm việc cho ty Ngân khố; buổi tối đi dạy ở một số trường tư thục; về đến nhà còn phải viết báo, viết

sách, soạn bài. Anh giận mình chẳng giúp ích gì được cho cha!”.

Hôm sau cha tôi trở về sớm hơn mọi ngày. Cha gọi hai anh em tôi đến và bảo:

“Hai anh em con hãy sửa soạn hành lý, sáng mai tám giờ có tàu về Huế”.

Chờ chúng tôi ăn sáng xong, ông dặn rất kỹ với anh tôi. Tôi nghe mang máng như anh phải lên Thiên Mụ qua Nguyệt Biều ngược lên Nam Giao để gặp chú tôi và nhiều điều quan trọng khác... Ông bỏ vào túi tôi một xấp tiền đã gói cẩn thận rồi gài bằng chiếc kim băng. Tôi thấy vẫn chưa được ổn nên cho tất cả vào trong chiếc quần trắng của tôi. Xong rồi tôi lấy cái áo dài màu mận chín mặc ra bên ngoài.

“Vậy mới an toàn!”.

Cha tôi cười khen: “Con giỏi lắm”.

Cha tiễn hai anh em tôi lên ga trong khi tàu chuyển bánh, bàn tay ông đưa lên vẫy vẫy và miệng cười vui... Tôi ngoái đầu ra xe cũng vẫy tay chào tạm biệt cho đến khi hình ảnh ông mờ dần...

Xe lửa vừa đến Đồng Hới anh em tôi mới biết đường sắt bị gián đoạn, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến toàn quốc. Chúng tôi phải đi về bằng đường sông. May mà anh em tôi gặp được một chủ thuyền tốt bụng đã cho chúng tôi quá giang. Thuyền đi cũng khá vất vả. Chỗ sâu thay nhau chèo, chỗ cạn cùng nhau đẩy. Cho dù có lên thuyền hay xuống thuyền, tôi vẫn luôn luôn giữ chặt gói tiền.

Tôi thật hồi hộp khi cái hàng rào bông cỏ nhà cậu tôi vừa hiện ra. Tôi đi có mười ngày mà thấy dài như mười năm! Đẩy cái cổng tre một bên, người đầu tiên tôi thấy là em Mẫn.

Tôi chạy đến ôm em, đưa em út vừa tròn năm tuổi.

“Em ngồi làm cái chi ở đây?”.

“Em đếm coi thử mấy cái sao ở trên trời và chờ chị”.

Mẹ tôi từ trong nhà chạy ra cùng với em Đào, bà nhìn tôi hơi khác lạ. Có lẽ vì cái quần trắng và chiếc áo dài màu mận chín xinh đẹp. Việc đầu tiên là tôi cởi cái áo dài, từ từ rút cái túi trong chiếc áo cộc ra khỏi quần, mở kim băng, đưa tận tay mẹ gói tiền cha tôi gửi.

Tôi nói với mẹ:

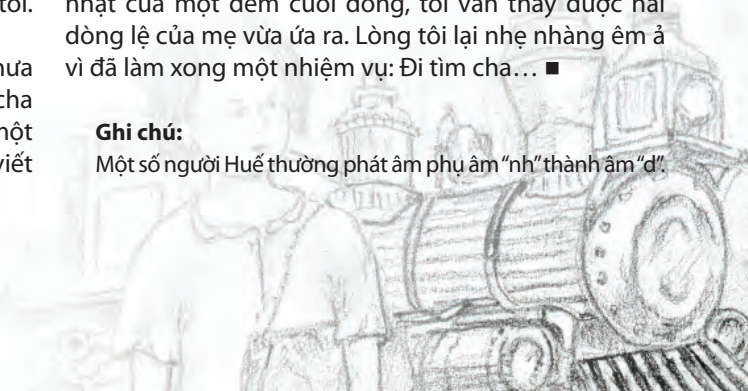
“Anh Lộ có về cùng với con, nhưng không thể ghé Đồng Xuyên được vì phải làm nhiều công việc cho cha. Mẹ yên tâm, anh khoẻ mạnh, hồng hào và chăm học”.

Tôi ngồi bệt xuống thêm đất. Mẹ và các em đều ngồi xuống theo. Tôi bắt đầu kể hết mọi chuyện và cảm nghĩ của mình từ khi ra đi...

Tiếng gà đã gáy rộn trong thôn. Dưới ánh trăng mờ nhạt của một đêm cuối đông, tôi vẫn thấy được hai dòng lệ của mẹ vừa ứa ra. Lòng tôi lại nhẹ nhàng êm ái vì đã làm xong một nhiệm vụ: Đi tìm cha... ■

#### Ghi chú:

Một số người Huế thường phát âm phụ âm “nh” thành âm “d”.





# Cha con và sách

THU ĐÌNH

**B**a là giáo viên dạy Văn, rất mê sách. Nhà ta có hẳn một tủ sách lớn nơi phòng khách, và dành riêng cho con là một tủ sách nhỏ trong phòng học. Chẳng biết có phải là *gien* di truyền không, khi xem cái điệu con cầm cuốn sách, cách con chăm chú đọc, cả cách bình, bàn về một câu chuyện, một nhân vật nào đó trong sách... ai cũng bảo con giống ba như đúc. Con thường riu rít, quăn quýt bên ba hơn bên mẹ. Chỉ vì con có chung sở thích với ba: thích đọc sách.

Trong cuộc sống bây giờ, lớp trẻ ở độ tuổi của con tiếp cận khoa học công nghệ nhanh hơn những gì người lớn tưởng tượng; cho nên, những trò chơi điện tử, phim hoạt hình được trẻ ưa thích hơn việc đọc một quyển sách. Trong khi nhiều người ở quãng tuổi của ba luôn băn khoăn về việc nhắc nhở con em mình cần phải đọc sách thì ba lại tự hào rằng việc con đọc sách xuất phát từ sự đam mê từ những ngày con còn rất nhỏ.

Mười mấy tháng tuổi, ba mẹ đã cho con tiếp cận với sách qua tranh ảnh, qua những mẩu chuyện nho nhỏ. Nhớ một lần, con giở sách đến trang có vẽ một người cha đang trìu mến hôn em bé, con cũng giở trang sách lên hôn em bé. Con gái còn đưa trang sách cho ba, ý muốn cha cũng hôn bé đi. Ba hạnh phúc và hiểu rằng đó là thành quả đầu tiên trong hành trình giúp con làm bạn với sách.

Khi con biết đọc, ba luôn để con tự lựa chọn những cuốn sách con yêu thích. Đó có thể là một cuốn truyện tranh hay chuyện cổ tích... miễn là những tác phẩm hữu ích, phù hợp với lứa tuổi của con. Siêu thị sách gần nhà mình nên ba và con vẫn thường hay lui tới vào những buổi cuối tuần hay khi rảnh rỗi. Những cuốn sách con thích rất nhiều, nhưng mỗi lần, ba chỉ mua khoảng hai, ba cuốn. Vì ba muốn, sau khi đọc xong, con sẽ lại càng thích thú, lại càng muốn được đọc tiếp và sẽ nũng nịu đòi ba đưa đi mua. Thế là... ba xem đó là cách để duy trì, để nối dài tình yêu sách cho con gái.

Tủ sách dành cho con được ba sắp xếp một cách ngăn nắp, đẹp mắt. Ba biết chính điều đó sẽ đem đến sự hứng thú cho con mỗi khi lấy sách ra đọc. Dầu bận rộn với công việc lên lớp; mỗi ngày, ba đều dành thời gian để cùng con đọc sách. Có người bảo, con còn nhỏ, đừng bắt ép con tiếp cận sách sớm làm gì, nhưng với ba, việc con đọc sách, việc ba kể cho con nghe những câu chuyện trong sách đã kích thích bộ não và phát triển trí thông minh của con rất nhiều.

Ba luôn là người đồng hành cùng con. Những câu hỏi được ba sử dụng quen thuộc đến mức khi con vừa đọc xong câu chuyện, ba chưa kịp hỏi, con gái đã chủ động trả lời: Con sẽ kể lại câu chuyện vừa đọc cho ba nghe nhé!... Con thấy nhân vật này có tính

cách... Câu chuyện này giúp con nhận ra... Và ba hiểu, chính sự tương tác ấy đã giúp con ghi nhớ, khắc sâu những điều đã đọc, đã học từ sách.

Người ta thường nói, con trẻ thường rất tò mò và hay bắt chước người lớn. Bởi vậy, ba luôn tâm niệm rằng mình phải là tấm gương tốt cho con. Ba vẫn thường ngồi bên cạnh con mỗi khi con đọc sách, kể cho con nghe về một cuốn sách lý thú mình vừa đọc, rút ra ý nghĩa từ cuốn sách cũng như nghe con chia sẻ về cuốn sách con vừa đọc. Ba hiểu cùng con đọc sách còn là những khoảnh khắc để gắn kết thêm sự gần gũi và thấu hiểu nhau giữa ba và con.

Với ba, để giúp con yêu sách, thích đọc sách là cả một nghệ thuật. Nó khởi đầu từ việc cho con làm quen với sách, cho con sống trong một không gian thật nhiều sách vở, và những khi ngồi đọc sách, ba luôn có con bên cạnh. Rồi mỗi khi kể cho con nghe về một câu chuyện nào đó, ba thường chỉ kể một nửa, hoặc dừng lại ở gần cuối tác phẩm rồi viện lý do này khác. Thế là với sự tò mò, với mong muốn được tiếp tục khám phá, con sẽ lấy sách ra đọc.

Với ba, sách giúp ta sống tích cực, giúp ta tích lũy nhiều tri thức để thành công. Mỗi khi bên con, cùng con đọc sách, ba cảm thấy thế giới này thật tuyệt. Những lúc như thế, mọi lo toan của cuộc sống, những gánh nặng và cả áp lực của công việc đều tan biến. Ba thích nghe tiếng cười giòn tan của con mỗi khi con thích thú trước một trang sách, một câu chuyện hay... Và ba tự hào rằng, chính việc con gái ba thích đọc sách ngay từ nhỏ đã đem đến cho con nhiều trải nghiệm thú vị.

Giữa cuộc sống bộn bề và rất nhiều cám dỗ, thói quen và niềm say mê đọc sách mỗi ngày của con khiến ba an tâm tin rằng việc ba cho con làm bạn với sách là một quyết định đúng đắn. ■

Ảnh minh họa

Đất phương Nam ngày cũ

# Bông cà na quê nhà

TRẦN BẢO ĐỊNH

## Một

Quê tôi bây giờ không còn mùa nước nổi đúng nghĩa nổi như từng nổi nước Đồng Tháp Mười. Và có lẽ câu hò ngày cũ:

*Tháp Mười sinh nghiệp phèn chua  
Hổ mây, cá sấu thi đua vầy vùng...*

đã lặng lẽ đi vào kho tàng chuyện cổ tích dân gian.

Song, người xứ sở  
*Mộc Hóa là xứ quê mùa,  
Bà thăm cháu ngoại cho vừa cà na.*

luôn nhớ thuộc lòng đoạn thơ trong bài thơ “Đồng Tháp Mười” (1949) của nhà thơ Nguyễn Bính:

*... Bấy trăm ngàn mẫu đất  
Sốt chia bốn tỉnh miền Nam  
Khắc khít biên thùi Chùa Tháp  
Nằm trong tay trái Cửu Long Giang  
Đồng Tháp Mười!  
Đồng Tháp Mười!  
Bao la bát ngát  
Bưng sậy lên hoang  
Mùa nắng đất khô cỏ cháy  
Mùa mưa nước ngập tràn lan  
Cò trắng ngàn năm bay chẳng dứt  
Chân trời bốn phía rộng thênh thang!”.*

Cái rộng thênh thang đó, người Pháp thời bấy giờ gọi “*Đâm cỏ lác*” (Plaine des joncs). Lưu dân tụ về, dân tứ xứ dùng bước giang hồ khai cơ dựng nghiệp. Và làng xóm lần lượt mọc lên trên *đâm cỏ lác* đó!

Ngoại bâng khuâng hoài cảm mỗi khi cây cà na trở bông lác đác ở bến sông. Tôi hỏi ngoại: “*Sao người ta gọi là cà na, hả ngoại?*”.

Mặt nước sông lao xao trong nắng chiếu thổ huyết màu đỏ ối bên kia cánh rừng lưu niên. Có lẽ, thiên nhiên cân bằng sinh thái trước khi cái ngã con người tự cho mình được quyền thay đổi. Không vội trả lời thắc

mắc của tôi, ngoại thủng thẳng nói: “*Búp bông cà na màu xanh tràn trề hy vọng, bông cà na trở màu trắng tinh khôi. Cả vùng quê mình chẳng khác gì mặc cái áo bông gòn trắng phau điểm tuyết lấm tẩm mây*”.

“*Đẹp! Đẹp tuyệt, ngoại ơi!*”, tự dung tôi thốt lên.

Ngoại cười: “*Na hàm ý yếu điệu xinh đẹp*”.

Tôi hiểu ra: “*Cà na là loài cây rau xanh xắn dju dàng, thanh thoát hoàn mỹ giữa chốn thế gian lấm tẩm bụi trần!*”.

“*Ngoại! Có lần, con đi bắt hoi cá địa bá hộ Giặt ở bàu Nước Đục, lúc nghỉ xả hơi, con nghe má con nói: ‘Hồi xưa, cậu Năm thương... vườn cà na gần bên. Năm đó, vườn cây cà na đang trở bông tươi tốt, bông đêm sáng ngày bông cà na rụng trắng đất trắng sông. Thôn nữ vườn bên bước xuống thuyền hoa đi lấy chồng. Cậu Năm lặng lẽ lộ sinh vô bụng...! Chuyện vậy, có không ngoại?’*”.

Ngoại nói: “*Cà na lớn lên, ra bông, ra trái, trái xanh, trái vàng... đổi thay, thay đổi nhưng cà na vẫn là cà na. Hoàn cảnh có thay đổi nhưng tình người chắc gì đổi thay? Cậu Năm may và người yêu cũng vậy đó. Cậu vô bụng vì yêu làng xóm, yêu cà na chớ đâu phải vì thất tình?*”.

Hồi lâu, ngoại giả lơ, nói: “*Trái cà na áng chừng bằng ngón tay người lớn, dáng bầu dục; lúc non màu xanh, khi già màu vàng... Cái vàng lợt của màu lá rụng*”.

Hình như sau đó ngoại có nói: “*Ngó bông cà na biết bụng dạ con người!*”.

Chiều trăng Đồng Tháp Mười.

Tôi bồi hồi nhớ cậu Năm Đậ, bồi hồi trong trí tưởng những ngày cậu sống ở thị trấn Mộc Hóa bốn bề nước nổi, phố chợ bông bênh như hòn đảo giữa đại dương<sup>1</sup>.

## Hai

Cậu Năm Đậ chết trên chiến lũy Măng Đa (Vĩnh Hưng) đúng vào mùa cà na trở bông!

Tin dữ tới. Ngoại lặng người, không khóc, không nói chi. Khổ thân ngoại!... Tôi nghe ngoại báo tin, đứng lặng người. Ôi cậu Năm!...

Đồng đội của cậu trao lại cho ngoại tập giấy cậu viết, có lẽ để giải khuây nỗi nhớ nhà, nhớ người:





Nguồn: YouTube

"Nước nổi năm đó, có thể nói Mộc Hóa, Tân Thạnh chỉ có 2 loại cây mang ký tự "T và B" là sống, còn lại bao nhiêu chết sạch, hoặc có sống thì cũng sống èo ọt, lây lắt..."

1. Tràm, tre trúc trãi, trâm, tranh, trâm (bầu).

2. Bàng, bần, bình bát, cỏ bông, cỏ bắc, bèo, lục bình. Cây sống ở bờ ở bụi, cây sống ở búng, cây sống ở bung, cây sống ở bùng, bùng, biển..."

Cây đã vậy, con thì:

1. Chó, mèo như muốn thành người. Vì ngày đêm ở và ngủ chung sạp với người.

2. Gà vịt muốn thành chim. Vì chúng sống trên nóc nhà, lúc nào cũng dáo dác tìm kiếm gò nổi cao, bụi tre không bị ngập là cùng hè nhau bay đến. Trời gần tối, các hướng đều có gà vịt bay vụt vụt lên nóc nhà ngủ.

Đi từ Nam ra Bắc, từ Bắc qua Lèo, Campuchia, con chưa thấy trâu nơi nào lặn giỏi hơn trâu Mộc Hóa, Vĩnh Hưng, Tân Thạnh. Ngập một-hai mét nước, không lẽ uống nước mà sống? Giữa cái sống và cái chết, buộc trâu vùng này phải thích nghi hoàn cảnh, phải lặn thật sâu kiếm cỏ, năng, lác... ăn để sống.

Nếu thế giới mở đại hội thi đua trâu lặn giỏi, thì Mộc Hóa, Vĩnh Hưng, Tân Thạnh không cần luyện tập, không

cần tuyển chọn trâu mập trâu ốm, con nào cũng được, chắc chắn đoạt giải đặc biệt".

Cậu cũng không quên kể tình cảnh sống của dân thị trấn trong vùng chiến cuộc Tây Nam:

"... Pháo Pôn-Pốt bắn qua thị trấn<sup>2</sup>, dân suốt ngày quần áo ướt nhẹp, nhưng chẳng mấy ai sợ hãi.

Sáng uống cà phê xong, pháo bắn. Chiều khoảng 1 giờ 30 phút pháo bắn. Lúc đó, ngoài chợ Mộc Hóa thịt trâu, bò, gà vịt, cá... rẻ mạt, bán như cho. Mọi người ăn bo bo, gạo quý hơn vàng. Một con trâu lớn, đổi một-hai gia gạo không ai đổi. Dân ăn cháo, ăn khoai, có xã ăn độn rau muống... Con nít đa số trần truồng ngồi chò hỏ trên sạp. Đàn bà con gái, suốt ngày quần vo sát háng. Đàn ông con trai, ở trần tròng trực, mặc quần xà lỏn hoặc vận khăn rằn.

Đêm đêm nghe pháo gầm biên giới..."

Cuối thơ, cậu kể vui, cái vui không còn chỗ vui hơn:

"... Huyện nào trong tỉnh cũng có thể thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, chỉ có ba huyện Mộc Hóa, Vĩnh Hưng, Tân Thạnh thì không thể. Tại sao? Tại nước lụt, vợ vo quần sát háng, ló cặp đùi tru trú, chồng mặc quần xà lỏn ngồi nằm



*trên sạp sà qua sà lại. Nhà nghèo, không xuống bông đi lại, đèn thiếu dầu không thắp, trên sạp chật hẹp, muỗi mòng rộ mé, đàn bò vô mùng sớm. Sách báo, văn nghệ không có, chiếu bóng cũng không, quay qua đung bà xã, quay lại đung vợ, nóng máy thì phải dũa...”*

Cậu tôi tếu táo, hóm hình giữa cái sống và cái chết!

... Tôi đứng trên cầu nước nhìn trùng trùng hạt li ti trắng bông cà na đan náu nhau giống chiếc khăn tang bông bệnh trôi theo gió. Tôi nghĩ bằng quơ: “Cậu chết, vì tên cậu ký tự đầu là ‘Đ’ không phải ‘T&B’. Nếu ‘T&B’ như trong thơ cậu viết gửi ngoại ngày đó, thì chắc gì cậu chết!?”

Một con chim lạc hoảng hốt kêu quang quác bên sông.

Rồi, “*Đất lành chim đậu*”, Mộc Hóa ngày một đông dân, Đồng Tháp Mười mất dần mùa nước nổi. Sự mất dần mùa nước nổi không do trời, mà do người, và cũng có thể một ngày không xa lắm, Đồng Tháp Mười quê tôi sẽ mất vĩnh viễn mùa nước nổi hằng năm. Vì đâu nên nỗi? Vì con người! Giật mình, tôi nhớ lời ngoại nói: “*Ngó bông cà na biết bụng dạ con người!*”

Ong bầu đồng nước mé bông cà na, và bông cà na yêu vôi hút mật của ong nên tiết mùi quyến rũ qua nhụy của mình theo lập trình sinh thái, theo thời khắc sinh học trong môi trường thanh sạch của thiên nhiên. Bông nở đúng thì, trái chín đúng mùa; âm dương hòa hợp, trời đất thuận hòa.

Những kẻ chuyên bắt ong bầu lợi dụng mùi hương bông cà na, rình rập bắt ong bầu ngâm rượu đem bán bọn trọc phú ham chuyện “nhứt dạ lục giao”. Ong bầu chết về tay người, mà cứ ngỡ chết trong hạnh phúc vô biên vì mật bông cà na yêu dấu!

Sông Tiền, sông Hậu thuộc Cửu Long nước ròng không sát, triều sông không bỏ bãi bồi; nhưng dòng chảy của nước rút xiết khôn cùng, ào ào cuốn phăng bờ sông sạt lở đất. Cây cà na, một giống cây lưu niên và cổ thụ, rễ không còn đủ sức bám đất để giữ đất như xưa.

Thương cậu Năm, người từng yêu cô thôn nữ vườn bên có khu vườn cà na hoang dại, và có chung nhau một dòng sông quê nhà. Chuyện tình của cậu, ngoại không hé môi bởi không muốn kể lại cho tôi nghe, dù rằng tôi háo hức muốn nghe. Ngoại chỉ nói khẽ khàng: “*Con người dẫm lên cái đẹp của na, tàn hại mùa bông cà na xinh xắn*”.

Bông cà na nở nửa đêm về sáng, lúc sương đầm đầm ướt cánh bông, và nó chỉ chịu trở lại rai hay rộ mé vào độ giữa mùa mưa châu thổ. Trái cà na căng tròn chín mọng từng chùm, từng chùm khi Đồng Tháp Mười nổi biển nước, khi thị trấn Mộc Hóa ngập tràn bản họng... Cái đảo giữa lòng biển. Và, nhứt là cây điên điển trở bông nhuộm vàng hực cả vùng dưới nắng mai.

Ngày đó, xa rồi... Xa lắm rồi!

Con người thay thiên nhiên trồng cây cà na. Bông cà na bây giờ hoàn toàn thuộc về con người như hoàn toàn thuộc về cái chết. Con người nhân danh cà na,

buộc cà na ra bông ra trái theo duy ý chí của mình. Quê tôi, cây cà na thiên nhiên đã mất tích theo từng mùa nước lở đất sạt bờ sông.

Nhiều đêm tôi ngẫm nghĩ: “Cậu tôi yêu người cậu yêu có khác chi con ong bầu yêu bông cà na. Và, cũng có khác chi bông tre ra bông trăm năm mới nở một lần”.

Ngoại đã nhìn thấy bông tre trở trong sân chùa Từ Vân, đường xuống Bà Kén, thị trấn Mộc Hóa.

Bông tre nở chùm, sắc vàng màu nhớ. Trái tre, người xứ ruộng gọi “*cơm tre*”. Phải mất một người đời người sáu mươi năm hoặc một trăm năm theo lời chúc tụng, thì tre mới nở bông kết trái. Đó cũng là thời khắc cuối cùng báo hiệu sự sống đời tre chấm hết. Tre trở bông tre lụi tàn! Ngoại nói: “*Trời đất đặt để vậy, hay vậy!*” Con người mặc cảm nhỏ bé trước thiên nhiên, và vì mặc cảm, con người đã biến người thành con tàn phá thiên nhiên dữ dội nhưt, độc ác nhưt!

### Ba

Mười năm sau, tôi trở lại quê nhà.

Cây cà na ở bến sông xưa đã lụi xác! Mọi vật đổi thay hoặc biến mất. Tôi người chốn cũ quay về cố hương, và bao “*người muôn năm cũ*” giờ chẳng còn...

“*Chú ơi! Chú tìm ai?*”

Cháu gái thiệt thà hỏi.

Tiếng hỏi của cháu đau thốn tâm can của người con bôn xứ. Tôi lạc lõng trên chính mảnh đất quê nhà. May là trong lòng tôi cũng còn đoạn thơ “*Đồng Tháp Mười*” của nhà thơ Nguyễn Bính, cũng còn lá thơ của cậu Năm viết gửi ngoại lúc “*đứng đầu sóng ngọn gió*” nơi chiến trường Tây Nam... Nếu không, tôi còn lạc lõng biết đường nào!

Trước mộ phần cậu, tôi thấp nén nhang gửi gió chuyển lời hỏi cậu: “*Cậu Năm ơi! Bông cà na hay bông tre?*”

Cậu tôi vẫn một lòng yêu bông cà na, dù bông tre báo tử tre để *tre già măng mọc*.

Tàn vàng un chiều khói bay lãng đãng. Tôi chợt nghe văng vẳng lời cậu nói lúc hai cậu cháu có dịp gần gũi: “*Nếu con người sử dụng khoa học công nghệ tác động tích cực vào thiên nhiên thuận theo quy luật, thì tất được cái cần được. Nếu lạm dụng ngu muội, tham lam vô độ bất chấp quy luật tự nhiên, thì có thể sẽ được cái quá được nhưt thời; nhưng sau đó, hậu quả khôn lường và khi mất, đương nhiên mất cái quá mất*”.

Cái quá mất gậm nhắm, uy hiếp sự sống muôn loài. Và con người tự hủy diệt bằng nền văn minh hủy diệt do mình sanh ra!

Trên mặt sông quê đầy chất thải ô nhiễm, bông lục bình vừa cỡi lung sóng vừa héo tàn; không như thời *hải yến hà thanh*, vừa trôi vừa nở bông! ■

### Chú thích:

1. Mùa nước nổi năm 1978.
2. Chiến tranh Tây Nam 1978.





Restaurant

# Chay

Vegetarian

Với các món ăn chay tinh khiết, nấu theo lối Huế thuần túy  
 Khung cảnh ấm cúng, thanh nhã và lịch sự

○ **Đặc biệt:** Bánh bèo, bánh nậm, bánh bột lọc, cuốn diếp, cuốn rối, bánh ướt cuốn vạn hoa, gỏi và trộn, gỏi mít trộn, cơm sen, bún Huế, cơm hến chay, bún hến chay...

**Giờ mở cửa:** Từ 6 giờ - 22 giờ

**Buổi sáng:** Cơm có điểm tâm, cà-phê và nước uống



○ **Địa chỉ:** 11 Trần Nhật Duật, P.Tân Định, Q.1, TP.HCM

○ **Điện thoại:** (028) 384 82612 - 0909 025469  
 hoan hi gặp anh Lành (quản lý)

○ **Website:** nhahangchayvietan.com

○ **Email:** nhahangchayvietan.com

Trân trọng kính mời



## CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN TIẾP VẬN QUỐC TẾ



Tầng 5 tòa nhà Cảng Sài Gòn

3 Nguyễn Tất Thành, P.12, Q.4, TP.HCM. Tel: 0938734035

"Chuyên giao-nhận hàng hóa, VHP và tranh tượng Phật giáo quốc tế"



17/2 - 17/4 Nguyễn Huy Tường, P. 6, Bình Thạnh, Tp.HCM

028. 35 035 579 - 028. 36 026 818 - 0916 943 877

lienhe@phapuyen.com - www.phapuyen.com



Công ty TNHH SX-TM

**QUANG NGHỆ**  
 QUANG NGHE CO., LTD.  
 NẾN THƠM NGHỆ THUẬT

Chân thành cảm ơn Quý khách đã ủng hộ sản phẩm  
 Nến Quang Nghệ trong suốt thời gian qua

NGÔ HUỆ PHƯƠNG - DD: 0989 183 398

□ Cung cấp nguyên vật liệu dùng trong sản xuất nến: Hương liệu, dầu parafill, sáp, rau câu, ly thủy tinh, tem, tim đèn...

□ Chuyên sản xuất các loại sáp nến thơm nghệ thuật, nến ly cao cấp... Nhận đơn đặt hàng theo yêu cầu của quý khách.

**Đặc biệt:** Có giá ưu đãi đặc biệt đối với quý khách mua số lượng nhiều.

**Cần tìm đại lý ở các chùa, tỉnh thành trong cả nước**

Nhà xưởng: 205B/28 Âu Cơ, P.5, Q.11, TP.HCM

Điện thoại: (08) 62738.228 - 38656.506 - Fax: (08) 3865.6506

Email: quangnghecandle@yahoo.com.vn

Website: www.quangnghecandle.com



DU LỊCH HOA SEN

## DU LỊCH QUỐC TẾ HOA SEN

Liên hệ: 0904999571 - 01239017018 - 02866845099 (gặp thầy Thiện Đức hoặc Pháp Tâm)

Địa chỉ: 103 Nguyễn Văn Lượng, Phường 17, Quận Gò Vấp, Tp.HCM Website: www.dulichhoasen.vn

- ✓ Ấn Độ - Nepal: 14 ngày (PT: 1.350 USD, Tăng Ni: 1.050 USD)
- ✓ Ấn Độ - Nepal: 12 ngày (PT: 1.100 USD, Tăng Ni: 1.000 USD)
- ✓ Singapore - Malaysia - Indonesia: 10tr900 (6N)
- ✓ Đài Bắc - Đài Trung - Đài Nam - Cao Hùng: 10tr500 (5N)
- ✓ Myanmar - Bago - Thuylin - Yan Gon: 10tr900 (4N)
- ✓ Campuchia - Thái Lan - Lào - Myanmar: 8tr900 (12N)
- ✓ Hàn Quốc - Seoul - Nami - Everland: 13tr990 (4N)
- ✓ Nhật Bản - Juji - Tokyo: 27tr500 (5N)
- ✓ Bắc Kinh - Vạn Lý Trường Thành: 11tr590 (5N)
- ✓ Bắc Kinh - Trương Gia Giới: 17tr390 (6N)

**Đặc biệt** CHUYÊN TỔ CHỨC CÁC TOUR: MỸ, NHẬT, ĐÀI LOAN, HỒNG KÔNG, SING, BHUTAN VÀ SILANKA...



○ Quý độc giả có nhu cầu viết bài và chụp ảnh về nhà hàng chay, quảng bá thương hiệu hay đưa tin về công tác từ thiện, chuyên mục y tế cũng như đăng quảng cáo...

○ Xin vui lòng liên hệ: đạo hữu **Pháp Tuệ**

○ ĐT: **0913 810 082**

○ Email: **bongnguyen.vhpg@gmail.com**

# Bệnh Viêm khớp

## Bệnh viêm khớp là gì?

Viêm khớp là tình trạng rối loạn tại khớp, chủ yếu ảnh hưởng tới các sụn, được đặc trưng bởi hiện tượng viêm một hoặc nhiều khớp. Viêm khớp thường có triệu chứng đau đi kèm. Đó là do khi bị viêm, các sụn bị vỡ và mòn đi, khiến cho các xương dưới sụn cọ sát vào nhau khi vận động, sẽ gây viêm, sưng, đau nhức và hạn chế khả năng cử động của khớp.

Viêm khớp có nhiều mức độ từ nhẹ đến nặng, các dạng bệnh viêm khớp thường gặp như: **Thoái hóa khớp** (còn gọi là viêm khớp thoái hóa), viêm đa khớp dạng thấp, gout, viêm khớp nhiễm trùng,...

## Các triệu chứng của bệnh viêm khớp

Bệnh viêm khớp thường tiến triển một cách âm thầm và giai đoạn đầu không có biểu hiện gì khác thường. Chỉ khi mất một lượng sụn đáng kể, người bệnh mới cảm thấy đau nhức và không cử động được khớp. Các triệu chứng viêm khớp thường thấy như:

- Đau nhức, sưng tấy, nóng đỏ tại các khớp, thường bị ở các khớp tay và chân.
- Các cơn đau ngày càng nhiều hơn, thậm chí ngay cả khi nghỉ ngơi. Tần suất đau nhiều về đêm và gây khó ngủ.
- Cứng khớp, khó cử động thường xuất hiện vào sáng sớm khi ngủ dậy và có thể kéo dài vài giờ. Đôi khi ngồi cũng sẽ có hiện tượng bị cứng khớp.
- Có thể nghe thấy tiếng kêu lạo xạo, cọt két, lục cục phát ra từ các khớp khi di chuyển hoặc khi bẻ khớp.
- Những người bị viêm khớp có thể sẽ bị sốt, mệt mỏi, chán ăn, gầy sút,...

Đau nhức, sưng tấy, nóng đỏ tại các khớp, thường bị ở các khớp tay và chân là biểu hiện của bệnh viêm khớp

## Nguyên nhân gây viêm khớp là gì?

Nhiều người nghĩ bệnh viêm khớp chỉ xảy ra ở người già. Nhưng trên thực tế bệnh có thể gặp ở bất kỳ mọi lứa tuổi và giới tính. Vì lứa tuổi khác nhau, nên nguyên nhân mắc phải viêm khớp nhiều khi cũng khác nhau. Vậy nguyên nhân gây ra bệnh viêm khớp là gì? Cùng điểm mặt những thủ phạm chính gây viêm khớp dưới đây:

- **Tuổi tác:** Tỷ lệ người cao tuổi bị viêm khớp cao hơn so với các lứa tuổi khác. Đó là do tuổi tác càng cao, các tế bào xương trở nên già hóa. Khớp cũng trở nên bị khô do không còn tiết ra nhiều dịch khớp. Cùng với đó là sụn giòn về bề dày hơn.
- **Chấn thương:** Chơi thể thao, vận động hoặc tai nạn đều có ảnh hưởng đến xương khớp và làm tăng nguy cơ bị viêm.
- **Yếu tố di truyền:** Những gia đình có tiền sử bệnh xương khớp thì con cháu của họ sau này cũng có nguy cơ mắc bệnh.
- **Thừa cân, béo phì:** Cân nặng quá mức làm tăng áp lực của cơ thể lên các khớp, đặc biệt là khớp đầu gối, khớp hông và cột sống. Chính vì vậy, người béo phì có nguy cơ cao bị viêm khớp hơn người bình thường.
- **Yếu tố nghề nghiệp:** Làm việc với các động tác hoặc tư thế lặp đi lặp lại trong thời gian dài có thể gây các dạng viêm khớp như: viêm khớp ngón tay, viêm khớp ngón chân, viêm khớp bàn tay, cổ tay, khớp vai,...

## Bệnh viêm khớp nguy hiểm như thế nào?

- Các cơ bắp yếu dần đi và có khả năng bị teo cơ.
- Khi sụn khớp bị phá hủy sẽ gây dính khớp, biến dạng khớp dẫn đến tàn phế.
- Tổn thương dây chằng xung quanh khớp, chèn ép dây thần kinh.

## Biến chứng của bệnh viêm khớp



Giai đoạn sớm



Giai đoạn trung gian



Giai đoạn cuối





- Các biến chứng khác có thể phát sinh từ viêm khớp như: gãy xương, chảy máu hoặc nhiễm trùng trong khớp, hội chứng tim,...

### Phương pháp điều trị bệnh viêm khớp

**1.1 Điều trị nội khoa bằng các loại thuốc Tây:** Thuốc giảm đau, thuốc kháng viêm không steroid, thuốc kích thích, thuốc ức chế miễn dịch và thuốc chứa corticosteroid. Điều trị bệnh viêm khớp bằng thuốc Tây y nói chung, có thể giúp bệnh nhân giảm đau, giảm viêm nhanh. Tuy nhiên, mặt trái của các loại thuốc này là chỉ điều trị triệu chứng của bệnh, bệnh sẽ bị tái phát lại khi ngưng dùng thuốc. Nếu sử dụng trong thời gian dài, người bệnh cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi tác dụng phụ của thuốc gây ra như đau dạ dày, tăng men gan, hại thận, phù mắt, đột quỵ,...

**1.2 Điều trị ngoại khoa:** Đây là phương pháp cuối cùng được áp dụng sau khi điều trị viêm khớp bằng thuốc không hiệu quả. Hoặc người bệnh có những biểu hiện nặng, xuất hiện biến chứng của viêm khớp. Các bác sĩ có thể áp dụng hình thức như: loại bỏ dịch do màng hoạt dịch bị viêm, phẫu thuật nội soi hoặc phẫu thuật thay thế khớp. Phương pháp này có thể giúp giảm đau và cải thiện khả năng vận động, nhưng cũng không thể đảm bảo khỏi bệnh hoàn toàn. Bên cạnh đó, còn có các điểm hạn chế là: chi phí điều trị cao, gây đau đớn, cần có thời gian hồi phục, nguy cơ nhiễm trùng, chảy máu vết thương, biến chứng trong và sau phẫu thuật. Đặc biệt, mỗi khi thời tiết thay đổi, vị trí phẫu thuật sẽ bị đau, thậm chí sưng tấy.

### 2. Điều trị bệnh viêm khớp theo phương pháp Đông y:

Theo quan niệm của Đông y, các bệnh viêm đau xương khớp là do phong, hàn, thấp, tà cùng phối hợp xâm nhập vào kinh lạc ở các cơ, các khớp làm cho khí huyết bị tắc nghẽn gây ra sưng đau, tê mỏi.

Điều trị viêm khớp bằng phương pháp Đông y được nhiều người áp dụng

Vì vậy, Đông y chú trọng điều trị gốc rễ của bệnh, đưa các tà khí ra ngoài cơ thể, bồi bổ nguyên khí, giúp lưu thông khí huyết ở gân, xương, giúp giảm đau và phòng ngừa tái phát. Bên cạnh đó, Đông y cũng chú trọng vào điều hòa ngũ tạng, bồi bổ can, thận, không ảnh hưởng tới hệ tiêu hóa. Đó cũng chính là lý do hiện nay bệnh nhân có xu hướng điều trị viêm khớp bằng Đông y nhiều hơn. Các thảo dược trong thuốc Đông y được sử dụng để điều trị bệnh viêm khớp vô cùng phong phú. Các thảo dược này có thể có những tính chất, đặc trưng khác nhau. Nhưng khi kết hợp với nhau sẽ làm tăng hiệu quả chữa bệnh. Một trong số các dược liệu có công dụng chữa trị bệnh viêm khớp tốt nhất phải kể đến cây Dây Đau Xương. Cây thuốc Nam quý này có tác dụng khu phong, trừ thấp, thư cân, hoạt lạc, giúp trị các chứng đau nhức và phòng ngừa biến chứng của viêm khớp hiệu quả.

*Nguồn: Trích từ Online Tổng hợp của Cty Dược phẩm Tuệ Đức*



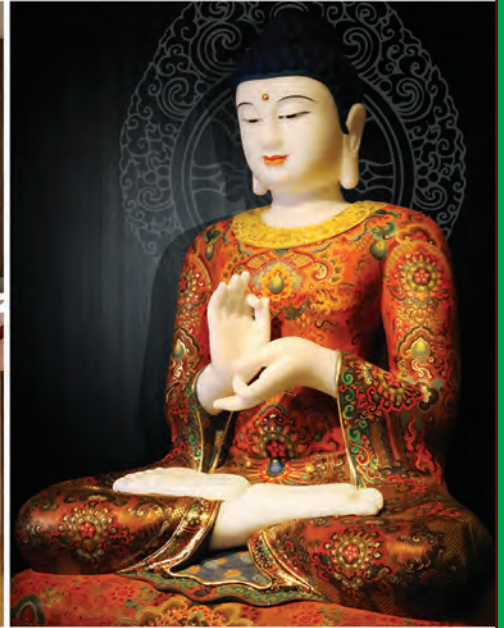
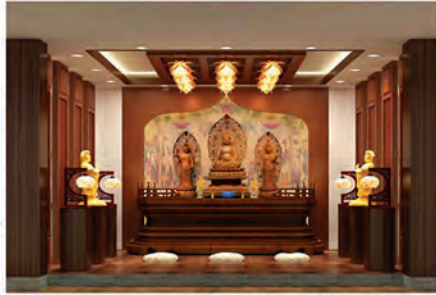
**BẠN CÓ THẮC MẮC  
BÁC SĨ TƯ VẤN NGAY**

**Tây y: ĐT 1800 6805  
Đông y: Viện Y học Dân tộc  
TP.HCM**





## TƯ VẤN THIẾT KẾ KHÔNG GIAN THỜ CÚNG - THIÊN TRÀ NGHỆ THUẬT



HOTLINE: 0902 848 363  
0938 959 503  
0906 955 663



DIÊU TƯỜNG FM  
NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO

### DIÊU TƯỜNG AM HỒ CHÍ MINH:

- 382B-D-E-F-G, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.8, Q.3, TP.HCM  
- 668 Nguyễn Chí Thanh, P.4, Q.11, TP.HCM  
- 212 Ba Tháng Hai, P.12, Q.10, TP. HCM

### DIÊU TƯỜNG AM HÀ NỘI:

- 54 LÝ THƯỜNG KIỆT, Q.HOÀN KIẾM, HN  
- 112 PHỐ HUẾ, P. NGŨ THỊ NHẠM,  
Q. HAI BÀ TRUNG, HN



KẾT NỐI YÊU THƯƠNG

## CÔNG TY TNHH DU LỊCH LỮ HÀNH QUỐC TẾ SEN AN

Địa chỉ: 896A/10 Hậu Giang, P.12, Q.6, TP.HCM - Web: dulichsenan.com

Liên hệ: 08.6275.2790 - 0909.97.2016 (Pháp Đức) - 0938.912.417 (Ms.Thanh Lan)

- Ấn Độ - Nepal - Tiểu Tây Tạng: 17N16Đ: Phật tử: 1.350 USD, Quý Tăng Ni: 1.050 USD
- Ấn Độ - Nepal - Tứ Động Tâm: 12N11Đ: Phật tử: 1.250 USD, Quý Tăng Ni: 1.000 USD
- Singapore - Malaysia - Indonesia: 6N5Đ: 10,9 triệu
- Hàn Quốc - Seoul - Nami - Jeju: 6N5Đ: 16,8 triệu
- Campuchia - Thái - Myanmar - Lào: 12N11Đ: 9 triệu
- Đài Loan - Đài Bắc - Đài Trung - Đài Nam: 5N4Đ: 10,9 triệu
- Thái Lan: 5N4Đ (buffe 86 tầng): 5,490 triệu
- Myanmar - Yangon - Tầng Đá Vàng - Thanlyin: 5N4Đ: 10,9 triệu
- Xuyên Việt: 17N17Đ: 7,5 triệu

**Đặc biệt:**  
hỗ trợ ưu đãi cho  
khách nhóm, đạo tràng.



A Brand Of Excellence

## CÔNG TY TNHH SÀI GÒN PHÚ KIM

Chuyên thiết kế sản xuất cung cấp si và lẻ:

- Móc khóa, quà lưu niệm
- Quà tặng Phật giáo các loại.

ĐT: 094 696 7466 - (028)3880 9766

Email: saigonphukim@gmail.com  
Website: www.sgpk360.com

Showroom: 378/8 Thoại Ngọc Hầu,  
P. Phú Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM



VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 20.000 đồng

**PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG**



# VĂN HÓA

P HẬT GIÁO

VĂN HÓA  
P HẬT GIÁO

2017  
TỪ SỐ 264 ĐẾN SỐ 275

2017  
TỪ SỐ 264 ĐẾN SỐ 275

Sắp  
phát hành

Mọi chi tiết xin liên hệ  
Tòa soạn: 294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,  
Quận 3, TP.Hồ Chí Minh  
Phòng Phát hành  
ĐT: (84-28) 3 8484 335  
DĐ: 0906 934 252  
(Ngô Văn Thông)

Tập 1

1

Ảnh: Nguyễn Đình Niêm



# ỐNG KẼM NHÚNG NÓNG HOA SEN

SẢN PHẨM  
MỚI



ỐNG KẼM NHÚNG NÓNG  
HOA SEN

THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



MUA HÀNG  
TRỰC TUYẾN

[www.hoasengroup.vn](http://www.hoasengroup.vn)



TỔNG ĐÀI TƯ VẤN  
1800 1515